

NGƯỜI KINH BẮC

Số ra 1 tháng/kỳ

TẠP CHÍ SÁNG TÁC - NGHIÊN CỨU - THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Số 167

NĂM THỨ XXV



THÁNG 12 - 2022

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
NHÀ BÁO NGÔ HỒNG GIANG

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
PHỤ TRÁCH
NHÀ BÁO LÊ THANH HUYỀN

THAM GIA BIÊN TẬP
**HOÀNG GIÁ
NGUYỄN NHƯ HẠO
NGUYỄN ANH THUẤN
NGUYỄN THÁI SƠN
LÊ VIẾT NGÀ
NGUYỄN TRỌNG TÌNH
KIM PHÚC**

THƯ KÝ TÒA SOẠN
HOÀNG YẾN

Email tòa soạn
tapchinguoiKinhbac@gmail.com
Website: nguoiKinhbac.vn
Điện thoại: 0222.3875.551

Giấy phép xuất bản
Số: 130/GP-BTTTT

Bộ Thông tin - Truyền thông
Cấp ngày 22/4/2013

Tòa soạn
Số 01 Lý Thái Tổ - TP. Bắc Ninh

In 1000 cuốn, KT 19 x 27cm,
100 trang, in và nộp lưu chiểu
tháng 12 - 2022
In tại:
XÍ NGHIỆP IN/NHÀ MÁY Z176

HỌC TẬP LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

* Người viết tiếp những thành công
Nguyễn Công Hào 3

* Ấn tượng về một tấm gương
Nguyễn Huy Bách 7

KỶ NIỆM 50 NĂM CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ TRÊN KHÔNG (1972 - 2022)

* Chiến thắng Hà Nội Điện Biên Phủ trên không
Bản anh hùng ca của dân tộc
V.P 11

* Khởi nguồn tên gọi Điện Biên phủ trên không
P.H 16

* Trang thơ kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên
Phủ trên không 18-19

* Người chiến sỹ trinh sát quân báo của những con
rồng lửa

Trần Vọng 20

KỶ NIỆM 114 NĂM NGÀY SINH ĐỒNG CHÍ NGÔ GIA TỰ (03/12/1908 - 03/12/2022)

* Đồng chí Ngô Gia Tự qua các thời kỳ hoạt động
cách mạng tại Bắc Ninh

Hoàng Ngọc Bính 24

* Những hoạt động yêu nước của thân phụ đồng chí
Ngô Gia Tự

Lê Viết Nga 27

KỶ NIỆM 78 NĂM NGÀY THÀNH LẬP QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM (22/12/1944 - 22/12/2022)

* Tình cảm đặc biệt của Bác Hồ đối với anh bộ đội
Đoàn Mạnh Tiến 32

* Ngọn lửa
Trần Xuân Thụy 35

* Diễn tập phòng thủ tỉnh Bắc Ninh 2022
Lê Kham 39

Truyện ngắn: Ai người sắp đặt
Hoàng Giá 41

Tản văn: Sân kho loang loáng ánh trăng
Nguyễn Thanh Nga 49



NGƯỜI Kinh Bắc

VĂN HIẾN BẮC NINH - KINH BẮC

- * Làng Nghi Khúc xưa và nay
Phạm Thuận Thành 52
- * Giữa vòng vây của sách
Văn An 55

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- * Bia đá tại đền thờ Trạng nguyên Nguyễn Xuân Chính
Nguyễn Văn An 57
- * Di sản văn hóa làng Guột
Phan Thị An Ngọc 60

Trang thơ Người Kinh Bắc

Tản văn: Mùa đông đầy yêu thương

Lương Thìn 66

Ghi chép: Nơi ươm mầm cảm xúc

Đinh Văn Y 68

TÁC GIẢ - TÁC PHẨM

- * Một bài thơ hay thời chống Pháp
Nguyễn Anh Thuận 71
- * Còn mãi những tên đất, tên làng đang trở thành huyền thoại
Cao Văn Hà 73

Trang thơ biển đảo

Truyện ký: Trò chuyện ở ruộng bắp

Vũ Thế Thước 78

Trang thơ cộng tác viên

Tản văn: Mùa cỏ lau

Thu Nga 86

Sân khấu: Ngày trở về

Thượng Luyện 89

Ghi chép: Thương tiếc Nhạc sỹ Hồng Trạch

Trọng Tĩnh 94

ÂM NHẠC

- * Một vùng đất dân ca
Nhạc và lời: Hồng Trạch 96
- * Màu xanh biên cương
Nhạc và lời: Kim Oanh 97

TIN HOẠT ĐỘNG VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

- * Đêm nhạc Nguyễn Trung - "Tìm trong chiều hội Lim"
Thanh Lâm 98

NHIẾP ẢNH

- * Bìa 1: Vũ Hoàng
- * Bìa 2: Trần Lan Anh
- * Bìa 3: Nguyễn Văn Điệp, Đức Hiệp, Hải Đăng, Lý Việt Dũng
Trần Quang Quý

MỸ THUẬT

- * Bìa 1: Nguyễn Bá Sơn, Nguyễn Phúc Oanh, Hồng Mỹ
Nguyễn Văn Lai, Nguyễn Minh Châu

NGƯỜI VIẾT TIẾP NHỮNG THÀNH CÔNG

NGUYỄN CÔNG HẢO

Rất nhiều người biết tiếng ông, vì ông là một Kiến trúc sư (KTS) tài hoa trong nghề xây dựng của tỉnh Bắc Ninh. Còn tôi mới biết ông từ cuối năm 2012 đến nay (tròn 10 năm khi tôi viết bài viết này); tôi thấy ông ở bất kỳ môi trường làm việc nào vẫn luôn giữ đúng tâm thế của một người lính Cụ Hồ, một trí thức cách mạng mẫu mực, mẫn cán, một nhà thơ, một văn nghệ sĩ tâm huyết. Trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật cũng như văn học nghệ thuật ông gặt hái được nhiều thành công, để lại nhiều dấu ấn với bạn bè, đồng nghiệp và công chúng độc giả.

Ông là KTS Nguyễn Huy Phách, sinh năm 1945 tại xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, một vùng quê nổi tiếng khoa bảng của đất học Kinh Bắc. Ông là hội viên Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Bắc Ninh, Hội KTS Việt Nam, nguyên Phó Giám đốc Sở Xây dựng - Phó Chủ tịch Hội KTS tỉnh Bắc Ninh, Ủy viên Ban Thường vụ Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh.

Sau khi tốt nghiệp chuyên ngành KTS, trường Đại học Kiến trúc, tháng 3/1967,



ông được điều về công tác ở Viện Thiết kế xây dựng Hà Bắc (tỉnh Bắc Ninh - Bắc Giang thời kỳ hợp nhất từ 1963 đến 1997). Vào thời điểm cả nước chuẩn bị bước vào chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước, tháng 10 năm 1974 ông có lệnh nhập ngũ. Hầu hết tân binh cùng đi được đi thẳng vào chiến trường còn ông được điều về Đoàn 29 - Quân khu III do tướng Đặng Kinh - Tư lệnh Trưởng chỉ huy. Biết ông là KTS nên ông được đơn vị phân công phụ trách kỹ thuật xây dựng ngôi nhà bốn tầng của công trường nhà máy gạch Chiến Thắng - Lai Khê. Đơn vị lại toàn chiến sĩ mới ở chiến trường, chỉ quen cầm súng nhưng ông đã tận tâm, tận lực, vừa trực tiếp làm vừa hướng dẫn các chiến sĩ chỉ biết bắn súng trở thành những người thợ xây dựng có chuyên môn kỹ thuật... Cũng tại công trường, ông vinh dự được gặp Đại tướng Võ Nguyên Giáp về thăm đơn vị vào năm 1976, ông được báo cáo với Đại tướng về những khó khăn của công việc kỹ thuật, cách tổ chức công trường và công việc quản lý chất lượng kỹ thuật. Đại tướng thấy ông mới có quân hàm Thượng sĩ trong khi đã tốt nghiệp Đại học là KTS nên đã đề nghị với Thiếu tướng Đặng Kinh quan tâm và tạo mọi điều kiện cho ông làm việc. Cuối năm ấy, năm 1976, ông được phong quân hàm từ Thượng sĩ lên thẳng Trung úy, thực là một việc hiếm có ở trong quân đội thời bình thời kỳ ấy và một vinh dự nữa là cuối năm ấy, ông được đơn vị bầu là chiến sĩ thi đua toàn quân. Từ nguồn cảm

hứng thăng hoa ấy, ông đã cho ra đời bài thơ ***“Trên mảnh đất này ta viết tiếp những chiến công”*** nói lên niềm vinh quang của những người lính xây dựng công trường. Bài thơ được phát trên Đài Tiếng nói Việt Nam, qua giọng ngâm của nghệ sĩ Vũ Kim Dung...

Công trình hoàn thành, ông được tin nhiệm của Tư lệnh Quân khu Đặng Kinh, gọi lên giao nhiệm vụ mới chủ trì thiết kế và chỉ đạo thi công tòa nhà trụ sở Quân khu III (Chỉ huy Sở Quân khu). Tòa nhà 5 tầng, dài gần 100m là nơi làm việc và chỉ huy của Bộ Tư lệnh Quân khu. Công trình đang triển khai thì đơn vị lại vinh dự đón Đại tướng Võ Nguyên Giáp về thăm và dự Hội nghị kỹ thuật toàn Quân khu.

Thế là ông lại được gặp Đại tướng lần thứ hai và vinh dự hơn là bản tham luận của ông đọc tại Hội nghị kỹ thuật toàn Quân khu được Đại tướng Võ Nguyên Giáp đánh giá cao. Ông còn vinh dự được trực tiếp gặp Bác Hồ từ năm 1963 khi còn đang học ở trường Đại học. Với hai lần được gặp Đại tướng Võ Nguyên Giáp rồi trực tiếp làm việc dưới sự chỉ huy của Thiếu tướng Đặng Kinh và niềm tự hào được trực tiếp gặp Nhà văn hóa lớn Hồ Chí Minh đã tạo cho ông một tâm thế trong cuộc sống xứng danh người lính Cụ Hồ trong suốt thời gian 7 năm 7 tháng trong Quân đội (từ tháng 10 năm 1974 đến tháng 5 năm 1982 được phục viên chuyển ngành về Viện Thiết kế xây dựng Hà Bắc). Trên các lĩnh vực, cương vị công tác và đến bây giờ đang là một cán bộ hưu trí, ông vẫn xứng danh là



một cựu chiến binh gương mẫu, mẫn cán trong cuộc sống đời thường.

Có lần ông nói chuyện vui với tôi và một số anh em bạn bè là ông rất có duyên với con số 7, ông bảo: “Một sự tình cờ với tôi về con số 7. Công tác ở Phòng thiết kế - Ty Kiến trúc Hà Bắc tháng 3 năm 1967 đến tháng 10 năm 1974 (tròn 7 năm 7 tháng). Ở quân ngũ cũng 7 năm 7 tháng, chuyển ngành về Viện Thiết kế xây dựng (cơ quan cũ) cũng 7 năm 7 tháng, từ tháng 5 năm 1982 đến tháng 12 năm 1989 được điều về công tác ở Văn phòng Sở xây dựng Hà Bắc”. Ông nói vui là vậy nhưng tôi cảm nhận phải là người có “Tâm” với công việc mới nhớ rõ từng thời gian công tác của mình một cách “thú vị” là vậy vì ông vẫn sống và làm việc theo tư cách của một Cựu chiến binh mẫu mực và mẫn cán. Có thể điểm qua về những thành quả trong lĩnh vực Khoa học kỹ thuật ông đã gặt hái nhiều thành công: Chủ trì thiết kế các công trình: Trụ sở Bộ Chỉ huy Quân sự quân khu III, Trụ sở Tỉnh ủy Hà Bắc (1984), Trụ sở Tỉnh ủy Bắc Ninh (1999) và nhiều công trình khác như trụ sở cơ quan, bệnh viện, trường học, biệt thự... trên đất Bắc Ninh, Bắc Giang... Thật là vinh dự đối với ông khi được thiết kế những công trình lớn như trụ sở Tỉnh ủy Hà Bắc, Bắc Ninh nhưng cũng không kém phần khó khăn thử thách. Thiết kế là một chuyện, còn việc giải trình cũng phải có lý lẽ thuyết phục cả một tập thể Ban Thường vụ gần chục vị không dễ chút nào. Mỗi người có một cảm nhận khác nhau, nhất là những chuyện đàm tiếu

chê bai bị tác động... gây khá nhiều rắc rối cho ông nhưng rồi ông cũng vượt qua. Trụ sở Tỉnh ủy Hà Bắc (năm 1984) được dư luận và công chúng, giới chuyên môn đánh giá cao về tính độc đáo của công trình. Sau này thiết kế trụ sở Tỉnh ủy Bắc Ninh có thuận lợi hơn ông đã có thâm niên, kinh nghiệm nghề và ở thời kỳ hiện đại hóa đất nước, vì thế trụ sở Tỉnh ủy Bắc Ninh (hoàn thành năm 1999) được tặng giải thưởng Kiến trúc quốc gia năm 2000, được nhiều địa phương tham quan, học tập, khen ngợi.

Nghề KTS đối với ông là giao thoa của lĩnh vực khoa học kỹ thuật và lĩnh vực nghệ thuật. Khoa học kỹ thuật có thành quả thì văn học nghệ thuật cũng đơm hoa kết trái. Ông đam mê văn chương từ thuở còn ngồi trên ghế nhà trường phổ thông - trường THPT Hàn Thuyên. Ông làm thơ từ thuở ấy nhưng phải đến khi vào quân ngũ thơ ông mới được khẳng định khi bài thơ **“Trên mảnh đất này ta viết tiếp những chiến công”** sáng tác năm 1976 được phát trên Đài Tiếng nói Việt Nam. Tôi đã đọc bài thơ này của ông in trong tập **“Mưa bóng mây”** xuất bản năm 2003 (NXB Hội Nhà văn), trong đoạn kết ông viết khá hào sảng:

*“Mảnh đất quê ta mảnh đất anh hùng
Khi màu xanh áo ta là màu xanh xứ sở
Sao chiến sĩ soi mặt người hoa nở
Trên mặt đất này ta viết tiếp chiến công”.*

Sau bài thơ này, KTS Nguyễn Huy Phách tiếp tục có một số bài được giới chuyên môn đánh giá cao, điển hình như bài **“Trận đánh này không thể thiếu tên con”**

(Sáng tác tháng 3/1979, tuyên truyền cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc năm 1979). Khi phục viên chuyển ngành về với nghề KTS ông tiếp tục làm thơ, viết văn, viết báo. Nội dung chủ yếu là những vần thơ ca ngợi quê hương, đất nước, tâm sự về nghề nghiệp. Hầu hết những bài thơ ông sáng tác là cảm xúc từ những chuyện thường ngày, hết sức giản dị, mộc mạc... chính những vần thơ ấy đã đưa ông đến bên bờ văn học nghệ thuật, ông vinh dự được kết nạp là Hội viên Hội VHNT tỉnh Hà Bắc từ năm 1983. Ông cũng là một thành viên trong Ban vận động thành lập Hội VHNT Hà Bắc từ năm 1980. Hội VHNT Hà Bắc có Quyết định thành lập của UBND tỉnh vào ngày 30 tháng 1 năm 1980 đến năm 1983 mới chính thức tổ chức Đại hội lần thứ Nhất và đi vào hoạt động.

Cũng những vần thơ ấy, đến khi nghỉ hưu ông tổng hợp lại xuất bản tập sách **“Huy Phách - Thơ tuyển”** (NXB Hội Nhà văn, năm 2012). Ông từng nhận được các giải thưởng Thơ của Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh năm 2004, 2006, Giải A thơ về Học tập và làm theo tư tưởng, phong cách đạo đức Hồ Chí Minh năm 2010, Giải Ba cuộc thi Thơ Người cao tuổi Việt Nam năm 2018, Giải Ba (Không có Nhất, Nhì) cuộc thi thơ về Phụ nữ Bắc Ninh năm 2020, Giải Nhì cuộc thi thơ viết về Bắc Ninh trong hành trình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Nghỉ hưu ông vẫn tiếp tục cống hiến cho nghệ thuật, vẫn đảm nhiệm vai trò Phó Chủ tịch Hội KTS Bắc Ninh (Trước khi

nghỉ hưu ông từng đảm nhiệm chức Phó Giám đốc Sở Xây dựng Bắc Ninh) và tham gia là ủy viên Ban Thường vụ Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh khóa II, khóa III. Đặc biệt ông vẫn tiếp tục sáng tác để “Viết tiếp những thành công”. Tác phẩm **“Bắc Ninh - Hồn phố - hồn nhà”** xuất bản quý I năm 2017 đã đoạt giải Nhất Giải thưởng VHNT tỉnh Bắc Ninh lần thứ Nhất, giai đoạn 2012 - 2017. Các bài viết trong tác phẩm là tư duy, trách nhiệm của một KTS, một văn nghệ sĩ trong suốt một cuộc đời lăn lộn của tác giả để đọc giả và các cấp lãnh đạo những người làm xây dựng có thêm tư duy về tầm nhìn quy hoạch, những quan điểm về xây dựng nền kiến trúc hiện đại, chú trọng bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa Bắc Ninh - Kinh Bắc... Mới đây nhất ông lại nhận giải thưởng Báo chí Ngô Gia Tự: Giải Khuyến khích năm 2021; Giải Nhì năm 2022.

Tôi biết ông tròn 10 năm và cũng là hơn 10 năm ông được nghỉ hưu theo chế độ nhưng tôi thấy ông vẫn miệt mài và sáng tạo vẫn viết và kể cả đi đến các xã, thôn để góp ý cho những đồ án quy hoạch, tham gia phản biện các dự án, đồ án lớn của tỉnh. Quả thực đó là sự lao động và lòng khát khao cống hiến. Những ý kiến của ông luôn được tôn trọng vì dễ hiểu, thiết thực, đảm bảo nhiều giá trị khoa học và thực tiễn. Mười năm biết về ông, thời gian đủ để khẳng định ông là một cự chiến binh mẫu mực, giản dị, trong sáng và tài hoa, ông là một tấm gương sáng để các thế hệ đi sau học tập và noi theo./.

ẢN TƯỢNG VỀ MỘT TÂM GƯƠNG

NGUYỄN HUY BÁCH

Chiếc taxi đưa đoàn huyện Gia Bình đến khu Trung tâm tẩy độc thành phố Từ Sơn vào 14h40' ngày 21/4/2022.

Người đầu tiên đón tiếp, thu xếp nơi ăn trốn ở 21 ngày tại đây là anh Nguyễn Đình Minh - một cán bộ của trung tâm. Chúng tôi rất phấn khởi về sự cởi mở ân cần, chu đáo của anh như đón người thân từ xa về nhà.

Qua tiếp xúc được biết quê anh ở thôn Lã xã Tân Hồng, nay là phường Tân Hồng thành phố Từ Sơn rất gần với trung tâm. Thôn Lã có anh Chu Bá Tiêu là bạn cùng chiến đấu, ra Bắc an dưỡng ở đoàn 157, sau chia tay nhau mà tôi chưa có dịp nào về thăm anh.

Minh hiểu nỗi lòng của tôi. Anh nói: “Anh cứ bình tĩnh, nghỉ ngơi phục hồi sức khỏe, hôm nào thuận lợi tôi đưa anh về thăm thôn Lã - quê của tôi đó anh à”. Tôi sung sướng chờ đợi...

Một chiều đang dạo quanh hồ của trung tâm, nghe tiếng gió thổi lao xao qua

từng kẽ lá, hít hà không khí trong lành nơi đây, nghe tiếng chuông chùa thánh thót vọng vào thính không mênh mông mà tâm hồn tôi thư thái, bình yên.

Anh Minh gặp tôi: “Hôm nay tôi đưa anh về Tân Hồng”. Tôi mừng nói với anh: “Trước khi đến nhà anh Chu Bá Tiêu, tôi muốn được đến thăm cụ thân sinh ra anh và nhà anh trước đã” và anh đồng ý.

Ngôi nhà ngôi ba gian kiến trúc cổ. Gian giữa là gian thờ có hoành phi câu đối, sơn son thếp vàng rất trang nghiêm. Mùi hương trầm thoang thoảng, giây phút tĩnh lặng, da gà tôi nổi lên. Tôi xin phép được thắp nhang nên bàn thờ. Tôi không hiểu gì về hoành phi câu đối trên kia. Thấy vậy anh Minh giới thiệu: “Đây là những bức hoành phi câu đối của các cụ để lại. Còn đây mấy bộ này bố em soạn thảo mới làm - ngừng giây lát Minh nói tiếp:

- Bộ hoành phi Đức Duy Hinh nghĩa là hương thơm lâu bền

Câu đối bên phải: **Tổ triệu tôn bồi thành âm đức**, nghĩa là **Ông gây nền cháu con bồi đắp**.

Câu đối vế trái: ***Phụ đường tử cầu trạch nghĩa nhân***, nghĩa là ***Cha dựng nhà cháu con gìn giữ***.

Câu đối phía Đông: ***Nhất cần thế thượng vô lan sự***, nghĩa là ***trên đời cần mẫn, kiên trì thì không có việc gì là khó cả***.

Câu đối phía Tây: ***Bách nhĩn đường trung hữu thái hòa***, nghĩa là ***Trăm đường biết nhĩn nhĩn nhà sẽ yên vui***.

Được anh Minh giới thiệu và dịch các câu đối của cụ, tôi càng khâm phục ở một bậc cao niên như cụ, cái tuổi gần đất xa trời mà vẫn thông tuệ minh mẫn để lại cho con cháu những lời giáo huấn quý giá vô cùng.

Thế mới biết tài năng, trí thông minh của con người đâu có phụ thuộc vào tuổi tác, già hay trẻ.

Nguyễn Xuân Chính người huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn - Kinh Bắc đỗ Trạng nguyên khoa Đinh Sửu đời Lê Thần Tông, lúc ấy ông 50 tuổi, là vị Trạng nguyên già nhất trong lịch sử Việt Nam. Còn Nguyễn Hiền đỗ Trạng nguyên khi ấy ông 13 tuổi là vị Trạng nguyên trẻ nhất.

Anh Minh dẫn tôi lên lầu: “Đây là phòng của bố em”.

Cụ Trình tiếp tôi cởi mở. Thấy vậy tôi cao hứng chào cụ theo kiểu nhà binh. Cụ bắt tay tôi: “Chào đồng chí”. Vậy là tôi bị hút hồn ở một cụ già đầu tóc bạc phơ mà phong cách chẳng già chút nào.

Gian phòng của cụ không phải là phòng nghỉ đơn thuần mà chính là thư phòng thì đúng hơn. Có giá sách, có báo Nhân Dân, báo tỉnh, Tạp chí Cộng sản... ngăn nắp, từng tập rất tiện lợi khi tìm đọc.

Tôi hoa mắt như đứng trước một thư viện.

Cụ Trình nói chuyện với tôi như người thân lâu không gặp, hòa nhập và không còn khoảng cách, biên giới. Tôi thầm nghĩ là mình thật may mắn, cảm ơn cụ về sự cởi mở chân thành này, mà tôi đối với cụ chỉ là bậc con cháu đối với người cha người ông đáng kính.

Cụ nói về ngày xưa, cái thời như trong cổ tích: dân ta mất nước một cổ đôi trông dưới chế độ thực dân phong kiến. Đảng ra đời, Đảng Bác lãnh đạo dân ta làm cuộc kháng chiến “*Chín năm làm một Điện Biên/ Nên vành hoa đỏ nên thiên sử vàng*”, cho đến chiến dịch Hồ Chí Minh 1975 đất nước thống nhất, thu giang sơn về một mối.

Đất nước hội nhập phát triển đi lên. Ngay trong tỉnh ta thành phố Từ Sơn được thành lập ngày 01/11/2021 vậy tỉnh Bắc Ninh có hai thành phố.

Tôi tự hào về Bắc Ninh của tôi càng thấy cái giá trị: đất nước là vô vàn kính yêu, thế hệ hôm nay và mai sau, gìn giữ cho đất nước trường tồn mà mỗi khi ta hát Quốc ca, tay ta đặt lên ngực. Tổ quốc thiêng liêng trong tim của mỗi người dân Việt.

Khi Bác Hồ cùng với đại đoàn quân tiên phong thăm đền Hùng, Người nói: “*Các vua Hùng đã có công dựng nước. Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước*”.

Lúc này tôi thấy đôi mắt cụ sáng lên. Cụ nói với niềm tự hào: “Đồng chí có biết không? Sau 25 năm tái lập tỉnh, từ một tỉnh thuần nông, Bắc Ninh trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, với nhiều chỉ



tiêu kinh tế - xã hội đứng trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước.

Tôi xen vào: “Dạ thưa cụ Bắc Ninh rất chăm lo cho an sinh xã hội. Người 65 tuổi được cấp thẻ BHYT, 70 tuổi có tiền trợ cấp xã hội, thương bệnh binh 2 năm một lần đi điều dưỡng, phục hồi sức khỏe. Cháu thấy chưa tỉnh nào có được”. Cụ tiếp: “Đó là do kinh tế Bắc Ninh phát triển, từ sự chỉ đạo đúng đắn của Đảng bộ, chính quyền và các cơ quan trong tỉnh”.

Tôi đang miên man trong niềm vui, niềm tự hào về Bắc Ninh mà quên cái tôi cần tìm hiểu về cuộc đời và sự đóng góp của cụ.

Anh Minh nói với tôi: “Bố em có 37 năm công tác: Năm 1950 làm Thư ký Mặt trận Việt Minh; Ngày 12/10 được kết nạp vào Đảng, làm tổ trưởng Đảng thôn Yên Lã thư ký Mặt trận Việt Minh Liên Việt, cán bộ xã đoàn, cán bộ tuyên truyền của xã; Năm 1952 là Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã Tân Hồng, Chi ủy viên, trưởng ban địch vận; Năm 1954 Phó Bí thư Chi bộ xã phụ trách tuyên huấn Đảng bộ liên tục đến ngày hòa bình 20/7/1954; Từ năm 1958 - 1987 ông công tác tại Ủy ban hành chính xã; Phòng Thương nghiệp huyện Từ Sơn và được nghỉ hưu năm 1987”.

Lúc này tôi thấy cụ đượm chút man mát buồn trên khuôn mặt. Cụ thổ lộ: “Đời tôi theo Đảng đến trọn đời để đến bến vinh quang của cả dân tộc xong không phải là không có gian nan, vất vả, có lúc tổ chức còn hiểu lầm, nhưng tôi vẫn kiên định lập trường con đường đi theo Đảng. Cuối cùng

tôi đã làm tròn công tác mà Đảng mà nhân dân giao phó”.

Cụ nói đến đây tôi còn mang máng câu nói của ai đó: “Người làm cách mạng ví như người vượt đường dài trong mưa bão, nếu ai chịu đựng được vất vả nguy nan thì họ sẽ tới được chân trời nắng ấm. Còn đợi đến khi cơn đủ áo lạnh là lúc cách mạng đã thành công mới ra ta vùng vẫy, chẳng khác nào én nhận chiều đông, muốn bay mà không cất cánh bay lên được”.

Cổ nhân có câu “Bĩ cực thái lai”, khổ trước sướng sau là vậy.

Cụ nhìn thẳng vào tôi mặt rạng rỡ: “Đời tôi không có gì sung sướng và vinh dự bằng là 3 lần được gặp Bác Hồ, khi Bác về thăm Bắc Ninh, Bắc Giang. Vinh dự này là kỷ niệm, là niềm tự hào của tôi, con cháu tôi”.

Anh Minh còn nói với tôi: Bố em năm nay 93 tuổi đời, 73 tuổi Đảng nhưng không nghỉ một buổi sinh hoạt nào. Mỗi lần đi sinh hoạt Đảng là hai bố con cùng đi. Lắm lúc thương bố đã già thì bố em lại xua tay: “Tôi còn thở được là tôi còn đi sinh hoạt Đảng được. Anh cứ đèo tôi đi để tôi cập nhập tình hình địa phương, trong nước và quốc tế. Anh muốn tôi bị tụt hậu hay sao?” thế là em đành chiều cụ.

Một hôm sau giờ xông hơi tôi trò chuyện với anh Bảo - Phó Giám đốc Trung tâm, tôi nói với anh chuyện đi lần này của tôi thật thú vị, còn là một kỷ niệm. Không phải là nhất cử lưỡng tiện nữa mà là tam, tứ, ngũ cái tiện.

Được đến và chiêm ngưỡng miền đất thiêng Từ Sơn Đình Bảng - nơi phát tích

Vương triều Lý đã trị vì đất nước trên hai trăm năm. Được đến quê hương của cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, Ngô Gia Tự, Lê Quang Đạo. Được gặp cụ Trình. Gặp bạn chiến đấu một thời ở chiến trường. Được tẩy độc xông hơi phục hồi sức khỏe.

Anh Bảo nói với tôi: “Còn một chi tiết này, nếu anh viết về một chuyến đi làm kỷ niệm thì đừng quên cụ Trình nói với anh Minh con trai cụ, khi ra Trung tâm công tác.

Cụ nói: “Thế anh ra đây thì lương bổng thế nào”.

“Dạ thưa bố con ra đó chỉ là làm từ thiện không nhận đồng lương nào cả”.

“Thế thì được, vì anh là cán bộ đã nghỉ hưu, nếu có lương hãy nhường cho người khác”.

Chẳng phải đâu xa, cuộc sống quanh ta những gương người tốt, việc tốt đều đáng để ta học tập để ta hoàn thiện hơn. Xã hội tốt đẹp hơn.

Chính đó là học tập và làm theo, tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Chia tay cụ Trình. Chia tay anh Chu Bá Tiêu, chia tay Trung tâm tẩy độc thành phố Từ Sơn mà lòng tôi nao nao nỗi nhớ về kỷ niệm đất và người nơi đây./.

NGUYỄN THẾ CHƯƠNG

Đồng đội ơi!

Tại nơi này tôi đã từng ở
Rừng miền Tây ngút ngát trầm tư
Trận địa Bắc Khe Tang gió rì rào thổi nhẹ
Chôn thiêu liêng đồng đội đó tôi về.
Nhớ thuở xưa một thời khói lửa
Đạn bom thù cày xới tan hoang
Một vùng rừng núi trở thành tro bụi
Hố bom chôn lán những hố bom.

Sáng hôm ấy tôi còn nhớ mãi
Trận địa bị bom đất trộn ngồn ngang
Nhiều đồng đội hy sinh không còn thân xác
Đơn vị nén đau nước mắt tuôn tràn.

Giây phút bàng hoàng tưởng đâu sự thật
Chỉ trong tích tắc họ đã ra đi
Đồng đội tôi đang độ xuân thì
Tuổi hai mươi đường đời quá trẻ.

Tạm biệt quê hương xa tình thương cha mẹ
Hận quân thù giày xéo non sông
Tiếp bước cha anh lên đường đánh giặc
Hà Nội - Hải Phòng - Nghệ An - Hà Tĩnh
Vĩnh Phú - Hải Hưng 9 người sáu tỉnh
Đã hóa thân vào cõi vĩnh hằng
Để lại tiếc thương - chẳng kịp chối chằng
Họ là những anh hùng bất tử./.

Chiến thắng Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không như một bản anh hùng ca vĩ đại của dân tộc ta trong thế kỷ XX; một trong những chiến công oanh liệt trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta. Chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” mãi mãi là biểu tượng của bản lĩnh và trí tuệ con người Việt Nam.

Những ngày này cách đây năm mươi năm, quân và dân Thủ đô Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh lân cận đã anh dũng chiến đấu đánh bại cuộc tập kích đường không

chiến lược quy mô lớn của đế quốc Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng, làm nên Chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” chấn động địa cầu buộc đế quốc Mỹ phải ký kết Hiệp định Pari chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam; tạo bước ngoặt quan trọng, quyết định để quân và dân thực hiện trọn vẹn lời di huấn của Người: “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”. Chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” như một bản anh hùng ca vĩ đại của dân tộc ta trong thế kỷ XX; một trong những chiến

CHIẾN THẮNG HÀ NỘI

ĐIỆN BIÊN PHỦ TRÊN KHÔNG

Bản Anh hùng ca vĩ đại của dân tộc





công oanh liệt trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta. Chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” mãi mãi là biểu tượng của bản lĩnh và trí tuệ con người Việt Nam.

Năm mươi năm đã trôi qua, chúng ta càng có thêm điều kiện để nhận định, đánh giá sâu sắc, toàn diện hơn về tầm vóc to lớn của chiến thắng. Nhiều nhà nghiên cứu, các độc giả trong nước và quốc tế đặt ra câu hỏi vì sao trong cuộc đối đầu với kẻ thù có tiềm lực vật chất, vũ khí mạnh hơn ta, hiện đại hơn ta gấp nhiều lần trong 12 ngày, đêm tháng Chạp năm 1972, nhưng chúng ta đã đánh thắng? Có rất nhiều nguyên nhân trong đó có cả nguyên nhân chủ quan, khách quan và bài học kinh nghiệm được rút ra, nhưng điều đầu tiên để minh chứng cho Chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ

trên không” là: Sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng, Bác Hồ, của Quân uỷ Trung ương; sự vận dụng sáng tạo nghệ thuật quân sự Việt Nam trong từng trận đánh, trong từng chiến dịch chống lại cuộc tập kích đường không chiến lược của đế quốc Mỹ vào Thủ đô Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh lân cận; do phát huy tốt sức mạnh tổng hợp của quân dân, của chiến tranh nhân dân, của thể trận phòng không nhân dân cả nước, đặc biệt là Quân chủng Phòng không - Không quân; biết vận dụng linh hoạt sáng tạo trong xây dựng thể trận nhân dân và xây dựng lực lượng phòng không nhân dân. Mặt khác, chúng ta có sự ủng hộ giúp đỡ to lớn của anh em, bạn bè, các nước xã hội chủ nghĩa và nhân loại tiến bộ trên toàn thế giới, nhất là Liên Xô. Song có một nguyên nhân hết sức quan trọng góp



phần làm nên chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” là chúng ta đã tiến hành có hiệu quả công tác đảng, công tác chính trị trong huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và tinh thần dám đánh, quyết đánh và quyết thắng giặc Mỹ của quân và dân ta.

Để xây dựng nhân tố chính trị tinh thần cho bộ đội, trong quá trình xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, các đơn vị quân đội đã chú trọng xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, trong đó lấy xây dựng về chính trị làm cơ sở để phát huy cao độ nhân tố con người, nhân tố cơ bản quyết định thắng lợi của cuộc đọ sức thần kỳ với giặc Mỹ trong 12 ngày đêm tháng Chạp năm 1972.

Công tác Đảng, công tác chính trị trong chiến dịch 12 ngày đêm tháng Chạp năm 1972 thể hiện ở việc thường xuyên làm tốt công tác giáo dục, quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng, tình hình nhiệm vụ, bản chất truyền thống, xây dựng ý chí quyết chiến, quyết thắng; làm cho bộ đội luôn có ý thức đoàn kết, kỷ luật, cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cao; kiên quyết, chủ động, sáng tạo phát huy sức mạnh chiến tranh nhân dân trong chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc, là nguồn cội tạo nên ý chí quyết đánh, quyết thắng của quân và dân ta; là tầm nhìn chiến lược của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn của Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, nhân tố quyết định thắng lợi Chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không”. Những lời tiên tri thiên tài của Bác là nguồn cổ vũ, động viên, củng cố quyết tâm cho toàn Đảng, toàn quân trong suốt

cuộc kháng chiến đầy cam go, thử thách đối đầu với không quân hiện đại của đế quốc Mỹ.

Ngay từ những năm 1962, Bác Hồ đã đặt vấn đề về việc nghiên cứu B.52 và chuẩn bị cho đánh B.52. Ngày 19 tháng 7 năm 1965, khi Bác đến thăm Trung đoàn 234 của Quân chủng Phòng không - Không quân Bác đã khẳng định: Dù đế quốc Mỹ có lăm sủng, nhiều tiền, dù chúng có B.57, B.52 hay B gì đi nữa ta cũng đánh mà đã đánh là nhất định thắng.

Năm 1966, khi máy bay đánh Quảng Bình, Bác chỉ thị cho Quân chủng Phòng không - Không quân phải tìm cách đánh cho được B.52, trách nhiệm này Bác giao cho Quân chủng Phòng không - Không quân. Năm 1967, Bác căn dặn Quân chủng Phòng không - Không quân muốn bắt cộp thì phải vào hang. Thực hiện lời căn dặn của Bác, Quân chủng Phòng không - Không quân đã đưa Trung đoàn Tên lửa 238 vào Vĩnh Linh để tìm cách đánh B.52. Sau một thời gian dày công nghiên cứu nhận dạng máy bay B.52, Tiểu đoàn 84, Trung đoàn Tên lửa 238, ngày 17 tháng 9 năm 1967 đã bắn rơi một chiếc B.52. Đây là dịp chiến đấu đầu tiên của bộ đội tên lửa bắn rơi B.52 của không quân Mỹ trên chiến trường miền Bắc.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo tài tình của Đảng và Bác Hồ đã tạo cơ sở niềm tin và ý chí quyết chiến, quyết thắng cho quân và dân ta, là cơ sở để hoạt động công tác Đảng, công tác chính trị tiến hành có hiệu quả, góp phần xây dựng nhân tố chính trị tinh thần, tạo nên sức mạnh để quân và dân ta đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất

bằng không quân của đế quốc Mỹ. Để có được chiến thắng lịch sử vẻ vang trong 12 ngày đêm quân và dân ta, đặc biệt là Quân chủng Phòng không - Không quân đã phải tốn biết bao mồ hôi, xương máu qua nhiều năm chuẩn bị từng bước, từng phương án chiến đấu. Các cán bộ lãnh đạo, chỉ huy, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và các kíp chiến đấu của các binh chủng đều phát huy trí tuệ tập thể, hiến kế đánh B.52.

Trước cũng như trong quá trình chiến dịch phòng không 12 ngày đêm cuối tháng 12 năm 1972, Quân uỷ Trung ương đã tập trung chỉ đạo sát sao các hoạt động công tác Đảng, công tác chính trị nhằm làm cho mọi cán bộ, chiến sĩ trong quân đội cũng như toàn thể nhân dân miền Bắc, nhân dân Thủ đô Hà Nội nhận thức đúng đắn âm mưu thủ đoạn của địch; tính chất gay go ác liệt của cuộc đối đầu lịch sử; nêu cao tinh thần yêu nước, từ đó củng cố quyết tâm chiến đấu. Chính làm tốt công tác Đảng, công tác chính trị nên dù bom đạn Mỹ có thể tàn phá trận địa, công trình cơ sở vật chất, kỹ thuật nhưng không thể khuất phục được ý chí quyết chiến, quyết thắng của quân và dân ta.

Trong điều kiện hạn chế về vũ khí, trang bị kỹ thuật, quân và dân cả nước, nhất là quân và dân Thủ đô Hà Nội, Hải Phòng và Quân chủng Phòng không - Không quân đã vượt qua gian khổ, tìm tòi, sáng tạo vượt qua mọi thử thách quyết liệt, đoàn kết, chi viện lẫn nhau quyết tâm đánh thắng siêu pháo đài bay B.52 của đế quốc Mỹ. Đó chính là sức mạnh, là ý chí chiến đấu, tinh thần dám đánh, quyết đánh và

quyết thắng của quân và dân ta trong chiến dịch 12 ngày đêm tháng Chạp năm 1972.

Chấp hành Chỉ thị của trên, Đảng uỷ Bộ Tư lệnh và các cơ quan Quân chủng đã dốc sức xây dựng quyết tâm, tìm tòi sáng tạo cách đánh, chuẩn bị thể trận và vũ khí trang bị, các mặt đảm bảo cho đón đánh máy bay chiến lược B.52 và các loại máy bay của Mỹ trên bầu trời Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh lân cận.

Sau khi được Quân uỷ Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh thông qua kế hoạch và phương án tác chiến chiến dịch đất trời không vào cuối tháng 9 năm 1972 thì đầu tháng 10, Đảng uỷ Quân chủng Phòng không - Không quân đã ra nghị quyết tăng cường giáo dục cán bộ, chiến sĩ quyết tâm bắn rơi nhiều máy bay Mỹ kể cả B.52. Để thực hiện các quyết tâm đó, Đảng uỷ, Bộ Tư lệnh Quân chủng đã tổ chức tốt các Hội nghị: Sơ kết rút kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ huy xây dựng và chiến đấu 6 tháng chống chiến tranh phá hoại lần thứ 2 của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc; Chuyên đề bàn về cách đánh B.52; Trao đổi kinh nghiệm về chống nhiễu, cách phân biệt nhiễu thật và nhiễu giả B.52 trong tầm đánh... Trong và sau các hội nghị nói trên đã xây dựng được lòng tin và quyết tâm chiến đấu cao “giải nhiễu được tư tưởng”, đó là thành công bước đầu của Chiến dịch “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972.

Thành công lớn nhất trong công tác đảng, công tác chính trị trong chiến dịch phòng không cuối năm 1972 là các đơn vị đã chú trọng và tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng được ý chí quyết tâm dám đánh, quyết đánh, quyết

thắng không quân chiến lược của đế quốc Mỹ, phát huy dân chủ cao độ, tổng hợp được trí tuệ sáng tạo của mọi quân nhân.

Ngay trước khi bước vào cuộc chiến 12 ngày đêm, Thường vụ Đảng uỷ Quân chủng Phòng không - Không quân cho rằng vấn đề quan trọng hàng đầu vẫn là vấn đề tư tưởng, vấn đề quyết tâm. Thời điểm đó, sau các trận B.52 đánh vào Vĩnh Linh (ngày 10 tháng 4 năm 1972), Thanh Hóa (ngày 13 tháng 4 năm 1972), Hải Phòng (ngày 16 tháng 4 năm 1972), tên lửa chiến đấu hiệu suất kém đã xuất hiện tư tưởng không tin là tên lửa Sam.2 có thể đánh được B.52 rơi tại chỗ. Do đó, đi đôi với nội dung sinh hoạt chính trị đẩy lùi ảo tưởng “hòa bình trong tầm tay” cơ quan chính trị, cán bộ chính trị tập trung đi sâu nắm tình hình tư tưởng bộ đội, suy nghĩ mọi biện pháp để củng cố niềm tin là có thể đánh thắng B.52 như đã từng đánh các loại máy bay khác để giành chiến thắng. Công tác động viên chính trị tư tưởng, xây dựng quyết tâm, công tác thi đua giết giặc lập công được chú trọng và tiến hành liên tục. Điều khẳng định Mỹ sẽ sử dụng máy bay B.52 vào đánh miền Bắc và chúng sẽ đánh Hà Nội, Hải Phòng được phổ biến sâu rộng tới cán bộ, chiến sĩ, tới các tổ chức đảng và các tổ chức quần chúng. Quán triệt cho bộ đội nắm vững phương án tác chiến, động viên cán bộ, chiến sĩ các kíp chiến đấu phát huy trí tuệ sáng tạo, tìm cách đánh, quyết tâm đánh, quyết đánh rơi máy bay B.52 tại chỗ. Quân chủng đã phát động phong trào thi đua lập công được các cấp uỷ đảng, cơ quan chính trị, chính uỷ, chính trị viên các cấp đi sâu, đi sát để quán triệt nhiệm vụ, động viên cán bộ, chiến sĩ quyết tâm đánh

bại cuộc tập kích chiến lược đường không bằng B.52 của đế quốc Mỹ.

Trong quá trình chống lại cuộc tập kích đường không trong chiến dịch 12 ngày đêm, các cấp uỷ đảng đã phát huy được vai trò, vị trí của mình đó là sự lãnh đạo tập thể đi đôi với phân công cá nhân phụ trách. Các cấp uỷ đảng đã kịp thời nhận định chính xác phương hướng, thời điểm và mục tiêu có khả năng địch sẽ đánh từ đó đưa ra cách sử dụng lực lượng và có thể trận phù hợp, bên cạnh đó phát huy quyền và trách nhiệm của người chỉ huy được linh hoạt xử lý về cách đánh. Vị trí của chính uỷ, chính trị viên cũng được phát huy, nhất là tiến hành có hiệu quả công tác chính trị, công tác tư tưởng trong chiến đấu, luôn luôn cùng người chỉ huy trao đổi kịp thời mọi tình huống diễn ra.

Chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” đã để lại cho chúng ta nhiều bài học kinh nghiệm vô cùng quý giá, những kinh nghiệm công tác Đảng, công tác chính trị trước và trong chiến dịch 12 ngày đêm đối đầu với Không quân đế quốc Mỹ góp phần làm nên chiến thắng là những kinh nghiệm được đúc kết trong thực tiễn chiến đấu của quân và dân Hà Nội nói chung, Quân chủng Phòng không - Không quân nói riêng ngày nay vẫn còn nguyên giá trị, tiếp tục được vận dụng sáng tạo trong điều kiện hoàn cảnh mới, góp phần bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Nhà nước và bảo vệ nhân dân./.

(Nguồn: Báo Điện tử ĐCSVN,
V.P tổng hợp)

Khởi nguồn tên gọi ĐIỆN BIÊN PHỦ TRÊN KHÔNG

Mùa hè năm 1954, dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân ta làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Đây là chiến thắng quyết định, dẫn tới kết quả của Hiệp định Geneve, trong đó các bên cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Campuchia. Đồng thời thực dân Pháp phải rút hoàn toàn khỏi Đông Dương, các nước Đông Dương sẽ tiến hành tổng tuyển cử tự do để tiến tới thống nhất nước nhà.

Nhân loại còn biết đến Điện Biên Phủ như một “Waterloo của thế kỷ XX”, là “hồi chuông báo tử của thực dân Pháp trên khắp quả địa cầu”, là “ngọn hải đăng trên biển cả”, là “ánh đèn pha chiếu sáng con đường đi của các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới”... góp phần cổ vũ các phong trào đấu tranh giành độc lập của các nước thuộc địa trên thế giới. Bước sang thời kỳ chống Mỹ, đã có nhiều trận đánh lớn tiếp nối, trong đó có một “Điện Biên Phủ” hết sức oanh liệt diễn ra trên bầu trời Hà Nội mà báo chí thường gọi là “Điện Biên Phủ

trên không”. Vậy cụm từ “Điện Biên Phủ trên không” xuất hiện từ bao giờ?

Theo Trung tá Lưu Trọng Lân - Nguyên Phó trưởng Phòng Tác huấn, Bộ Tham mưu Quân chủng PK-KQ, tác giả cuốn sách “Điện Biên Phủ trên không - Chiến thắng của ý chí và trí tuệ Việt Nam”, ông được nghe nhạc sĩ nổi tiếng Phạm Tuyên kể lại: Đêm 26/12/1972, Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên thắng lớn. Trong không khí hồ hởi, ngay sáng hôm sau 27/12, tại phòng giao ban của Đài Tiếng nói Việt Nam, Tổng Giám đốc Trần Lâm thông báo: “Đêm qua bộ đội ta bắn rơi 8 chiếc B-52. Riêng Hà Nội diệt 5 pháo đài bay, có 4 chiếc rơi tại chỗ. Từ Sở chỉ huy tối cao, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã biểu dương các đơn vị lập công và ra lời kêu gọi: “Kẻ địch thua đau và nhất định sẽ thất bại hoàn toàn. Nhưng, chúng vẫn còn ngoan cố kéo dài cuộc tập kích. Các đơn vị hãy bắn rơi nhiều B-52 hơn nữa, hãy giáng cho không quân Mỹ một đòn “Điện Biên Phủ” ngay trên bầu trời Hà Nội, Thủ đô thân yêu của chúng ta”.

Lời của Đại tướng đã tạo cho Nhạc sĩ

Phạm Tuyên niềm xúc động sâu sắc. Ý nghĩ sáng tác một bài hát mang tên **“Hà Nội - Điện Biên Phủ”** bỗng lóe lên trong trí óc ông. Ngay đêm hôm đó, trong căn hầm của Đài Tiếng nói Việt Nam giữa lòng Thủ đô rực lửa chiến đấu, những nốt nhạc, những lời ca hùng tráng tuôn chảy trên giấy, dưới ngòi bút của ông: *“B-52 tan xác cháy sáng bầu trời. Hào khí Thăng Long ánh lên ngời ngời. “Rồng” ta lao vút... Một trận Điện Biên nay sẽ vui mừng xâm lăng. Hà Nội ơi!”*. Sáng 28/12, cầm bản nhạc trên tay, Nhạc sĩ Phạm Tuyên đến tòa soạn Báo Nhân Dân, bài ca **“Hà Nội - Điện Biên Phủ”** của ông liền được đăng trên Báo Nhân Dân và phát hành ngay sáng 29/12. Và cũng trong ngày hôm ấy, khi chiến dịch Phòng không bảo vệ Hà Nội còn đang tiếp diễn, trong chương trình **“Tiếng hát gửi về Nam”** của Đài Tiếng nói Việt Nam, bài hát đã được phát đi trên làn sóng điện, để rồi những ngày tiếp theo, nó được lan tỏa đi muôn phương, đến với bạn bè năm châu, bốn biển.

“Hãy giáng cho không quân Mỹ một đòn Điện Biên Phủ ngay trên bầu trời Hà Nội” - lời của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và *“Một Điện Biên nay vui mừng xâm lăng, Hà Nội ơi!”* - lời trong bài hát của Nhạc sĩ Phạm Tuyên phải chăng là những gợi ý đầu tiên cho sự ra đời của tên gọi đặc biệt **“Điện Biên Phủ trên không”**?

Thực tế là sau khi thua trận đánh mang tính quyết định trên bầu trời Hà Nội, cũng giống như sau thất bại của thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ năm 1954, đế quốc Mỹ đã buộc phải ký Hiệp định Paris ngày 27/01/1973, cam kết tôn trọng các quyền cơ bản của nhân dân Việt Nam, chấp nhận

rút quân ra khỏi Việt Nam... tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho nhân dân ta tiến lên giành toàn thắng vào mùa Xuân năm 1975. Tuy nhiên, ở đây vẫn còn một dấu hỏi là: Báo nào, đài nào đã sử dụng cụm từ **“Điện Biên Phủ trên không”** đầu tiên? Câu hỏi khó khăn ấy đã khiến cán bộ, nhân viên của Bảo tàng PK-KQ vào cuộc. Họ đã đến các thư viện lớn, lật từng trang báo (Nhân Dân, Quân đội nhân dân, Hà Nội mới...) phát hành trong những ngày tháng hào hùng cuối năm 1972, đầu năm 1973. Cuối cùng họ đã đạt kết quả, tìm ra được đáp số: Đó là Báo Nhân Dân, cơ quan ngôn luận của Đảng Lao động Việt Nam (Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay). Trong số ra ngày 29/12/1972, bên cạnh bài hát **“Hà Nội - Điện Biên Phủ”** của Nhạc sĩ Phạm Tuyên, ở trang 2, chuyên mục **“Viết tại chỗ về Hà Nội - Điện Biên Phủ”** có một dòng chữ: **“Hà Nội đang thắng một trận Điện Biên Phủ trên không”**.

Như vậy, cái tên đầy hình ảnh và ý nghĩa **“Điện Biên Phủ trên không”** ấy đã xuất hiện đầu tiên trên tờ báo Nhân Dân và lập tức được làng báo phương Tây hưởng ứng. Chiến thắng **“Điện Biên Phủ trên không”** từ đó đã nhiều lần được nhắc đến trên các sách, báo, các đài phát thanh, truyền hình trong nước và nước ngoài trong suốt 50 năm qua để nói đến chiến thắng lịch sử trong 12 ngày đêm của quân và dân ta, trong đó có sự đóng góp to lớn của Bộ đội Phòng không - Không quân./.

(Nguồn: PK - KQ,
P.H tổng hợp)

NGUYỄN VĂN HỒI

Mãi mãi trường tồn

Chúng lật lọng
Cho B52 rải thảm
Mặt đất trời lên
Trụt xuống
Đêm yên tĩnh vỡ vụn thành trăm mảnh.

Chúng ảo tưởng
Sẽ cháy hết
Sẽ chết hết
Ý chí Việt tan chỉ đêm nay.

Chúng đâu ngờ
Giữa mịt mù khói cay
Cuốn Truyện Kiều của ai chép tay
Kiêu hãnh lãnh nguyên
Bên mảnh bom thù
Đen đúa chữ Tây./.



BẠCH LIÊN

Điện Biên Phủ trên không

Trận Điện Biên Phủ trên không
Năm mươi đông vẫn như chùng vện nguyên
Rồng lửa vun vút lao lên
Pháo phòng không xé màn đêm diệt thù
Bom rơi, đạn nổ mịt mù
Bầu trời rung chuyển trận đồ không trung...

B-52 cháy đùng đùng
Tựa như đuốc lớn nổ tung giữa trời
Quân dân hớn hở reo vui
Hòn cảm nén lại. Giặc trời phải tan
Một dây “phi tắc” kinh hoàng
Mặt xanh, mày xám xếp hàng nhà lao...

Điện Biên lòng lấy năm nào
Trời đêm Hà Nội bản sao tuyệt vời
Anh hùng, hào khí ngất trời
Một đòn quyết định, toi bờ ngoại xâm
Điện Biên không chỉ đôi lần
Mạch ngầm hào khí - mạch ngầm Việt Nam...

HỒ NGỌC DIỆP

NGUYỄN THÀNH HƯƠNG

Hà Nội bay lên

Mỹ điên cuồng dội lửa xuống Thủ đô
Hà Nội tang thương trước bão bùng đạn lửa
Chúng muốn, trận cuối cùng,
như ván bài lật ngửa như ván bài lật ngửa
Hội nghị Pa-ri, phải tắt ký,
theo ý của riêng mình theo ý của riêng mình.

Nhưng Hà Nội hùng dũng và kiên trinh
Bay lên! Bay lên! Pháo tầm cao, giòn giã
Bay lên! Bay lên! Bao phi công và tên lửa
Chặn quân thù, bảo vệ mảnh đất thiêng.

Hà Nội anh hùng, sừng sững 12 ngày đêm
Pháo đài bay, nát trời gầm rú
Vút bay cao, phi công Phạm Tuân
kiên gan, chí khí kiên gan, chí khí
Lao sát mình lũ quỷ, phóng tên bay!

B52 ngã gục xuống đất này
Cháy thiêu thân, vỡ đầu, gãy cánh
Anh trở về, an toàn và kiêu hãnh
Hào quang bay rực rỡ giữa Thủ đô.

Bay lên, bay lên, rực đỏ ngọn cờ
Vũ Xuân Thiều đã cạn rồi tên lửa
Biến máy bay thành viên đạn
cuối cùng rực rỡ cuối cùng rực rỡ
Lao xé thù cháy vỡ giữa trời xanh.

Hà Nội anh hùng - Điện Biên Phủ trên không
Rạng rỡ xanh Việt Nam trong đánh Mỹ
Năm tháng dày qua bao nhiêu thế kỷ
Rạng sáng ngời trong mỗi trái tim ta./

Cao hơn huyền thoại

Mười hai ngày đêm đáng nhớ
Bầu trời Hà Nội nở “hoa”
Khâm Thiên, Hoàn Kiếm, Ngọc Hà...
Mặt hồ “pháo đài bay” rụng.

Ta phải hai tay cầm súng
Cho ta, cho cả loài người
Không để bọn quỷ muốn “chơi”
Thăng Long - ngàn năm phẩm giá.

Năm mươi năm qua vẫn đó
Ngời “Điện Biên Phủ trên không”
Việt Nam xanh sáng con rồng
Vươn cao đẹp hơn huyền thoại./



NGƯỜI CHIẾN SĨ TRINH SÁT QUÂN BÁO CỦA NHỮNG CON RỒNG LỬA

TRẦN VỌNG

1972. Với ý nghĩa đó, đồng chí Tạ Đình Long - Phó Chủ tịch Hội CCB thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đã giới thiệu với tôi một chiến sĩ, một cán bộ, một sĩ quan vốn là Trưởng ban trinh sát quân báo của Quân chủng Phòng



Tháng 12 năm nay, cùng với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân long trọng kỷ niệm 78 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2022), 33 năm ngày Hội quốc phòng toàn dân và ngày thành lập Hội CCB Việt Nam (6/12/1989 - 6/12/2022), đặc biệt là dịp kỷ niệm 50 năm chiến đấu và chiến thắng của Chiến dịch “Hà Nội - Điện Biên Phủ” trên không, tháng 12 năm





không - Không quân đã từng có mặt phục vụ nhiệm vụ chiến đấu và chiến thắng của Chiến dịch Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không năm mươi năm về trước.

Thế rồi vào một buổi chiều mùa thu tháng 10, chúng tôi có mặt tại trụ sở UBND phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh gặp đồng chí Ngô Văn Quang, Chủ tịch Hội CCB của phường. Sau cái bắt tay thân mật và mấy phút chuyện trò, anh Quang dẫn đường đưa chúng tôi ra dốc làng Chọi, qua cây cầu bắc ngang sông Ngũ Huyện Khê, đi khoảng hơn trăm mét bờ đê Khu phố Khúc Toại rẽ trái xuống một cái ngõ nhỏ rồi vào sân một ngôi nhà 2 tầng đã cũ, anh cho biết:

- Báo cáo các anh, đây là gia đình ông Nguyễn Huy Tường, CCB của Khu phố đồng thời nguyên là Trưởng ban Trinh sát quân báo Sư đoàn 361 và sau là Trưởng ban nghiên cứu chiến dịch kiêm huấn luyện trinh sát quân báo của Quân chủng Phòng không - Không quân, người đã âm thầm, lặng lẽ cùng với các chiến sĩ quân báo phục vụ nhiệm vụ chiến đấu của Chiến dịch “Hà Nội - Điện Biên Phủ” trên không 50 năm trước đây.

Ông Tường người cao, hơi gầy nhưng dáng đi còn nhanh nhẹn, hoạt bát, giọng nói sang sảng, ríu rít bắt tay, chào hỏi và mời chúng tôi ngồi vào bộ bàn ghế sa lông đã cũ kê ở bên ngoài sân giữa lối lên xuống của nhà trên và nhà dưới vì ở đây có bóng mát. Vốn là con nhà lính nên sau vài lời giới thiệu ngắn gọn, ông cho biết:

- Tôi năm nay đã 78 tuổi rồi, nhập ngũ tháng 4 năm 1963 vào Đại đội 14, Trung đoàn 228, Sư đoàn 367 đóng quân ở Trại cò, Hiệp Hòa, Bắc Giang. Sau hai năm rưỡi công tác và phấn đấu, tháng 12

năm 1965 được cử đi học lớp đào tạo Sĩ quan pháo phòng không, đến tháng 12 năm 1966 thì ra trường về làm Trung đội trưởng tại Trung đoàn 275. Rồi lại sau một năm công tác, tôi được bổ nhiệm Trợ lý trinh sát quân báo Trung đoàn 236, Sư đoàn 361. Sau lên Trưởng Tiểu ban trinh sát quân báo, Phó ban trinh sát, Trưởng ban trinh sát quân báo Sư đoàn 361 và Trưởng ban nghiên cứu chiến dịch kiêm huấn luyện trinh sát quân báo của Quân chủng Phòng không - Không quân.

Để có được những bài học kinh nghiệm trong công tác trinh sát quân báo phục vụ cho nhiệm vụ chiến đấu trong chiến dịch 12 ngày đêm “Hà Nội - Điện Biên Phủ” trên không tháng 12 năm 1972, đồng chí Nguyễn Huy Tường đã phải trải qua những năm tháng công tác, phục vụ chiến đấu và tích lũy kinh nghiệm trong những năm ác liệt, gian khổ nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Kể về một trong những kỷ niệm sâu sắc nhất của bản thân trong quá trình học hỏi và đúc rút kinh nghiệm trinh sát quân báo, ông vui vẻ cho biết:

“Tháng 9 năm 1968, do yêu cầu nhiệm vụ, Bộ tư lệnh Quân chủng Phòng Không - Không quân đã quyết định sử dụng Sư đoàn 365 cơ động đánh địch trên chiến trường Quân khu 4. Để triển khai nhiệm vụ đó, Chỉ huy Trung đoàn 275 đã giao nhiệm vụ cho tôi, lúc đó là trợ lý trinh sát quân báo nhiệm vụ hiệp đồng bảo vệ đợt vận chuyển 8 quả đạn tên lửa Sam - 2 từ tỉnh Hà Tĩnh vào phía Tây Quảng Bình. Lúc đó, các trọng điểm giao thông trên Quốc lộ 1 từ vĩ tuyến 19 trở vào bị địch đánh phá ác liệt. Mọi hoạt động vận tải vào phía Nam chỉ còn một cách duy nhất là đi đường số 15.

Tôi phụ trách một nhóm khảo sát, nắm quy luật hoạt động đánh phá của không quân Mỹ để lập phương án đưa 8 quả tên lửa Sam - 2 đi qua. Các anh biết không? Đường 15 với hàng chục trọng điểm giao thông, trong đó có cầu vượt ngầm Tùng Cốc ở ngã ba Đồng Lộc và ngầm Khe Rinh nối xã Hóa Thanh với xã Hóa Tiến huyện Minh Hóa, Quảng Bình là 2 trọng điểm mà không quân Mỹ đánh phá ác liệt. Chúng tôi phải giành nhiều thời gian đi thực địa 2 trọng điểm này. Có ngày chúng kiến hàng chục trận bom hủy diệt, đêm đêm lại phải quan sát pháo sáng để từ đó rút ra kinh nghiệm và quy luật đánh phá của địch trên các trọng điểm.

Đến ngày thứ 8 trên đường quay ra, tại vị trí chỉ huy của Đại đội 2, Trung đoàn 210 Pháo cao xạ 57mm thuộc Sư đoàn 365 bảo vệ ngã ba Đồng Lộc, tôi đã trình bày với Trung úy Nguyễn Ngọc Khánh, Đại đội trưởng:

- Mấy hôm nữa có 8 quả Sam - 2 đi qua cầu Tùng Cốc ngã ba Đồng Lộc, anh làm thế nào thì làm, đừng để mất quả nào nhé!

Nghe thấy thế, anh Khánh hào hứng cho biết:

- Anh cho nguy trang cẩn thận để vô hiệu hóa bọn “mắt cú vọ” nhé. Tính toán cho thật kỹ để khi xe tên lửa qua cầu Tùng Cốc không trùng vào giờ cao điểm. Còn nếu máy bay Mỹ đến, chúng tôi sẽ tung lửa Cao xạ bủa vây, hạn chế tối đa hiệu suất đánh phá của chúng vào Tùng Cốc ngã ba Đồng Lộc cũng như các trọng điểm khác.

Sau đó trên đường trở ra huyện Đức Thọ, nơi mà Sở chỉ huy tiền phương của Trung đoàn 275 đứng chân, tôi tổng hợp các yếu tố thực địa, hình thành kế hoạch

trong đầu, kịp thời báo cáo Chỉ huy Trung đoàn. Tôi đã mạnh dạn trình bày phương án như sau:

Với 8 xe đặc chủng, chở 8 quả đạn Sam - 2, trên mỗi xe có một chiến sĩ mang súng CKC, khi phát hiện máy bay Mỹ thì sẵn sàng báo hiệu cho các lái xe và các xe khác được biết. Khi xe kéo tên lửa đi qua các trọng điểm, nhất là khi qua ngã ba Đồng Lộc và Ngầm Rinh thì sẽ điều chỉnh tốc độ, thời gian trong khoảng trước lúc “gà lên chuồng” và chưa phải bật đèn gầm. Mỗi xe cách nhau khoảng 1km, không dùng lá cây ngụy trang mà dùng bùn đất để làm cho cả xe và đạn đều giống như màu mặt đường. Sau khi tên lửa vượt qua Ngã ba Đồng Lộc cũng như ngầm Rinh thì sẽ chuyển sang đường 12 để tiếp tục hành trình”.

Phương án của Trợ lý trinh sát quân báo Nguyễn Huy Tường đã được hội nghị của Trung đoàn đánh giá cao với 2 yếu tố thiết thực: Một là thời điểm vượt tọa độ lửa là vào lúc “gà lên chuồng” lúc đó chưa cần bật đèn gầm. Hai là nguy trang cả xe và tên lửa bằng bùn đất để giống với màu mặt đường. Phương án đã được Đảng ủy và chỉ huy Trung đoàn 275 phê duyệt ngay lập tức. Một tuần sau, đoàn xe chở 8 quả tên lửa Sam - 2 đã vào tới miền Tây Quảng Bình một cách an toàn. Cũng từ đây, những quả tên lửa đã được phát huy hiệu quả, lập chiến công xuất sắc, góp phần giữ vững mạch máu giao thông chiến lược trên địa bàn Quân khu 4.

Qua những trận chiến đấu của tên lửa đã giúp cho Nguyễn Huy Tường thêm nhiều kinh nghiệm và bài học cho nhiệm vụ phục vụ chiến đấu sau này, nhất là việc phát hiện hướng xuất phát của máy bay B52, rồi việc phát hiện chống nhiễu trong

Chiến dịch Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không tháng 12 năm 1972.

Máy bay B52 là loại máy bay ném bom chiến lược có thể mang tới 30 tấn bom, bay liên tục 21 giờ, bay ở độ cao từ 10 cây số đến 15 cây số và bay xa được 20 nghìn cây số mà không cần tiếp dầu, trang bị rất hiện đại, được coi là “bất khả xâm phạm”. Mặc dù đã được học tập, huấn luyện về phát hiện B52 nhưng thực tế những ngày đầu còn nhiều khó khăn và kinh nghiệm phát hiện thủ đoạn của chúng rất phức tạp. Nguyên nhân chủ yếu là do nhiều của máy bay B52 có cường độ rất lớn rất khó phát hiện, đó là chưa kể các loại máy bay gây nhiễu bảo vệ vòng ngoài. Nhưng với tinh thần quyết chiến, quyết thắng, rút kinh nghiệm sâu sắc, kiên trì học hỏi, rút bài học để tìm ra âm mưu, thủ đoạn và bí quyết của kẻ thù, ông đã cùng với lãnh đạo, chỉ huy và anh em trong đơn vị trinh sát quân báo đề xuất được nhiều giải pháp giúp cho bộ đội tên lửa của Sư đoàn 361 và Sư đoàn 365 phát hiện được chính xác hướng bay, phân biệt được giữa nhiễu và máy bay, nên đã bắn rơi nhiều máy bay B52 trong Chiến dịch chiến đấu 12 ngày đêm của “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không”.

Sau gần 30 năm phục vụ trong Quân đội, tháng 5 năm 1992 đồng chí Nguyễn Huy Tường đã được nghỉ hưu, nhưng với bản chất truyền thống của người chiến sĩ “Bộ đội Cụ Hồ, đồng chí tiếp tục tham gia công tác xã hội. Trong 3 nhiệm kỳ được đồng đội tín nhiệm bầu làm Chủ tịch Hội CCB xã Khúc Xuyên, ông đã cùng tập thể đưa phong trào hoạt động của hội từ những ngày đầu còn khó khăn, vất vả đi vào nền nếp. Gia đình CCB Nguyễn Huy Tường

còn là một gia đình quân nhân gương mẫu, tiêu biểu của phường. Ông bà có 3 con thì 2 anh noi gương bố đã gia nhập Quân đội nhân dân Việt Nam, hiện nay vẫn đang tại ngũ và cả gia đình ông đều là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Với những đóng góp và thời gian phục vụ Quân đội trong những năm tháng ác liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; Thượng tá Nguyễn Huy Tường đã được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì và 4 Huân, Huy chương các loại cùng nhiều phần thưởng cao quý khác./.



ĐỒNG CHÍ NGÔ GIA TỰ QUA CÁC THỜI KỲ HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG TẠI BẮC NINH

HOÀNG NGỌC BÌNH

Đồng chí Ngô Gia Tự sinh ngày 3/12/1908 tại làng Tam Sơn, tổng Tam Sơn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn Tam Sơn, xã Tam Sơn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) trong một gia đình nông dân lao động. Thân phụ đồng chí Ngô Gia Tự là ông Ngô Gia Du (nhân dân thường gọi là cụ đồ Du) sau khi thi hỏng tam trường, cụ mở lớp dạy học tại quê và tích cực hoạt động trong phong trào Đông kinh nghĩa thực. Mẹ của đồng chí là bà Nguyễn Thị Bảy, tính tình hiền dịu, nhân hậu, cần mẫn, siêng năng. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của đồng chí là tấm gương trung thành với Đảng, tận tụy với dân, suốt đời phấn đấu hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Trong cuộc đời hoạt động của mình, đồng chí đã được phân công về nhiều địa phương cả nước để xây dựng và phát triển phong trào cách mạng, trong đó có quê hương Bắc Ninh.

Sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống yêu nước và hiếu học tại làng Tam Sơn, tổng Tam Sơn, phủ Từ Sơn, tỉnh

Bắc Ninh (nay là phường Tam Sơn, thành phố Từ Sơn), năm 1922, sau khi tốt nghiệp tiểu học, Ngô Gia Tự theo học tại trường Bưởi, Hà Nội. Tại đây đồng chí đã kết bạn với nhiều học sinh cùng chí hướng, tìm đọc những tác phẩm của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh và của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc như báo **“Người cùng khổ”**; **“Bản án chế độ thực dân Pháp”**... và tiếp cận Chủ nghĩa Mác - Lê Nin, để rồi từ đó quyết chí đi theo con đường cách mạng. Năm 1926, Ngô Gia Tự bị đuổi học vì tổ chức nhiều học sinh bãi khóa đòi ân xá cho cụ Phan Bội Châu. Trở về quê hương, đồng chí vừa dạy học vừa tham gia hoạt động cách mạng. Vượt qua nhiều khó khăn gian khổ, đồng chí đã đi nhiều nơi trong tỉnh, tuyên truyền đường lối và tư tưởng cách mạng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tới những người nông dân yêu nước, bồi dưỡng nhiều cán bộ có năng lực làm nòng cốt xây dựng tổ chức, trở thành những đảng viên ưu tú, phục vụ cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.



Cuối năm 1926, đồng chí gia nhập tổ chức Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội (VNTNCMĐCH), một năm sau, kết thúc lớp huấn luyện tại Quảng Châu (Trung Quốc), đồng chí được cử về hoạt động, trực tiếp lãnh đạo và xây dựng phong trào cách mạng ở hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang, tham gia Ủy viên Tỉnh bộ và Kỳ bộ VNTNCMĐCH. Bằng những nỗ lực của đồng chí, tháng 7 năm 1927, chi hội VNTNCMĐCH đầu tiên đã ra đời ở Tam Sơn. Trong buổi lễ thành lập chi hội tại gia đình đồng chí Ngô Gia Tự ở xóm Xanh, đã kết nạp được 5 thành viên gồm các đồng chí: Ngô Gia Tự, Ngô Gia Chi, Ngô Gia Hương, Nguyễn Tự Lan và Ngô Sách Ngộ. Từ chi hội điểm ở Tam Sơn, nhiều chi hội

trong toàn tỉnh đã được thành lập. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh đảng bộ và đồng chí Ngô Gia Tự, chỉ sau 2 năm tích cực tuyên truyền vận động, 2 tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh đã thành lập được 10 chi hội. Để nâng cao trình độ chính trị cho hội viên, đồng chí Ngô Gia Tự đã mở nhiều lớp bồi dưỡng tại Đáp Cầu, Tiên An, Niềm Xá (Bắc Ninh), Bựr, Hoài Thượng (Tiên Du)... Từ đó đã củng cố lập trường cách mạng của hội viên, vận động được nhiều người tham gia tổ chức.

Tại chi hội xã Tam Sơn, bằng công tác vận động và tập hợp quần chúng, đồng chí Ngô Gia Tự và chi hội đã thành lập được các tổ chức như: Hội công ích, Hội hiếu hỷ, Hội những người có ngôi thứ ở

địa phương (còn gọi là phe Tư văn lớn, Tư văn bé). Các phe, hội này bề ngoài là tổ chức từ thiện, giúp đỡ lẫn nhau, thực chất chỉ là hình thức nhằm hợp pháp hóa để tuyên truyền quần chúng, đấu tranh chống lạm công quỹ, chống đàn áp, bóc lột của thế lực phong kiến ở địa phương, làm cho nhân dân hiểu rõ nguồn gốc của đói nghèo, mất quyền tự do, dân chủ. Điển hình nhất phải kể đến vụ nhân dân kiện Tổng Bính tội tham ô công quỹ, ức hiếp dân nghèo. Trước sự căm phẫn và lên án của nhân dân, Tổng Bính đã phải uống thuốc độc tự tử để tránh sự trừng phạt.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhiều cơ sở cách mạng từng bước được kiện toàn, được đông đảo nhân dân đồng tình ủng hộ. Khí thế cách mạng và các cuộc đấu tranh của nhân dân ngày càng sục sôi, lôi cuốn đủ mọi tầng lớp tham gia. Tại thị xã Bắc Ninh, chi hội binh lính đã tổ chức phá nhà mộ phu, giải thoát cho nhiều người đang bị giam giữ, chờ ngày đi phu tại các đồn điền ở miền Nam. Ở Tam Sơn, đồng chí Ngô Gia Tự đã tuyển chọn và kết nạp được 30 quần chúng tích cực vào Chi bộ ấp Tam Sơn.

Tháng 9/1928, Kỳ bộ VNTNC-MĐCH mở hội nghị tại nhà đồng chí Ngô Gia Tự, tại hội nghị này, đồng chí Ngô Gia Tự được bầu là Ủy viên kỳ bộ VNTNC-MĐCH tại Bắc kỳ. Đồng chí đã nêu rõ chủ trương “Vô sản hóa” trong đường lối hoạt động và được giao trách nhiệm cùng đồng

chí Nguyễn Đức Cảnh phụ trách vận động công nhân. Đồng chí đã phân công đồng chí Nguyễn Văn Cừ về xây dựng phong trào “Vô sản hóa” tại mỏ than Vàng Danh, đồng chí Nguyễn Văn Mẫn về mỏ than Mạo Khê, đồng chí Nguyễn Thị Lựu (tức Cả Khương) về mỏ than Uông Bí, đồng chí Ngô Gia Chi (tức Sơn) về Gia Lâm, Yên Viên... Từ đây, những cán bộ nòng cốt của tổ chức đã đẩy mạnh phong trào trong công nhân, giác ngộ được nhiều quần chúng đi theo cách mạng, có sức tập hợp và cạnh tranh mạnh mẽ đối với thực dân Pháp bằng những cuộc đình công, đòi tăng lương, giảm giờ làm...

Tháng 7 năm 1929, đồng chí Ngô Gia Tự thành lập ở Bắc Ninh một chi bộ tại núi Hồng Vân (núi Lim), đồng thời tích cực chuẩn bị thành lập Đảng bộ Đông Dương cộng sản Đảng Bắc Giang và Bắc Ninh. Cũng trong năm 1929, do bị địch truy bắt gắt gao, đồng chí Ngô Gia Tự được Trung ương điều động vào các tỉnh miền Nam hoạt động. Năm 1931, đồng chí bị địch bắt và đưa về xử tại Bắc Ninh. Trước mặt kẻ thù, đồng chí luôn nêu cao khí tiết của người cộng sản, kiên quyết bảo vệ tổ chức, bảo vệ Đảng. Không khuất phục được, chúng kết án tù chung thân và lưu đầy đồng chí tại Côn Đảo. Cuối năm 1934, đồng chí đã anh dũng hy sinh trên đường vượt ngục trở về với cách mạng, năm đó đồng chí Ngô Gia Tự mới vừa tròn 26 tuổi./.



NHỮNG HOẠT ĐỘNG YÊU NƯỚC CỦA THÂN PHỤ ĐỒNG CHÍ NGÔ GIA TỰ

LÊ VIẾT NGÀ

Đồng chí Ngô Gia Tự, người chiến sỹ Cộng sản lỗi lạc của Đảng, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một trong những người sáng lập Đông Dương Cộng sản Đảng, người con ưu tú của quê hương Bắc Ninh.

Tài liệu về cuộc đời sự nghiệp của đồng chí Ngô Gia Tự (và thân phụ, thân mẫu đồng chí) từ trước đến nay có rất nhiều nhưng riêng về một tên gọi khác và những hoạt động yêu nước của thân phụ đồng chí, được ghi chép trong tài liệu “Thượng cổ xã Tam Sơn đồng dân công ước chí” thì chưa được nhiều người biết rõ.

Tài liệu trên do ông Ngô Khải lưu giữ, sau hiến tặng Bảo tàng Bắc Ninh. Ông Ngô Khải sinh năm 1931, cư trú tại thôn Tam Sơn, xã Tam Sơn, thị xã Từ Sơn - là cháu gọi đồng chí Ngô Gia Tự là cậu ruột, là em đồng chí Ngô Gia Khảm (Anh hùng Lao động).

Tài liệu “**Thượng cổ xã Tam Sơn đồng dân công ước chí**” dày 162 trang, viết trên giấy bản khổ 28cm x 16cm, hầu hết các trang là chữ Hán, có một số trang chữ Nôm. Văn bản được lập ngày 19 tháng 8 năm Duy Tân thứ 5 (1911), ở đại đa số các trang đều có dấu của Lý trưởng.

Nội dung tài liệu trên có nhiều phần, trong đó từ trang 145 - 148 ghi niên hiệu triều vua, ngày tháng lập văn bản, tiếp đó là họ tên những người đứng ra lập văn bản. Trong số họ có Nguyễn Thiện Kế, người đứng đầu văn bản đồ Phó bảng năm 1898 và Ngô Tác Tân (Lý trưởng) - thân sinh đồng chí Ngô Gia Tự. Trong giấy xác nhận bàn giao tài liệu trên cho Bảo tàng Bắc Ninh, ông Ngô Khải ghi rõ: “Tại trang 148 có chữ ký của cụ Ngô Tác Tân tức cụ Ngô Gia Du (là thân phụ của đồng chí Ngô Gia Tự và

là ông ngoại tôi). Lý do đổi tên từ Ngô Gia Du sang Ngô Tác Tân: Trước đây cụ Ngô Gia Du tham gia phong trào “Đồng kinh nghĩa thực”, sau bị Tổng đốc Bắc Ninh và quan phủ Từ Sơn truy lùng gắt gao. Ông đã giả điên để trốn tránh sự truy lùng của kẻ thù, thời gian lưu lạc khoảng 3 năm. Sau đó ông quay về làng làm Lý trưởng và đổi tên thành Ngô Tác Tân. Tác Tân nghĩa là làm mới, đổi mới tên của mình và đổi mới tư tưởng. Trong thời gian làm Lý trưởng ông đã liên kết với một số tri thức yêu nước như: Phó bảng giáo thụ Nguyễn Thiện Kế, Tú tài Ngô Gia Đạt, Tòng cửu phẩm bách hộ Ngô Đức Nghi, thực hiện một số cải cách tiến bộ như:

- Vận động nhân dân bỏ tục lệ dùng thịt trâu và bánh dày vào các dịp sự lễ thay bằng oản và bánh vùng.

- Vận động nhân dân bỏ tục mang vàng hương đến cúng người chết để tránh sự lãng phí.

- Xây dựng các đội “Tráng” (các thanh niên trai tráng trong làng) để bảo vệ trật tự an ninh địa phương.

- Giảm số lượng đi phu, đi lính cho Pháp, bằng cách kê khai sai lệch độ tuổi.

- Thành lập đội “Trung nước” để phân ra đồng cao và đồng thấp. Đồng cao để cấy lúa và làm màu, đồng thấp chỉ cấy lúa vụ chiêm, sử dụng nước ở đồng thấp chống hạn cho đồng cao.





- Vận động những người giàu có trong làng mua “Tur vắn” để lấy tiền mua gạch lát đường (đến nay vẫn còn).

(Văn bản trên ông Ngô Khải đã ký cam đoan đúng sự thật, UBND xã Tam Sơn ký và đóng dấu xác nhận).

Văn bản **“Thượng cổ xã Tam Sơn đồng dân công ước chí”** cùng với việc cung cấp những tư liệu mới về thân phụ đồng chí Ngô Gia Tự, văn bản còn có giá trị nhiều mặt như:

- Ghi lại nội dung 4 bài thơ tương truyền là của các tôn thần nguyên là cung phi thời Lý giảng bút, khi đến văn cảnh chùa Tam Sơn (Cẩm Ứng tự).

- Liệt kê các vị thần, phật được thờ ở chùa Tam Sơn: ngoài các vị tôn thần cung phi nhà Lý, cùng các vị Thiền sư Định Hương, Bảo Tính, Minh Tâm, văn bản còn ghi các thành hoàng làng (Sơn thần, Trạng nguyên Nguyễn Quan Quang, Tiến sỹ Nguyễn Tự Cường và các vị Tiên hiền bản xã...).

- Ghi chép nghi thức tế lễ ở chùa Tam Sơn, theo nghi thức tế thành hoàng làng ở đình làng.

- Phần “Toàn niên tế văn” ghi lại các bài văn tế thần, văn cúng phật trong các kỳ lễ tiết, các câu đối đại tự ở chùa làng Tam Sơn.

- Phần nội dung quan trọng (từ trang 45 - 106) là “Bản xã công lệ” thực chất là hương ước của làng Tam Sơn bao gồm 60 điều.

- Ghi chép về số ruộng công điền của

làng (về diện tích, phân bố, cách phân phối sử dụng... từng loại ruộng).

- Ghi chép rõ lễ vật (lợn, xôi, oản, chuối cùng các phụ phí khác) mà các thôn (xóm) phải nộp đủ trong các kỳ lễ tiết trong nhiệm kỳ đăng cai của mình.

- Ghi chép một số điều lệ sửa đổi vào năm Bảo Đại thứ 6 (1931), tiếp đó là nội dung bài điệp văn hòa bình và bài thơ họa lại bài “Vịnh cây bèo” gửi Mao Bá Ôn - Tướng nhà Minh vào năm 1541 (một số tư liệu trước đây cho rằng đó là bài thơ của Trạng nguyên Giáp Hải. Còn theo các cụ Tam Sơn và cuốn “Lịch sử họ Ngô tổng hợp” thì đó là của Trạng nguyên Ngô Miễn Thiệu - người bản xã, đỗ năm 1518.

Như vậy nội dung văn bản **“Thượng cổ xã Tam Sơn đồng dân công ước chí”**, không chỉ cung cấp cho chúng ta tư liệu về thân phụ đồng chí Ngô Gia Tự, mà còn có giá trị về nhiều vấn đề khác (nêu trên) trong đó đa phần thực chất là hương ước của làng Tam Sơn.

Phần ghi bút tích và con dấu của Lý trưởng Ngô Tác Tân - trong văn bản là căn cứ khoa học cho việc phục chế hiện vật (dấu) góp phần vào nội dung trưng bày, giới thiệu về thân phụ của đồng chí Ngô Gia Tự, trong tổng thể cơ cấu nội dung trưng bày về “Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của đồng chí Ngô Gia Tự” ở địa phương và Bảo tàng tỉnh Bắc Ninh./.

XUÂN HÙNG

Lời ru của lính

Điều này mới thật là hay
Tôi ru con ngủ nổi ngày sang đêm
Cái điều mơ ở Trường Sơn
Giờ ru con ngủ tôi mềm vòng tay...

Tôi ru con giấc ngủ dài
Bù cho năm tháng những ngày đạn bom
Lời ru nghĩa nước tình non
Tiếng con chim hót vo tròn vòng đu.

Lúa đồng vàng cả trời thu
Bao nhiêu thương nhớ lời ru vọng về
Mấy ngày nghỉ phép thăm quê
Ru con thay vợ - lúa về đầy sân...



ĐÀO QUANG VINH

Thăm bạn

Ngược dòng tìm lại thời đã qua
Heo hút quanh co dốc lên nhà
Tiếng reo đây ấp tình đồng đội
Chén rượu mừng nhau nước mắt pha./.

PHẠM HIỂN

Viếng đồng đội

Trận địa vô hình im tiếng súng
Máu người chiến sỹ vẫn còn rơi
Khói nhang đứng lặng như chột thấy
Mỗi phút bình yên đổ máu người./.

NGUYỄN ĐỨC QUẾ

Tìm em

Bao nhiêu năm rồi mới tới được Khe Sanh
Anh đi tìm em giữa núi đồi hoang vắng
Giữa nắng lửa và bạt ngàn mây trắng
Quỳnh ơi ở đâu? Hãy về đi nghe anh
Cha mất rồi, trầm lặng từ lúc em đi
Mẹ bản thân chẳng biết nói gì
Đêm đêm cứ lầm lì đi về phía em đi
Hồi rừng xanh hãy mách bảo điều chi
Đâu là chỗ em tôi ra đi hóa thân vào cuộc chiến
Anh sẽ thấp ngọn nèn
Anh sẽ đặt hương hoa
Đây tình nghĩa mẹ cha
Đây tình nghĩa anh em ta
Và cả người yêu em nữa!
Quỳnh ơi!
Ở đâu hãy về đi nghe anh
Tiếng gọi của anh có thấu tới rừng xanh,
đất lành và mây và sông núi
Quỳnh ơi ở đâu! Hãy về đi nghe anh.
Tôi bỗng nghe ù ù gió thổi
Từ ngàn xanh sông núi đất Khe Sanh./.

ĐỖ ĐÌNH QUANG

Lời thương

Chiều nghiêng nắng đổ sau hè
Xa xa dáng mẹ nón che đỉnh đầu.
Xanh đồng lúa, mướt nương dâu
Bao công lao mẹ dải dầu gió sương.

Cha đi công tác chiến trường
Ở nơi tuyến tuyến nhớ thương quê nhà,
Hành quân những chặng đường xa
Quên sao hương vị quả cà con cua.

Năm nay lúa có được mùa?
Dòng thư cha hỏi mẹ thưa lại rằng!
“Anh đi đã mấy mùa trăng
Lúa thời đương trở chắc bằng năm kia”.

Thương cha đứng gác canh khuya
Đêm trường vắng lạnh cạnh bìa rừng hoang
“Nhớ mang theo chiếc khăn quàng”
Lời thương mẹ nhắc cuối trang thư tình.

Bao năm vất vả mưu sinh
Bên đàn con nhỏ một mình mẹ chăm
Dầu cho cuộc sống khó khăn
Thương con mẹ gắng sánh bằng chị em.

Lời ru của mẹ đêm đêm
À ơi con ngủ giấc êm say nồng,
Lời ru ấm cả cánh đồng
Cống con đi suốt những vòng yêu thương.

Đôi vai gánh cả quê hương
Bước chân mòn những con đường mẹ đi.
 Gian nan đâu có xá gì,
Đàn con khôn lớn, mẹ thì tóc sương.

Qua thời tiền tuyến hậu phương
Đón cha về giữa quê hương hòa bình,
 Bao nhiêu ơn nghĩa, ân tình
Lòng con yêu mãi bóng hình mẹ cha./.





TÌNH CẢM ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ ĐỐI VỚI ANH BỘ ĐỘI

ĐOÀN MẠNH TIẾN

Trong một bài hồi ký nhan đề “Tù nhân dân mà ra”, Đại tướng Võ Nguyên Giáp có viết: “Bác Hồ là người Cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Bao giờ Người cũng dành tình cảm thấm thiết cho anh bộ đội, coi anh bộ đội như con đẻ của mình”.

Bức thư đầu tiên thể hiện sự quan tâm của Bác Hồ với anh bộ đội là bức thư Người viết vào đêm 20/01/1946 (tức 19 tháng Chạp), sắp đến tết Bính Tuất 1946. Đó là những ngày giáp tết. Lúc này, Cách mạng tháng Tám thành công mới được hơn bốn tháng, chính quyền cách mạng non trẻ phải đương đầu với muôn vàn khó khăn: nạn đói (với hai triệu người vừa chết đói trong năm Ất Dậu 1945), nạn ngoại xâm (Pháp trở lại xâm lược, 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch tràn vào), nạn giặc đốt (hơn 90% nhân dân mù chữ), tài chính khô kiệt. Là người lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước, bận trăm công nghìn việc nhưng Người vẫn rất quan tâm đến quần chúng, trước hết là các chiến sĩ quân



đội và gia đình bộ đội. Trong bức thư gửi ngày 20/01/1946, Người đã mở đầu: “Tết Bính Tuất sắp tới. Trong lúc này, đồng bào cả nước ta ai cũng sửa soạn ăn tết mừng xuân... tôi kêu gọi đồng bào và các đoàn thể làm thế nào để chia sẻ cuộc vui chung ngày tết với các chiến sĩ oanh liệt ngoài mặt trận, những gia quyến của các chiến sĩ... sao cho mọi người đều được hưởng cái tết vui vẻ đầu tiên của nước Việt Nam độc lập”. Tình yêu thương chiến sĩ của Bác đã thấm đượm trong từng câu, từng chữ khiến cho người đọc phải cảm động.

Một năm sau, sắp đến tết Đinh Hợi 1947, Người lại nhắc toàn dân phải nhớ đến bộ đội đang xông pha ngoài mặt trận. Lúc này, cuộc kháng chiến chống Pháp vừa mới bùng nổ từ đêm 19/12/1946, hàng vạn thanh niên hăng hái lên đường chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Trong bức thư viết tháng Giêng năm 1947, Bác nhấn mạnh: “Trong khi đồng bào ở hậu phương sum họp ấm cúng đón Tết tại gia đình thì các em phải chịu nhiều gian khổ, ăn gió nằm sương ngoài mặt trận... Các em ăn Tết thế nào? Tôi và nhân viên Chính phủ vì nhớ về các em mà không ai nỡ ăn Tết”... “Bao giờ kháng chiến thành công/ Chúng ta cùng uống một chung rượu đào”.

Những ngày xuân Đinh Hợi ấy, những dòng thư ân tình của Bác đã sưởi ấm lòng biết bao chiến sĩ. Qua lời thư, người ta thấy vị lãnh tụ của mình thật là gần gũi, giản dị, thân thiết. Tình cảm ruột thịt giữa Bác Hồ

với anh bộ đội được thể hiện rất rõ. Biết bao chiến sĩ đêm giao thừa năm ấy nghe thơ Bác đã rung rung nước mắt.

Suốt cuộc đời mình, Người thường xuyên quan tâm đến từng việc nhỏ, đến cái ăn, cái ở của anh bộ đội: “*Cán bộ không có đội viên thì không làm gì được. Bởi vậy, cần phải thương yêu đội viên. Từ Tiểu đội trưởng trở lên, từ Tổng tư lệnh trở xuống phải săn sóc đời sống vật chất, tinh thần của đội viên. Bộ đội chưa ăn cơm, cán bộ không được kêu mình đói. Bộ đội chưa có áo mặc, cán bộ không được kêu mình rét. Bộ đội chưa đủ chỗ ở, cán bộ không được kêu mình mệt*” (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5, trang 105).

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, có một mùa đông người chiến sĩ không bao giờ quên. Lúc bấy giờ, năm mới sắp đến. Cái rét mướt của mùa đông cũng đã về, lập tức Bác Hồ chỉ thị cho Tổng cục Cung cấp (nay là Tổng cục Hậu cần) gửi ngay áo ấm cho bộ đội để các anh giữ được sức khỏe, đánh thắng giặc Pháp xâm lược và Bác làm ngay bài thơ: “*Đêm khuya se lạnh, mưa như trút/ Sáng sớm mây mờ lẫn với sương/ Áo ấm gửi ngay cho chiến sĩ/ Trời loe nắng ấm, báo xuân sang*”.

Qua đó ta thấy Bác Hồ dù bận rộn việc nước vẫn hết sức quan tâm đến cuộc sống thường ngày của người chiến sĩ. Cứ mỗi lần thời tiết đổi thay là Người nhớ ngay đến việc giữ gìn sức khỏe cho bộ đội. “*Áo ấm gửi ngay cho chiến sĩ*”. Lời thơ

là lời nhắc nhở tận tình, sự quan tâm chu đáo đến từng cái nhỏ. Bài thơ làm toát lên tình cảm sâu sắc của Người, coi chiến sĩ thân thiết, gần gũi như con em ruột thịt của mình. Câu thơ cuối Bác vẽ ra trước mắt người đọc một viễn cảnh tươi sáng: *“Trời loe nắng ấm, báo xuân sang”*.

Nhân ngày thương binh liệt sĩ đầu tiên (1947), Bác đã viết một bức thư nói rõ tâm lòng mình, qua đó ta thấy Người thương yêu, quý mến bộ đội, thương binh, liệt sĩ biết chừng nào: *“Tôi không có gia đình. Tôi không có con cái. Đất nước Việt Nam là đại gia đình của tôi, các thanh niên là con cháu của tôi... mất đi một thanh niên là tôi mất đi một đoạn ruột...”*

Những ngày họ chưa mất đi, vợ của họ còn là vợ thơ, con của họ còn là con đại. Nhưng khi họ trở thành liệt sĩ, vợ thơ thành vợ góa, con đại thành con cô... Thừa toàn thể đồng bào! Của cải mất đi còn có thể lấy lại được, nhưng chân tay mất đi không bao giờ mọc lại được nữa và những liệt sĩ không bao giờ có thể sống lại được nữa, vậy tôi thiết tha mong đồng bào hãy thương lấy các thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình bộ đội”.

Những dòng thư ấy 78 năm qua bao nhiêu người đã đọc và bao nhiêu người đã khóc. Nước mắt đã chảy trên gò má sạm thuốc súng của anh bộ đội trên tiền tuyến, nước mắt đã chảy theo những vết nhăn nheo của mẹ già ở hậu phương. Tình thương của

Bác đối với bộ đội, thương binh, gia đình liệt sĩ toát lên qua từng dòng chữ.

Tình thương của Bác đối với anh bộ đội còn thể hiện ở chỗ: Bác gửi lòng tin tuyệt đối vào người chiến sĩ. Anh bộ đội biết vượt mọi gian khổ hy sinh để chiến thắng, anh bộ đội đánh là thắng như trong bài thơ chúc tết Đinh Hợi năm 1947 của người: *“Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió/ Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông/ Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến/ Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng/ Tiến lên chiến sỹ, tiến lên đồng bào/ Sức ta đã mạnh, người ta đã đông/ Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi/ Thống nhất độc lập nhất định thành công”*.

Và trong cái tết cuối cùng trước lúc đi xa, mặc dù cuộc kháng chiến đang ở giai đoạn ác liệt, biết còn phải trải qua nhiều gian khổ, hy sinh, nhưng Người vẫn gửi niềm tin đến người chiến sĩ, đến toàn dân tộc: *“Năm qua thắng lợi vẻ vang/ Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to/ Vì độc lập! vì tự do/ Đánh cho Mỹ cút! Đánh cho Ngụy nhào!/ Tiến lên chiến sỹ đồng bào/ Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn”*. (Mừng xuân 69).

Lời khẳng định ấy, niềm tin ấy của Người đã thành sự thật, 6 năm sau, vào lúc 11 giờ 30 trưa ngày 30/4/1975, lá cờ chiến thắng đã tung bay giữa Sài Gòn. Anh bộ đội cùng với toàn dân đã làm nên chiến thắng vĩ đại, xứng đáng với lòng tin yêu của Bác./.



NGỌN LỬA

Truyện ngắn của TRẦN XUÂN THỤY

Hoàng Lan... anh yêu em... anh yêu em nhiều lắm. Tiếng thì thầm của tình yêu hòa vào tiếng róc rách của dòng suối chảy dưới phiến đá êm như tiếng nhạc đệm. Giữa cái thình không hoang vắng và trong trẻo của bầu trời đêm, mảnh trăng thượng tuần nhả thứ ánh sáng huyền diệu dát ngọc lên những chiếc lá rừng ướt đầm sương đêm, rọi qua tán cây sung bên trên phiến đá như những ánh mắt tọc mạch trộm nhìn hai kẻ yêu nhau. Tình yêu thời chiến nở trên đường chiến dịch. Tình yêu cháy bỏng sự dâng hiến.

Vâng. Tên nàng là Hoàng Lan. Nàng có vẻ đẹp mềm mại như vẻ đẹp của một đóa lan rừng giữa màu xanh của đại ngàn, tạo cảm xúc êm dịu trong tâm hồn người chiến sĩ khi bất chợt ngắm nhìn. Vẻ đẹp của cô thanh niên xung phong khắc nên vần thơ tình trong trái tim chàng chiến sĩ quân

báo dũng mãnh Mạnh Hùng. Thời gian gặp nhau trên đường chiến dịch không nhiều nhưng cũng đủ để họ tìm thấy ở nhau một nửa của mình. Họ tin ở tình yêu như tin vào ngày chiến thắng.

- Anh yêu em nhưng anh phải đi... Em hãy chờ anh.

Người chiến sĩ quân báo trên đường chiến dịch mang theo hình bóng người yêu với lời hẹn thề trong tim. Cuộc chia tay vẫn xanh như lá cây rừng, vẫn đầy ắp lòng tin ở một ngày mai, dù sự sống và cái chết chỉ là ranh giới mong manh nơi chiến trường. Mạnh Hùng để lại cho Hoàng Lan họ tên, tuổi, quê quán nhưng anh không biết rằng anh đã để lại trong nàng một giọt máu đang ngày một lớn lên, để lại cho nàng những ngày tháng khổ sở hơn cả sự gian khổ ở chiến trường mà chỉ có tình đồng đội, tình yêu và hy sinh mới giúp nàng vượt qua.

Vâng. Gian khổ rồi sẽ vượt qua khi con người mang trong tim tình yêu và hy vọng. Một bé trai kháu khỉnh chào đời. Hoàng Lan đặt tên con là Chiến Thắng.

Thời gian thấm thoát... chiến tranh đã lùi xa. Chiến trường xưa giờ đã là nông trường dứa ngút ngàn. Hoàng Lan trở thành công nhân của nông trường để sống, chờ đợi và chờ đợi... Cuộc chia tay xanh màu lá ngày xưa giờ đã nhuộm ủa vàng. Phiến đá trên dòng suối dưới tán cây sung của nông trường thường ngày đón người cô phụ dạt theo con nhỏ ngồi trầm ngâm hàng giờ dõi mắt về phương trời xa...

- Mẹ ơi. Chừng nào bố mới về ?

Hoàng Lan nhìn con, nổi lòng dâng đầy lên mắt... Như bao lần, bé Chiến Thắng thấy mẹ khóc thay cho câu trả lời, cậu vội ôm mẹ, nói:

- Mẹ ơi ! Mẹ đừng khóc! Con không hỏi nữa đâu.

Mỗi mòn vì chờ đợi, Hoàng Lan chuyển về thành phố sống khi Chiến Thắng học lên cấp III và bệnh tim của chị trở nên trầm trọng. Biết mình không thắng nổi bệnh tật, Hoàng Lan kể cho



con nghe sự thật về tình yêu của bố mẹ và trao cho con nửa mảnh khăn và nửa chiếc lược, căn dặn "Đây là kỷ vật làm tin của bố mẹ. Bố con cũng có nửa chiếc lược và nửa mảnh khăn như thế này. Nếu ông trời không phụ lòng mẹ con ta, nếu bố còn sống thì đây là tín vật để bố con nhận nhau".

Tốt nghiệp ra trường vào lúc đất nước đã đổi mới, Chiến Thắng xin được việc làm ở một công ty mà Giám đốc là một cựu quân nhân cấp Tá. Trong dịp đi chúc Tết ở nhà riêng vị Giám đốc. Chiến Thắng sững sốt khi biết vị Giám đốc không những trùng tên mà còn trùng tuổi, quê quán, cùng quân chủng với bố anh. Anh lắp bắp hỏi:

- Thưa... Thưa Giám đốc... Có phải bác gái tên là Lê Thị Hoàng Lan... là thanh niên xung phong... Bác gái tuổi Nhâm Thìn.

Vị Giám đốc trân trân nhìn nửa chiếc khăn gói nửa chiếc lược mà Chiến Thắng vừa mở ra để trên bàn rồi nhìn vào đôi mắt như có lửa của anh. Ông đọc thấy trong ánh mắt người Trưởng phòng của mình niềm hy vọng được giải đáp, một giải đáp xác định. Và ông quyết định nhanh chóng như khi cần phải quyết định chính xác



nhánh nhay trong chiến đấu. Quyết định này khiến mặt ông hơi tái. Ông đứng dậy giờ ra một tay vẩy xuống ngụ ý bảo Chiến Thắng ngồi yên đấy rồi đi vào nhà trong, để lại mình anh với nỗi xúc động chưa tan thì nét mặt và cử chỉ của vị Giám đốc vừa diễn ra trước mắt khiến trí óc và thân thể anh như đông cứng lại.

Vị Giám đốc trở ra với một vật trên tay. Ông khẽ khàng ngồi xuống để vật ấy lên bàn và mở ra: nửa mảnh khăn và nửa chiếc lược! Hai nửa di vật xếp lại khít nhau qua tay người Giám đốc.

Sự đông cứng đã được giải phóng. Chiến Thắng đứng dậy bước vòng qua bàn ôm chầm lấy người Giám đốc, nghẹn ngào thốt lên:

- Bố!... Bố! Con đây... Con là Nguyễn Chiến Thắng, con của bố và mẹ Hoàng Lan đây!

Đôi cánh tay cứng cáp của người cựu sĩ quan quân báo vòng lại siết chặt đứa con. Đôi mắt người đàn ông đầy lên ngấn nước. Tự đáy lòng ông thốt lên: "Con!... Con của bố!"

* *
*

Vậy là Chiến Thắng đã kết thúc cuộc sống vô gia đình. Anh về sống với bố. Và người Giám đốc không vợ con, ăn uống thất thường không giờ giấc nhất định, giờ luôn đúng giờ cơm với đứa con trai duy nhất. Cả hai vui sướng tận hưởng tình cha con bên mâm cơm gia đình. Trong cuộc sống. Ông giúp con hoàn thiện những mặt còn thiếu sót. Anh luôn ghi tâm lời bố thường nhắc nhở: "Con hãy đi trong đời với ngọn

lửa trong tim và tảng băng trong đầu chứ không phải ngược lại. Nhiệt thành nhưng tỉnh táo, đó là đức tính cần thiết dù hoạt động ở lĩnh vực nào. Con hãy sống sao cho xứng là con của một người lính".

Hôm nay, như thường lệ hằng năm, Mạnh Hùng bảo con dâu (Chiến Thắng đã cưới vợ sau khi về sống với bố một năm) sắm mâm cơm giỗ người đồng đội, người bạn thân nhất của mình. Tuần nhang cuối cùng thấp xong thì Mạnh Hùng bỗng thấy mọi vật chệnh chao. Bức ảnh người đồng đội trên bàn thờ như được bàn tay vô hình điều khiển cứ chờn vờn múa may trước mắt. Không gian bỗng tối sầm khi một cơn đau dữ dội bùng lên vật ông ngã xuống mê man.

- Bố! Bố sao thế này? Bố ơi!...

Chiến Thắng vội vã đưa bố đến bệnh viện cấp cứu. Nhưng Mạnh Hùng đã tắt thở trên đường đi.

Chiến Thắng khóc bố như chưa từng được khóc. Anh những tưởng được sống với bố nhiều chục năm nữa. Bố chưa từng nói với anh và anh cũng chưa từng thấy bố bệnh. Đôi lần anh lo lắng hỏi khi thấy trán bố lấm tấm mồ hôi, mặt nhăn nhó như cố ghì nén cơn đau thì bố bảo chỉ bị choáng vì áp lực công việc. Vậy mà... Anh tức tưởi, bất lực trước sự sắp đặt nghiệt ngã của số phận.

Đám tang của bố xong, Chiến Thắng sắp xếp lại căn phòng của bố. Đứng trước chiếc tủ con mà thường ngày bố vẫn khóa kỹ, Chiến Thắng nảy ra ý định tìm hiểu đời tư của bố. Anh lấy chìa khóa bố để lại

lựa một chiếc mở tủ. Trong tủ, ngoài chiếc ba lô và một cặp giấy tờ còn có một chiếc hộp sắt khóa kỹ. Không có một chiếc chìa khóa nào trong xâu chìa khóa mở được chiếc hộp. Bố cất chìa khóa ở đâu? Một ý nghĩ thoáng qua. Chiến Thắng lấy hết các vật trong tủ để ra ngoài rồi rọi đèn bin vào các kẽ tủ. Quả như anh nghĩ, chìa khóa được bố nhét trong kẽ sát cửa tủ.

Trong chiếc hộp đã được mở ra, ngoài gần cả trăm đơn thuốc, sổ hồng, còn có một tờ di chúc và một bức thư bố gửi lại cho anh.

"Chiến Thắng!

Bố viết thư này phòng lúc bất ngờ bố phải đi xa. Trước nhất bố xin lỗi con vì đã giấu con sự thật. Người ta thường đề cao sự thành thật mà ghét sự giả dối. Nhưng khi sự thật dập tắt nguồn hy vọng, gây đau khổ, còn sự giả dối lại đem hạnh phúc cho con người thì bố chọn giả dối con ạ. Bố ruột của con là bạn thuở ấu thơ và là đồng đội của bố. Người đồng đội đã anh dũng hy sinh mà hình hài đã lẫn theo cát bụi. Vì là bạn thân nên bố con đã kể chuyện tình của mình cho bố biết nhưng đều không biết rằng đã có con ở trên đời. Trước sự vui mừng vì ngộ nhận của con, nhìn thấy niềm hy vọng ngời lên trong mắt con, bố không nỡ để con biết sự thật. Và lại bố con là đứa trẻ bị bỏ rơi khi mới lọt lòng, bố không nỡ để con từ cố vô thân. Bố đánh đổi sự giả dối của mình để giữ lấy hạnh phúc của một con người (và cũng của chính bố).

Nửa chiếc lược và nửa mảnh khăn bố có được là vào ngày bố con hy sinh, bố bị sốt nên bố con đổi ba lô cho bố để mang ba lô của bố nặng hơn. Thương người bạn chí thân, bố giữ lại kỷ vật của bố con để làm kỷ niệm. Gần suốt một đời bố chỉ làm một việc giả dối duy nhất mà giờ đây bố mong con hiểu và tha thứ cho bố. Người đồng đội của bố, con cúi lạy vào ngày cúng giỗ hằng năm chính là bố đẻ của con. Bố cảm ơn con đã cho bố được hưởng hạnh phúc gia đình bấy lâu nay. Bởi khi bố biết mình đã bị phơi nhiễm chất độc da cam thì mái ấm gia đình vượt xa tầm với của bố...".

Thư bố viết còn dài nhưng Chiến Thắng không thể đọc tiếp, có cảm giác như bị ai phang mạnh một vật vào đầu khiến chệnh choáng như say, để trong phút chốc anh không còn ý thức được sự tồn tại của bản thân. Giây lâu... anh dần tỉnh táo lại để nhìn nhận sự việc. Làm sao khác được khi anh đã quen với tình cảm của mình rằng bố là bố của anh?

Trước bàn thờ bố, Chiến Thắng đốt bức thư và những di vật của bố mẹ để lại. Ngọn lửa bùng lên xóa tên một sự thật. Phân định rạch ròi có ích gì khi thật hay giả không còn quan trọng.

Nhìn ngọn lửa cháy lên từ những vật cất giữ yêu thương tỏa sức nóng hừng hực. Chiến Thắng nhớ lại lời bố: "Con hãy đi trong đời với ngọn lửa trong tim...".

Vâng! Sẽ như thế bố ạ!

DIỄN TẬP PHÒNG THỦ TỈNH BẮC NINH 2022

Phóng sự của: LÊ KHAM

D diễn tập khu vực phòng thủ (KVPT), là tổng hợp cao nhất trong quá trình các lực lượng tham gia huấn luyện, hiệp đồng tác chiến, rèn luyện kỷ luật. Thông qua đó đánh giá trình độ chỉ huy, hiệp đồng tác chiến, huy động lực lượng sẵn sàng chiến đấu trên địa bàn tỉnh. Thực hiện kế hoạch năm 2022. Tỉnh Bắc Ninh thực hành diễn tập KVPT. Đây là cuộc diễn tập với quy mô lớn cấp tỉnh. Nội dung đặt ra trong diễn tập thực binh là: Địch tấn công bằng đường không, với nhiều hướng khác nhau trên địa bàn, chúng dùng nhiều loại hỏa lực mạnh, bắn phá dồn dập, tập trung đánh vào những trận địa của ta. Để đảm bảo an toàn cao nhất cho nhân dân, trước khi chiến tranh xảy ra trên địa bàn. Ban chỉ đạo diễn tập tổ chức cho các lực lượng hướng dẫn nhân dân, học sinh sơ tán ra khỏi khu vực địch đánh phá, tiếp tục hoạt động theo thời chiến. Trên cơ sở



đó, ta tập trung bố trí lực lượng, triển khai đội hình đánh trả. Các lực lượng tham gia có bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ (DQTV) được bố trí đan xen theo kế hoạch. Quá trình tác chiến các lực lượng nổ súng đánh trả quyết liệt, thực hiện đúng kế hoạch đề ra, từng bước đẩy lùi các cuộc tấn công bằng đường không của địch. Các lực lượng phòng cháy chữa cháy (PCCC), quân y, nhân dân

MỘT SỐ HÌNH ẢNH DIỄN TẬP



tại chỗ, khẩn trương dập lửa khắc phục hậu quả của không quân địch đánh phá. Thông qua diễn tập, giúp cho lãnh đạo địa phương nắm chắc kế hoạch tác chiến, huy động lực lượng trên địa bàn. Đặc biệt giúp cho từng người dân, học sinh nắm chắc các tình huống khi có chiến tranh xảy ra, bình tĩnh tổ chức sơ tán bảo đảm bí mật, nhanh gọn, an toàn không để bị động bất ngờ./.





AI NGƯỜI SẮP ĐẶT



HOÀNG GIÁ

Ai người sắp đặt

*Ai người sắp đặt nên duyên
Để chim về tổ, để thuyền về sông
Trời mưa nước chảy xuôi dòng
Gái ngoan thì phải theo chồng mới ngoan...*

1. Không biết đó là bài thơ hay khúc đồng dao mà cả tuần nay trẻ con cứ ngêu ngao hát trên bờ đê sông Đuống, khiến ông Dương cứ phải nghĩ suy, đêm đêm trằn trọc, nhớ về những kỷ niệm xưa, nhớ về cô bộ đội bông con...

Chẳng phải ông có tình, có ý gì với cái cô bộ đội ấy vì lúc đó ông đã có vợ, có hai cô con gái ngoan hiền, mà bởi cái cách hành xử kỳ quặc của cô ta.

Ông nhớ chính xác hôm đó là đêm

16 tháng 10 ta, trăng rất sáng, ông và ông Thuận ngược chuyển tàu hỏa hiếm hoi ra Bắc. Ông ra Bắc vì vết thương tái phát, ông Thuận còn trẻ ra Bắc để đi Liên Xô học sử dụng một loại vũ khí mới: Pháo đất đối hải. Hai người ở hai đơn vị khác nhau, gặp nhau nhận đồng hương tỉnh, rồi đồng hương huyện, thế là thành bạn, thân nhau như anh em ruột.

Tối ga Cát Đằng, hai anh em đang say sưa nhìn qua cửa sổ, ngắm làng quê

đất Ý Yên xum xuê cây trái, nhấp nhô giữa những cánh đồng thâm xì gốc rạ, giữa màn sương mỏng lảng trong ánh trăng trong vắt mà da diết nhớ quê hương Hà Bắc, nhớ dòng sông “nghiêng” trong thơ thi sĩ Hoàng Cầm, nhớ phố Hồ lèo tèo đôi quán sửa xe, đôi nhà bán bún riêu cua, dăm ba cây mía... Cũng có một cửa hiệu thuốc Tây, một cửa hàng bách hóa, một cửa hàng ăn nổi tiếng bởi những bát phở “không người lái” mà vẫn thơm ngon, ngọt lịm... Cùng quê Thuận Thành, nhưng chỉ có ông là người phố chính gốc, còn ông Thuận ở mãi đất Đồng Ngự tuy nổi tiếng bởi nghề múa rối nước nhưng mà mãi cuối huyện xa lơ xa lắc, có cô người yêu xinh đẹp bán ở cửa hàng ăn uống trên phố. Vì thế, cả hai đều nhớ về phố Hồ nghèo mà thân thương, ấp đầy bao kỷ niệm.

Hai ông đang cố nhào người ra thật xa để nhìn cho rộng thì có người rón rén vỗ nhẹ vào lưng. Ông vẫn mãi ngẩn trắng giật mình quay lại. Một cô bộ đội trẻ, bé trên tay một cháu bé, ngập ngừng bảo:

- Hai anh ơi. Tàu sắp chạy rồi mà chồng em còn mấy bao hàng chưa khuôn lên kíp. Em nhờ hai anh bé giúp thằng cu để em xuống chuyển hàng giúp nhà em. Chỉ một loáng thôi mà...

Đứa bé chừng bốn, năm tháng tuổi, nhoèn cười trong giấc mơ khiến ông Dương không thể không đưa tay ra đón. Cô bộ đội tần ngần xoáy mắt vào con, rồi lật đặt xuống tàu...

Năm phút... mười phút... rồi mười lăm phút... Con tàu bắt đầu chuyển bánh mà vẫn không thấy cô bộ đội quay lại. Ông Thuận hốt hoảng chạy ra cửa chụm tay làm

loa gọi vẳng lên mà chẳng thấy hồi âm, đành nhờ nhà tàu thông báo. Tiếng loa vang lên, đứa bé tỉnh dậy, quờ tay tìm mẹ, khóc thét lên khi chỉ thấy ông. Con tàu sầm sập lao về phía trước. Cũng may, trong toa có vài ba chị đang nuôi con nhỏ nên thay nhau cho bé bú. Con tàu cứ vô tư lao đi trong đêm, tới ga nào nhà tàu cũng lên loa thông báo. Nhưng chỉ có gió và tiếng bánh xe xình xịch trên đường...

Về tới Hà Nội. Ông Thuận đeo hai ba lô, ông Dương bế bé đi dọc bờ phố vắng tìm ra bến xe. Đứa bé khát sữa ngần ngụt khóc. Ông Dương cất giọng ồm ồm hát bài “Hành quân xa”. Ông hát càng to thì bé khóc càng to. Khốn nạn cho ông, ông hát có khác gì ông quát, ông hét bộ đội xung phong. Nước mắt ông chảy dài trên má. Ông thương bé quá. Nhưng mà lực bất tòng tâm... May sao, cánh cửa một ngôi nhà bật tung. Một chị chạy theo gọi với:

- Hai anh bộ đội ơi! Dừng lại. Em cho cháu bú.

Hai ông mừng như bắt được vàng. Chị ý tứ quay mặt vào tường cho thằng bé bú. No nê, cu cậu lại ngủ khì. Hai ông cảm ơn chị, nhận lại đứa bé. Chị để rơi một giọt nước mắt, ấp úng bảo:

- Tôi nghiệp cháu quá. Cháu mà khóc thì các anh đừng hát mà cứ gọi ai có sữa cho con tôi bú nhờ một chút. Thằng bé ngoan và kháu quá...

Làm theo lời chị, hai ông cũng đưa được cháu về tới phố Hồ.

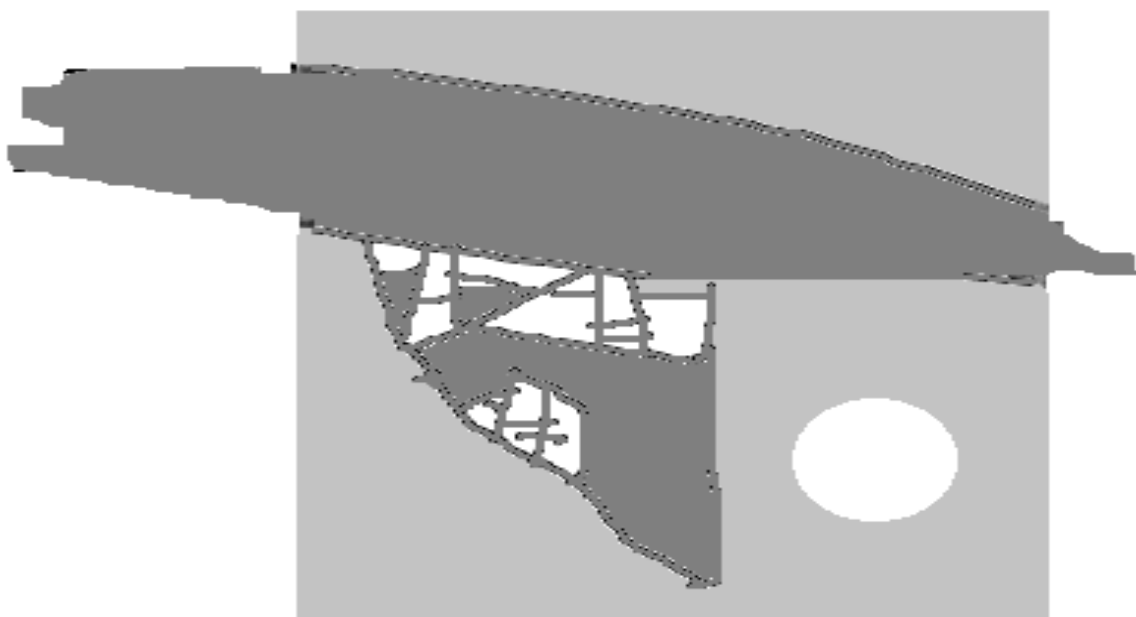
Năm đó là năm 1971, Hà Bắc lụt to (nhất là vùng bờ Nam sông Đuống). Quốc lộ 38 phải đắp đê con trạch ngăn nước phía đông (vùng Gia Lương) không cho tràn

qua phía Thuận Thành. Phố Hồ nửa khô, nửa nước. May mà lúc hai ông về cuộc sống đã gần trở lại bình thường, có điều cái nghèo, cái đói, cái rét thì vẫn rình rập. Kiếm ăn và đánh giấc... là hai nhiệm vụ mà bất kể người dân nào, quan chức nào cũng phải canh cánh lo toan. Vợ ông - cô gái đảm làng Đông Hồ, khéo tay làm hàng mã, yêu ông say đắm nhưng cũng đầy ích kỷ. Thấy đứa bé hao hao giống ông, bà lặng đi, chẳng nói, chẳng rằng, ra sân gọi hai cô con gái:

- Các con về mà đón em trai bố mới mang về đây này!

Rồi bà khóc. Mới ngoài ba mươi tuổi,

xinh đẹp nhất làng mà giờ đây quắt queo gầy guộc như thể người đã ngoại tứ tuần. Ông thương vợ thất lòng. Cũng may còn có chú Thuận khéo ăn, khéo nói, vả lại khi nhìn thấy vết răng hằn sâu vào bả vai trái thằng bé thì bà cũng lơ mơ đoán biết sự tình. Thế mà cũng phải cả tháng sau bà mới nguôi ngoai, mới tạm tin tin. Khi đã tin, bà trở lại là người mẹ hiền từ, coi đứa bé như con ruột. Ông bà nội thì khỏi phải nói. Các cụ bảo “Cá vào ao ai người ấy được”, coi đứa bé như cháu đích tôn. Hai chị gái càng mừng vì biết bố mẹ bệnh tật không còn sinh nỡ nên càng yêu quý em hơn. Dân phố, dân làng thì xôn xao, khen



Minh họa: LƯU QUANG LÂM

ông bà có phúc. Thằng bé trở thành niềm vui, niềm hy vọng của cả gia đình. Gia đình ông cũng chỉ có hai anh em trai. Ông chưa về, em ông chưa đầy mười tám tuổi đã trốn cha mẹ lên đường nhập ngũ, vào Nam chiến đấu từ đầu năm ngoái...

Thế mà đã 29 năm. Thằng Khúc Cát Đăng (ông lấy tên cái ga xe lửa năm ấy để đặt tên cho thằng bé) đã tốt nghiệp Đại học Bách Khoa, đã đeo quân hàm Đại úy, phụ trách một phân xưởng lớn của Z111. Đăng yêu cô giáo Hằng bên Tiên Du dạy toán ở trường cấp III Thuận Thành 1. Ông có ý định lấy ngày nó về làm con ông để tổ chức cho hai đứa.

Nhưng mà ông bà vẫn canh cánh trong lòng. Bà bảo người ta dứt ruột đẻ con, chắc là có gì đau khổ lắm mới phải đành lòng. Thôi thì phúc rơi vào ai người ấy được. Nhưng mà tôi vẫn áy náy. Hay là ông với chú Thuận, vất vả thêm lần nữa, ra ngoài truyền hình Trung ương, bảo người ta quay cả cái vết sẹo của thằng bé. May ra cha mẹ nó còn mà về được đúng ngày vui của chúng nó thì nhà mình được phúc muôn đời...

2. Ở nhĩ. Thế mà ông với ông Thuận không nghĩ ra. Bây giờ có truyền hình, chứ đã mấy lần ông nhắn tin, đăng báo mà chả bao giờ nhận được hồi âm. Suy bụng ta ra bụng người. Chắc là cha mẹ thằng bé cũng buồn đau, ân hận lắm.

Thế là hai ông lại rủ nhau ra Đài Truyền hình. Ông còn điện cho Cát Đăng tranh thủ về đó. Có cả hình nó, có cả vết sẹo bả vai thì không ông bố, bà mẹ nào lại có thể quên.

Ấy là một đêm tháng sáu, Đài Truyền hình Trung ương đưa tin về cơn bão số 4 đang đổ bộ vào Vịnh Bắc Bộ, nên oi bức vô cùng. Bà Bình nằm dài trên chiếc đi-văng lắng nghe tin tức về cơn bão. Đến giờ quảng cáo, bà tắt ti-vi. Bà cực ghét mấy trò quảng cáo. Các cụ xưa bảo “Hữu xạ tự nhiên hương”. Nếu sản phẩm của mình tốt thì làm gì cứ phải bỏ ra cả trăm triệu để mong thu hút khách hàng? Cứ như doanh nghiệp của bà. Bà chỉ lo không đủ nhân công, máy móc không đủ hiện đại, nguyên liệu không đủ để sản xuất... chứ bà chả lo gì không bán được hàng. Nghĩ vậy bà vươn vai, thở sâu, nhắm nghiền mắt, thư giãn. Đứa cháu ngoại đang học lớp mẫu giáo bốn tuổi, trên tầng chạy xuống, nghịch ngợm vành mắt bà, chí chóc: “Ti-vi hay thế mà bà tắt. Bà không xem thì con xem”, rồi nó giằng điều khiển từ tay bà. Màn hình lóe lên. Bà vẫn không mở mắt. Bỗng bà nghe thấy một giọng quen quen: “Tôi là người cách đây hai mươi chín năm ở ga Cát Đăng...” Bà choàng dậy. Hai ông bộ đội, nhất là cái ông lớn tuổi, sao bà cảm thấy như có nét gì đó rất đối thân quen. Đến khi góc máy quay về phía viên đại úy trẻ thì tim bà như bật khỏi lồng ngực. Rồi người ta quay vết sẹo trên bả vai trái của viên Đại úy thì bà hú lên, gọi “Con ơi!”. Nước mắt bà trào ra, chân tay bà lạnh cóng. Đứa cháu sợ quá hét lên gọi ông ngoại. Ông Minh - chồng bà vừa mới từ Trường Sa về sáng nay, còn mệt mỏi lắm. Nghe cháu hét gọi, ông vội đập cửa phòng con trai, bảo xuống ngay xem mẹ và cháu thế nào. Khi hai bố con xuống, bà Bình đã bình tĩnh trở lại. Bà méo máo:

- Anh ơi! Con em. Em tìm thấy con em rồi!...

Đúng lúc đó người ta quay lại lần hai. Con trai bà được hai ông bộ đội năm xưa đặt tên là Khúc Cát Đằng. Cát Đằng là quê hương bà. À. Cát Đằng là nhà ga mà bà đã trao đứa con cho hai anh bộ đội. Tốt quá rồi. Từ nay bà sẽ không nhắc tới cái tên Nguyễn Trường Sơn nữa. Nguyễn Trường Sơn của bà vẫn sống, vẫn hiện diện trên cõi đời này. Nó chính là Khúc Cát Đằng - đại úy Khúc Cát Đằng...

* *
*

Cô gái Nguyễn Thị Bình xinh đẹp nhất làng, nhưng cũng ương bướng nhất làng. Mười tám tuổi, bao chàng trai đến với cô, nhưng cô đòi lấy chồng bộ đội. Mà bộ đội khi đó đều ở chiến trường chứ ở đâu những làng quê. Cũng có mấy người đàn ông, hầu hết là những người khuyết tật hoặc đang giữ trọng trách chưa có người thay thế. Nhưng mà những ông ấy đều đã có vợ, có con, chỉ ít hơn Bình cả hàng tá tuổi. Thế là, một sáng nọ, Bình nói dối cha mẹ lên huyện họp Ban Chấp hành đoàn. Cô nhập ngũ, nằng nặc đòi đi học lái xe. Nguyễn vọng được đáp ứng. Cô trở thành tay lái toàn năng nhất lớp và vinh dự được nhận xe. Vài tháng sau thì được điều vào Trường Sơn. Khi được hỏi “Em muốn chạy ở cung đường nào?”, cô liền hỏi lại “Cung đường nào ác liệt nhất?” “Cung 88, có ngầm 64” “VẬY cho em đi 88. Em muốn xe em đêm nào cũng vượt ngầm”.

Thế là cô trở thành A trưởng A1 lái cung đường 88 - cung đường Tử Lộ.

Ba năm, ngót nghét cả nghìn đêm, đêm nào Bình cũng vượt ngầm 64. Phi công

Mỹ hình như cũng đánh hơi thấy trong cái ca-bin ọp ẹp kia có một đóa hoa tuyệt sắc, tài năng, tự tin và ương bướng nên đua nhau đuổi theo cô, muốn bắt cô bùng cháy, bắt cô khuất phục. Nhưng Bình chấp. Có giỏi thì đổ lửa vào xe chị đây nè... Mỗi lần như thế cô cười như nắc nẻ. Rừng Trường Sơn rung lên, âm vang như dàn tấu ca của những người chiến thắng.

Nhưng... Đi đêm lắm cũng có ngày gặp ma. Bình gặp một tên “ma” phi công Mỹ. Nó lợi dụng cô coi thường nó. Và loạt róc-kết của tên ma cô đã khiến con ngựa sắt của cô bốc cháy. Nhưng cô không cam chịu. Cố chịu cái nóng rát bỏng, cô bẻ quặt tay lái để chiếc Zin ba cầu ngoắt khỏi ngầm, lao cắm xuống dòng suối. Nước trùn lên xe. Lửa phụt tắt. Tên phi công ngơ ngác, không hiểu phép màu nào đã cứu chiếc xe. Gã hẳn học gầm lên “Chết tiệt! Những chiến binh chết tiệt! Một dân tộc chết tiệt...”

Bình ngất đi. Cô mơ màng thấy có người ôm mình, nâng mình lên, áp môi vào môi cô. Rồi cô lại cảm thấy như ai đó lột chiếc áo chống đạn, cả áo lót, cả cooc-xê. Và có cả một bàn tay sờ nắn... Cô điên tiết, nhưng bất lực và lại lịm đi...

Tỉnh dậy. Cô thấy mình nằm gọn trong tay một anh bộ đội. Anh hốt hoảng buông cô, áp ứng:

- Em xin lỗi. Vì chị run quá. Em chắc là chị rét nên mới ôm...

- Không sao đâu. Thế xe của tôi đâu?

- Ở dưới lòng suối. Đoạn này sâu.

- Còn hàng?

- Được bọc kỹ bằng túi ni-lon nên không sợ ướt. Mai sẽ có người vớt.

- Được... Cậu tên gì? Bao nhiêu tuổi?

- Em tên Bình. Hai mươi tuổi. Nhưng chị hỏi làm gì? Bây giờ em sẽ dẫn chị về trạm. Đơn vị em tối nay phải lên đường.

- Nào. Thì đi.

Nhưng người Bình tê dại. Không bị thương ở đâu, nhưng sự va đập khủng khiếp đã lấy đi sự liên kết vốn có của cơ thể. Cô như cái xác không hồn, chưa đứng lên đã khụy xuống.

- Để em cõng.

- Năm mươi cân cơ đấy. Cậu cõng nổi không?

- Chắc... Không thành vấn đề. Em vẫn 65 cân, cao hơn mét bảy, bệ bệ cõi 120 ly đi cả trăm mét. Năm mươi cân của chị thấm gì.

Quả thật cậu ta nhắc Bình như nhắc một cái gối. Bình ngớ ngẩn hỏi:

- Sao cậu tên Bình?

- Bố mẹ đặt. Sao chị?

- Tôi cũng tên Bình.

- Á à...

Đang leo dốc, bỗng một tảng đá âm ỉ đổ xuống, Bình em vội né vào một gốc cây to, nhưng cái chân của Bình chị lại không kịp thu vào, bị tảng đá sạt qua khiến Bình em mất đà. Cả hai lăn theo tảng đá. Đến khi tảng đá bị những cây cỏ thụ xum xuê chặn lại, thì hai chị em cũng nằm đuồn ra, hân hân thở. Thật hứ vĩa. Nhưng mà giữa cung đường đạn bom ác liệt, rừng xanh trơ trụi, đào đâu ra khoảng rừng êm đềm, xinh đẹp thế này? Họ nhồm dậy, ngấm nghĩa, cảm tạ đất trời, cảm tạ buổi sáng cuối thu trong veo, mát rượi. Bình em bật đứng lên, nhảy nhẩy vài cái, rồi lao vào khoảng rừng hái về mấy thứ trái cây trong đó có những

chùm dâu da chín mọng. Thứ quả kỳ lạ này, lần đầu tiên Bình chị được ăn. Nó vừa ngọt, vừa mát, vừa thơm, như những liều thuốc bổ. Cơ thể chị dần ra. Mọi đờn đau, mệt mỏi tan dần nhường chỗ cho cái gì đó như thúc giục, như đòi hỏi, như đắm say. Tim đập thình thịch, ánh mắt long lanh và mạch máu căng lên khiến Bình chị run rẩy hỏi:

- Này. Cậu đã biết mùi phụ nữ chưa?

- Chị hỏi sao?

- Là tôi hỏi, cậu đã có vợ chưa?

- Em năm nay mới hai mươi, đi bộ đội từ năm mười tám. Đã biết gì đâu.

Bình chị tùm tùm cười, rồi đột ngột cau mày:

- Lúc tôi ngất, hình như cậu cởi hết áo của tôi, còn hôn tôi?

Bình em đỏ mặt, thanh minh:

- Là chị không thở được, em phải hà hơi. Với lại cái áo chống đạn chật quá, không cởi, chị sẽ chết ngạt. Có sao không chị? Cho em xin lỗi nhé...!

- Không sao đâu. Là tôi hỏi vậy thôi.

Cứ thế, câu cà ra câu muông. Hình như cả hai đã đi hết những giới hạn cuối cùng. Mỗi người đều chung sự thèm khát, nhưng cũng cùng chung sự giáo hóa, chung một lần ranh đỏ... Họ vẫn kiên cường ép mình chịu đựng...

Xa xa, về phía Tây bỗng lóe lên tia chớp. Tiếng sét lao xuống từ phía thượng nguồn. Và trận mưa rừng giận dữ âm ỉ đổ xuống. Rất may, cái tảng đá chết tiệt ấy lại vô tình tạo ra một cái gộp. Hai đứa lăn vào, vô tình ôm chầm lấy nhau. Bốn mắt long lanh. Họ không đủ ý chí để buông nhau ra. Và thế là điều gì đến lẽ dĩ nhiên phải đến...

Đêm ấy, Bình em lên đường. Quá đấm say xác thịt, Bình chị chỉ nhớ Bình em bảo mình là quê vùng Quan họ, khe khẽ cất lên một khúc “**Ngồi tựa mạn thuyền**”, con phố hắt hiu của em có bến phà rất đẹp vắt ngang dòng sông đông đánh, quanh năm nghiêng nghiêng đỏ sệt phù sa... Bình em đi rồi, Bình chị mới trách mình biết quá ít về người đàn ông mà mình dang hiến.

Thời gian sau, Bình chị thấy mình là lạ. Chị nghiền những quả dâu da, những trái cây chua. Và rồi chị thấy trong mình một mầm sống đang cựa quậy.

Đơn vị bắt chị viết kiểm điểm, bắt khai tên cha đứa bé, thậm chí đại đội trưởng còn bắt chị phải đi phá thai. Bình bốp chát:

- Tôi là phụ nữ. Tôi có quyền có con. Còn con ai thì không phải việc của các anh. Nếu đại đội trưởng muốn tôi phá thai thì tôi với anh cùng chết.

Chị rút chốt quả lựu đạn, lao về phía đại đội trưởng. Đại đội trưởng xanh mặt, cuống quýt:

- Là tôi muốn tốt cho cô nên nói thế. Cho tôi xin lỗi.

Bình làm lữ chuẩn bị quân trang, theo xe ra Bắc. Nhưng chị không dám về nhà. Chị tạt vào nhà chị trung đội trưởng cạnh ga Đò Lèn vừa về mất sức. Sau khi sinh, đặt tên con là Nguyễn Trường Sơn. Hai chị em coi Trường Sơn như báu vật, như đứa con chung.

Nhưng chị xác định sẽ có ngày phải xa con. Chị sẽ trở lại chiến trường tìm bố nó. Để đề phòng thời cơ đến đột ngột, một đêm không ngủ, chị đã cắn vào bả vai trái thằng bé. Nó khóc thét lên. Trung đội trưởng bật dậy, nổi đóa, mắng:

- Mày điên à? Mày muốn đi lấy chồng hả. Thì đi đi. Thằng Trường Sơn để tao nuôi. Đẳng nào thì với tuổi tác, thương tật của tao, chẳng thằng đàn ông nào dám bén mảng. Từ nay, nó là con tao.

Hai chị em giằng nhau thằng bé. Thằng bé hét lên. Hai chị em quy xuống, lạng lẽ ôm nhau khóc cho đến sáng...

Một buổi chiều tà, trung đội trưởng đi đâu mãi chả thấy về. Nhớ quê quá, Bình viết vội mấy chữ rồi bồng Trường Sơn ra ga, lên tàu về Ý Yên. Ngồi cùng toa, chị đã nghe hết câu chuyện của hai anh bộ đội quê Hà Bắc. Chị thấy hai anh là người tốt, nhất là cái anh tên Dương, lại ở phố Hồ, hình như cũng gần với phố của anh ấy. Chị cảm thấy như đã quen anh từ lâu, cảm thấy có thể tin anh. Chị bỗng nảy ra ý định: Gửi đứa con thân yêu cho anh. Chị liền đóng kịch. Và chị đã thành công.

Bình quay lại chiến trường. Vốn là người nổi tiếng, ba năm liền là chiến sỹ thi đua nên đơn vị cũ nhận ngay, lại còn giao cho làm xê phó...

Giải phóng miền Nam, được tin Bình em đã hy sinh. Chị gài lên ngực một miếng vải đen rồi làm mười mâm cỗ, mời bạn bè, các thủ trưởng (trong đó có thủ trưởng Hoàng Minh), công bố chuyện chị có một đứa con trai với Bình em, coi Bình em là người chồng đầu tiên, hợp pháp. Chị chẳng cần giấu giếm đời tư. Chị coi cuộc đời mỗi con người là một cuốn sách, càng nhiều người đọc càng tốt. Khen chê là chuyện của đời.

Rồi Hoàng Minh đến với chị, với một quyết tâm: tìm lại Trường Sơn.

Nhưng người quyết không bằng trời

quyết. Đúng lúc vợ chồng chị định buông xuôi thì xem được buổi truyền hình...

3. Mặc cho bão số 4 tràn vào Bắc Bộ, ông bà Minh vẫn cùng con cháu lên đường. Chiếc xe bảy chỗ xé gió lao vào đường Một, rẽ sang đường Năm, rồi hỏi về Thuận Thành. Đường càng đi càng đẹp. Bão lớn, mưa to thì đường càng vắng. Quá trưa thì tới phố Hồ. Phố Hồ lừng lững, vắng ngắt, trầm mặc, liêu trai, bỗng bèn trong mưa bão.

Đang loay hoay không biết hỏi ai thì may quá có đoàn kiểm tra bão lụt của tỉnh dừng xe tại thị trấn. Nghe Hoàng Minh trình bày, đoàn kiểm tra cử ngay một thanh niên dẫn đường vào nhà ông Dương.

Nghe tiếng người léo nhéo, ông Dương vội vàng ra mở cửa. Vợ chồng ông Minh nhận ngay ra ông - ông chẳng khác gì trên truyền hình. Còn ông Dương cũng ngỡ ngàng. Chẳng lẽ, chuyến đi của hai anh em đã thành công? Ông vừa hỏi hớp, vừa lo là mình mừng hụt, nên vội vàng hỏi:

- Dạ, thưa... Ông bà có phải là...

Bà Bình vội đón lời:

- Dạ. Thưa ông. Đây là nhà em, còn em là Bình - là cô bộ đội năm xưa ở ga Cát Đằng...

Bà ghen lại, bật khóc.

Khi đã vào hết trong nhà, chủ khách giới thiệu, làm quen. Vợ chồng ông Minh xin phép đặt lễ, thắp hương lên bàn thờ. Ông Dương tắt bật cử người đi đón ông Thuận, người đi đặt cỗ. Còn ông điện cho Khúc Cát Đằng. Xong xuôi, ông làm mặt nghiêm, hỏi vợ chồng bà Bình:

- Tôi hỏi khí không phải: Thế con có làm sao mà ông bà lại bỏ Cát Đằng? Làm sao mà...

Ông chưa dứt lời thì bà Bình lại khóc rưng rức. Vợ ông Dương vội vàng chạy tới ôm chặt đôi vai đang rung lên của bà Bình, nhìn ông Dương, trách:

- Ông rõ là.... Chuyện đâu có đó. Miễn là bây giờ ông bà đã tìm thấy con, thằng Cát Đằng đã tìm thấy cha mẹ...

Ông Dương gật gật nhận lỗi. Lúc sau thì ông Thuận tới, bà Bình cũng trấn tĩnh lại, từ từ kể lại câu chuyện của mình.

Khi đã tường tận sự việc, ông Dương lại nóng nảy, hỏi:

- Bình à? Năm 1969 tôi có về Thuận Thành tuyển quân, không có ai tên là Bình. Nhưng khi xem danh sách bên Tiên Sơn tôi nhớ là có tới ba cậu tên Bình: một hình như ở Ngang Nội, một ở ngay bên kia bến phà, còn cậu nữa tôi quên tít. Nếu tôi nhớ không nhầm thì cậu ở bến phà là Trần Bình. Để Cát Đằng về mình sẽ cùng sang bên đó. May ra thì...

Chiều tối Khúc Cát Đằng và người yêu là Lê Thị Thu Hằng mới về. Mẹ con nước mắt đầm đìa, kéo nhau đến trước bàn thờ, rồi trước mặt ông bà nội khấn đầu quỳ lạy.

Trời sập tối, ông Dương vẫn quyết lên xe qua phà sang Tiên Sơn. Bão số 4 đã đi qua, chỉ còn gió nhẹ. Trăng đầu tháng nghiêng nghiêng lười lười đang xế phía Tây. Có đoàn thuyền giương buồm ngược dòng sông Đuống, văng vẳng tiếng ai cất lên "Ngồi rằng là ngồi tựa í a...áy máy a mạn thuyền...Trăng lên là lên đầu la..a..í...ơ ...ơ..." Bên bờ Bắc bọn trẻ hò reo rồi cũng đồng thanh cất lên: "Ai người sắp đặt... nên duyên..."./.

Sân kho

LOANG LOÁNG ÁNH TRẮNG

NGUYỄN THANH NGÀ



Làng tôi có một cái sân kho to lắm, lát bằng thứ gạch nung từ đất sét hình chữ nhật. Những người thợ xây xếp đan chéo viên gạch thành hàng. Sân kho to gấp mười, mười lăm cái sân nhà. Xung quanh sân là những gian nhà kho nhỏ chứa những đồ đạc cần thiết cho các việc của thôn. Ai cũng biết đến cái sân kho, nghe

rung rúc mùi kỷ niệm và chan chứa tình quê ở đó.

Những hôm trăng sáng, trăng treo mình tròn vành trên đầu ngọn tre, trăng thả ánh vàng loang loáng trên mặt sân kho. Tôi theo chị gái nhà bác Cả ra sân kho tán gẫu cùng mấy anh chị thanh niên ở đó. Chị tôi e thẹn giấu nụ cười sau tay áo, vậy là

chị tôi đã thích một anh chàng trong hội thanh niên kia. Họ tán nhau mãi tới khuya, những trận cười giòn tan, những ánh mắt nhìn nhau bên lén.

Tôi rời tay chị ra chơi cùng lũ bạn ở sân kho. Những trò chơi ú tim ở sân kho thật thích, bọn tôi chạy đủ chỗ để núp mà người bị mất rất khó để tìm được. Cái Huyền tìm mãi không thấy chỗ tôi trốn rồi bất lực nó ngồi khóc tu tu. Tôi và Phương chạy ra từ phía nhà kho để xe tang. Chúng tôi dừng cảm trốn vào đó, đứa nào cũng sợ ma nên chẳng ai vào đây tìm. Chán chơi ú tim, bọn tôi lại chơi rồng rắn lên mây, *“Rồng rắn lên mây có cây núc nác, có thằng bẻ măng, thầy thuốc có nhà hay không?”* Đuổi nhau hò hét mãi trăng vẫn trên đỉnh đầu, thời gian như ngừng trôi mà tôi thì buồn ngủ. Chị tôi công tôi về khi câu chuyện của anh chị thanh niên đã tạm hết. Họ còn về cho kịp sáng mai ra đồng sớm phụ bố mẹ làm cỏ, tát nước, be bờ. Lung thiếu nữ chị tôi rất êm, tôi ngủ gục vào đó như chiếc gối mềm, bỏ quên vàng trăng trên đỉnh đầu, bỏ lại sân kho trống vắng vẫn loang loáng ánh trăng.

Vụ lúa mùa thóc vàng hạt căng mẩy, cả thôn cắt về xếp đầy ở sân kho. Họ tuốt lúa rồi để cả đồng thóc to đùng ở đó. Bọn tôi lấy sợi rom vàng tết thành con gà trống và con gà mái. Gà trống đan chéo sợi rom trông khá giống cái mào của con gà trống, còn gà mái đan thành hai đường rom kép trông rất giống cái đầu của con gà mái. Chán đan gà, bọn tôi lại tết thành những chiếc chạc bằng rom thật dài. Khi thì dùng chiếc chạc đó để nhảy dây, khi thì mắc lên cành cây đa đầu làng làm đu quay, làm võng. Vụ thóc mới, cả sân kho nô nức

người ra người vào. Những anh chị thanh niên trán lăm tăm mò hò hờ nhau đẩy xe cải tiến chất đầy lúa chở vào sân kho.

Nhớ ngày rằm Trung thu năm tôi lên bảy tuổi. Tôi chạy theo chị Thảo ra sân kho xếp hàng nhận quà. Tất cả trẻ em ở làng đều xếp thành hàng dài đợi các cô phụ nữ mang chiếc bao tải dừa chứa đầy kẹo, bưởi, ổi đi phát cho từng em một. Cái Thủy không đóng tiền quà, bố mẹ nó vào Nam làm ăn, vậy mà các cô phụ nữ vẫn chia quà cho nó. Mắt nó ánh lên niềm vui, mấy đứa xung quanh buông lời ghen tỵ. Cả một góc sân kho xôn xao vì đòi quyền lợi công bằng. Tôi chẳng để ý gì ngoài thấy ánh mắt cái Thủy rất vui. Vui hơn nữa là tôi nhìn lên cái sân khấu được xây bằng gạch ở góc sân kho đang được trang trí. Tối nay làng tôi có văn nghệ.

Tôi về nhà, ăn vội bát cơm, rửa mấy đĩa bạn cùng xóm ra sân kho từ sớm nhận chỗ xem văn nghệ. Nói là nhận chỗ thôi chứ bọn tôi ra đó đùa nghịch là chủ yếu. Lại là các trò chơi dân gian chơi mãi không chán. Trăng rằm tháng Tám tròn hơn các tháng khác. Ấy là mẹ tôi bảo thế và tôi cũng tin theo. Ông Lang đóng vai Ngọc Hoàng, ông mang hẳn cái chăn con Công màu đỏ lên làm áo “long bào”, thỉnh thoảng đến đoạn hội thoại nào tâm đắc ông vuốt bộ râu màu xanh tước từ lá chuối trông thật ngộ. Các anh chị lớn hát những bài về trung thu thật hay.

Chẳng mấy chốc đã hết buổi biểu diễn văn nghệ, sân kho nườm nượp người kéo nhau về. Tôi cùng mấy đứa bạn lột thỏm vào đám đông ấy, tôi nhìn lại sau lưng. Sân kho lại trống vắng tịnh không một bóng người và lại loang loáng ánh trăng trải xuống nền sân trắng xóa. Tôi tiếc

buổi Trung thu, tiếc niềm vui hôm ấy đã kịp tàn, và tôi đếm từng ngày đợi đến mùa trung thu sau.

Chiếc loa phát thanh thôn được treo cao trên cây cột điện, giọng ông Bản đọc thật to trong loa: “A lô! Chúng tôi xin thông báo! Hôm nay có đoàn chiếu bóng về thôn, giá vé 200 đồng trên một người, thời gian bắt đầu lúc bảy giờ tối với bộ phim Thăng Bờm...”. Thế rồi mấy ông an ninh thôn chặt vội cây tre còn nguyên cành lá màu xanh mướt làm rào ngăn ở cổng sân kho. Những ai có tiền thì đến mua vé sớm, họ không quên mang theo cái ghế bằng gỗ nhỏ để vào sân kho nhận một chỗ cho dễ xem. Cả sân kho chật ních người chen lối thành hàng, ngời trật tự hướng mắt lên chiếc màn hình màu trắng. Bộ phim kết thúc cũng là lúc tôi ngủ gục trên vai mẹ tôi được giấc nồng. Tôi tỉnh dậy cho tới

khi trời sáng của ngày hôm sau. Tôi không biết mẹ đưa tôi về thế nào, tôi có lọt thỏm vào đám đông như hồi trung thu trước. Và mọi người về rồi, buổi chiều bóng khép lại, trăng có còn loang loáng ánh vàng trên mặt sân kho trống vắng không?

Đã rất lâu rồi tôi không còn cảm giác háo hức ra sân kho ngóng đợi một điều gì đó. Sân kho bây giờ không còn đoàn chiếu bóng về, không còn trẻ con đứng xếp hàng nhận quà Trung thu, không còn những tốp thanh niên nam nữ trò chuyện vui đùa... Cũng là khi tuổi thơ tôi đã đi qua mất rồi. Sân kho cũ đã được phá đi thay thế những viên gạch đẹp màu đỏ, vuông vắn hơn. Chỉ có một điều còn sót lại, đó là những hôm trăng sáng, ánh trăng vẫn loang loáng ánh vàng trên mặt sân kho trống vắng và cô đơn./.

PHÙNG CHÍ DŨNG

Thơ tình

Có câu thơ đọc xong là hết
Có câu thơ đọc hết vẫn còn.

Có người gặp một lần - sau không muốn gặp
Có người gặp một lần - thành bạn tri âm.

Có câu thơ đọc một lần
Để thương, để nhớ! Để gần, gần thêm./.

XUÂN LINH

Hỏi thuyền

Nửa chừng duyên lỡ - Lệ rơi...
Sao thuyền không thể xa rời bến xưa?
Nắng hồng lại tỏa sau mưa
Chả cần neo cắm! Để thua thiệt thuyền.



Làng Nghi Khúc

XƯA VÀ NAY

PHẠM THUẬN THÀNH

Làng Nghi Khúc thời xưa là đơn vị cấp xã thuộc tổng Bình Ngô, huyện Gia Bình, trấn Kinh Bắc, nay là đơn vị cấp thôn của xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Làng có tên nôm là Bưởi Cuốc. Tên làng gắn với nghề làm cuốc ta (cán gỗ lim có gờ gắn lưỡi thép) và cày bừa. Đây là ba loại công cụ chính yếu của nghề nông. Tên nghề đã thành tên làng, làng Bưởi Cuốc, cũng như tên nghề đồng thành tên làng Bưởi Nồi của chạ anh em. Ngày nay, công cụ lao động đã thay đổi căn bản, làng gần như mất nghề. Tuy nhiên, nghề truyền thống giúp dân làng ăn nên làm ra, vẻ vang với câu ca “Nghi Khúc đúc ra tiền” lại là nghề làm đậu phụ.

Hầu như cả làng đều làm nghề đậu phụ. Cửa rề rề không bằng có nghề trong tay. Người Nghi Khúc mang nghề đi khắp mọi miền kiếm ăn. Đậu Nghi Khúc có độ dẻo, độ béo đặc trưng không đâu học được. Bên cạnh đình thờ thánh dân làng còn làm nhà thờ tổ nghề. Theo truyền miệng, tổ nghề đậu của làng là Bà Mây - Bà Mái. Hai

bà mang nghề đến dạy cho dân làng. Dù đi làm ăn xa nơi đâu dân vẫn nhớ về làm lễ dâng tổ nghề thụ hưởng, nhất là vào ngày Giỗ tổ nghề đậu 18 tháng Tám âm lịch.

Bí quyết nghề gồm nhiều khâu tỉ mỉ. Nghề nào cũng có Trạng nguyên. Người Nghi Khúc có thể nói là Trạng nguyên của nghề đậu phụ. Chọn đỗ là khâu đầu tiên. Rồi các yếu tố cấu thành là nước, ngâm đỗ, xay bột, lọc bột, thời gian đun, cách đun, cách pha, cách gói và ép, cách giữ nước giống, cách bảo quản đậu khi chưa đem bán. Hiện nay nhiều làng lân cận cũng học và làm nghề đậu nhưng đều phải thừa nhận đậu vẫn không thể ngon bằng sản phẩm do người Nghi Khúc làm ra. Đồ làm nghề không quá phức tạp, trước đây quan trọng nhất là cái cối đá xay bột. Phải là cối đá Văn Chanh (Tiên Du) mới có được độ bền lâu phải sửa lại cối. Vải lọc, khăn gói là loại vải vuông do làng nghề Đại Mão (Thuận Thành) dệt. Nồi đun do làng Bưởi Nồi (Gia Bình) đánh. Ang pha do làng Phù Lãng (Quế Võ) làm. Khuôn, bàn ép do thợ



làng làm được. Rõ, phen chứa mua ở làng đan tre Bình Ngô. Thùng đựng bột mua ở hiệu. Bây giờ có máy xay, máy lọc, công nghệ có thay đổi chút ít nhưng đậu ngon vẫn chủ yếu do tay nghề điêu luyện cả.

Thời bao cấp nhà nước quy chuẩn sản lượng đậu phụ thành phẩm theo lượng đỗ nguyên liệu (2,3 kg đậu/1kg đỗ), các cửa hàng thực phẩm tươi sống giao khoán cho người dân làm. Người các nơi làm thường bị lỗ do kỹ thuật kém, đậu lại không ngon. Thành thử người Nghị Khúc gần như chiếm lĩnh hết các địa bàn khu vực. Năng suất đạt tới 3 kg đậu/1kg đỗ mà đậu lại ngon hơn. Với các chợ quê có đậu do người Nghị Khúc làm bán thì không lò đậu địa phương nào cạnh tranh nổi.

Thời đổi mới, nghề đậu phụ Nghị Khúc phát dương mạnh mẽ. Người các làng thuộc tổng Bình Ngô cũ (Buối Xuyên, Buối Đoan, Thường Vũ, Yên Ngô, Bình Ngô) mang nghề đậu phụ Nghị Khúc đi khắp cả nước. Những vùng hải sản tươi sống phong phú như Cà Mau nghề đậu Nghị Khúc vẫn phát đạt. Nhiều người đã chuyển sang nghề khác nhưng một thời gian sau lại quay về nghề cũ. Những cặp vợ chồng trẻ trước đó dù làm nghề gì thì cũng sắm sửa đồ nghề gây dựng một lò đậu mới. Từ những

bìa đậu nho nhỏ mà xây nên nhà lầu, xây nên cơ nghiệp. Trong thời buổi thực phẩm khó kiểm soát độ an toàn thì sản phẩm đậu phụ chế biến từ đậu nành và men vi sinh từ chính nước chắt của nước đậu đun ra luôn được đề cao, ngon, bổ, rẻ.

Ngoài nghề nổi danh trên, người Nghị Khúc còn nghề làm rau cần giống. Rau giống được cấy giữ từ năm trước. Qua vụ rét kéo dài, khi gió đông ẩm áp thời tới, người ta nhân giống ra diện rộng hơn. Sau đó bán giống cho các làng xung quanh. Thu nhập từ nguồn rau giống cao hơn cấy lúa nhiều. Vào kì áp Tết cây khô lá vàng, rau cần trở thành món ăn khoái khẩu cho mọi người. Trong xã có phiên chợ Cầu Đường mỗi năm chỉ họp một phiên mỏng 5 tết để ăn rau cần với bún, nay thành một nét đẹp văn hóa. Rau cần Nghị Khúc ngoài yếu tố kinh tế còn góp phần vào bản sắc văn hóa ấy. Hết thời bán rau giống, người ta giữ lại làm rau ăn. Qua Tết rau cần già thì dùng để muối dưa chua. Rau cần có thể muối riêng,

có thể phối hợp với cải bắp, thêm vị rau răm sẽ là món ăn đơn giản mà ngon miệng. Làm nghề rau cần khá tốn công. Các bà các chị phải mất cả buổi chiều nhỏ, rửa rau, hôm sau lại phải đi bán. Công xã hội tụ lại nơi mớ rau cần khá lớn. Đó là sự chăm chỉ, cần cù khó nói hết của người Nghi Khúc.

Ngày nay dân số thực của làng là trên 3.000 khẩu, trên sổ sách quản lý là 1.300 khẩu nhưng có mặt thường xuyên ở địa phương chỉ chừng 500 khẩu. Tốc độ công nghiệp hóa đang mạnh. Hiện có 24ha đất chuyển sang công nghiệp và đô thị. Nhiều mô hình kinh tế mới cũng xuất hiện như làm trang trại có các hộ Nguyễn Văn Bồng, Nguyễn Tiến Toán, Nguyễn Công Nghìn; trồng hoa tươi có các hộ Nguyễn Xuân Thúc, Nguyễn Văn Toàn; vận tải ô tô có các hộ Nguyễn Văn Ái, Nguyễn Văn Bồng; May gia công có các hộ Nguyễn Văn Tuyên, Nguyễn Văn Lâm. Một số hộ mạnh dạn làm ăn lớn như Nguyễn Công Cảnh lập Công ty dịch vụ và thương mại An Bình, Nguyễn Công Trường lập công ty xây dựng và thương mại Trường An...

Người Nghi Khúc làm kinh tế giỏi mà học hành cũng rất thành đạt. Tiêu biểu có Sĩ Đức Quang đỗ thủ khoa Đại học Sư phạm, nay là Phó giáo sư, Tiến sĩ giảng dạy tại trường; Tiến sĩ Nguyễn Huy Kí, Phó Giám đốc Nhà máy dược của Traphaco; Nguyễn Văn Tân giành học bổng toàn phần tại Singapore nay đang học đại học tại Mỹ; các cử nhân Nguyễn Văn Trường là Giám đốc Nhà máy biến thế Văn Điển,

Nguyễn Tổng Luận là Trưởng phòng Kế hoạch Tổng công ty Phân đạm và hóa chất Hà Bắc; Nguyễn Văn Tấn là Giám đốc Bảo Việt Bắc Ninh, Nguyễn Sĩ Tự là Đại tá công an, nguyên Giám thị trại giam Hòa Lò...

Mặc dù chủ yếu ra ngoài làm ăn nhưng người Nghi Khúc luôn hướng về quê hương. Đình làng thờ Lạc thị tam vị Đại vương đã được tân tạo năm 2012 trị giá xây lắp trên 5 tỉ đồng hoàn toàn bằng khung lim lõi cổ. Công làng cũng được làm theo lối cổ do bà Nguyễn Thị Chén, một người Nghi Khúc giỏi làm ăn ở 42 Hàng Bài (Hà Nội) hưng công. Bà còn ủng hộ xây dựng đình, chùa số tiền 100 trăm triệu đồng. Ông Nguyễn Sĩ Tự cũng ủng hộ xây dựng cây hương trị giá 140 triệu đồng.

Người Nghi Khúc hiện còn giữ được nét đẹp văn hóa độc đáo là tục thi xôi gà lượt. Người được thi gà lượt ở lứa tuổi 49. Ban giám khảo là những người lứa tuổi 53. Gà to hơn, đáng đẹp hơn, luộc chín không nứt da sẽ được giải của làng. Giải chỉ là quả cau lá trầu, nhưng đây là lộc thánh đặc biệt nên ai cũng quý trọng bậc nhất. Người ta tin rằng được lộc thánh này gia đình sẽ được thánh phù trợ đặc biệt hơn, an khang hơn, làm ăn tấn tới hơn. Sau khi chấm, gà giải sẽ được phá ra chia cho mọi người cùng thọ lộc và bình phẩm. Tục thi gà lượt nay thành nét đẹp văn hóa đặc sắc biểu dương sản phẩm nông nghiệp, một kiểu triển lãm nông nghiệp thời xưa./.

Giữa vòng vây CỦA SÁCH

VĂN AN

Cách đây 60 năm, làng Trang Liệt cho ra đời một thư viện đầu tiên của cả nước. Đó là một thư viện hoành tráng, núp mình trong một ngôi nhà cổ trông ra con đường chính của làng. Đã có ngay hàng nghìn đầu sách, có ngay một cán bộ kiêm nhiệm trông nom thư viện và có lịch mở cửa cho bà con nông dân Trang Liệt còn lấm lem bụi đồng đến đọc sách, đọc báo và mượn về một số quyển. Thư viện của chúng tôi, lúc bấy giờ hiện hữu như một cổ tích, rực rỡ, chói chang giữa com, gạo, áo tiền còn khan hiếm, chật hẹp, họ thấy miếng com còn chật vật, còn cuốn hút mọi người. Vậy mà thư viện của chúng tôi vẫn mở toang cánh cửa chào mời. Người Trang Liệt, trước kia và cả bây giờ đều tự hào về thư viện làng mình. Nhiều nơi, thư viện như một thứ xa xỉ. Nhiều phường, thị xã, không có nổi một phòng đọc sách. Thư viện làng tôi ngày ngày vẫn vang lên tiếng đọc sách rì rầm, tiếng lật trang loạt soạt; Từ làng đi công tác, chúng tôi mang theo niềm tự hào “thư viện làng tôi” chỉ có làng tôi, thôn tôi mới có, mà nơi khác không mơ nổi. Về quê, về làng, hãy đặt chân vào thư viện; nơi ấy là ngôi nhà ấm cúng, là mái

trường thứ hai của người dân Trang Liệt; mỗi cuốn sách là bạn bè của tôi, là người thầy của tôi bởi từ cuốn sách mở ra những điều lạ lùng, mới mẻ. Tôi đi ngập trong giá sách chồng chất, ngồn ngàng, bề bộn một quá khứ óng ánh. Ở đây, tôi gặp các bậc tiền bối. Đó là tám vị Tiến sĩ với chiếc mũ cánh chuồn rực rỡ, với trang phục đồ chổi cùng những tua, những dải rung rẩy mềm mại. Tôi nhận ra cụ Tiến sĩ Dương Tử Do với sức học tuyệt vời. 43 tuổi cụ mới làm quen với chữ nghĩa, vậy mà 6 năm sau, 49 tuổi cụ đã đoạt bằng Tiến sĩ trước sự ngỡ ngàng thán phục của người Trang Liệt xưa và nay.

Hãy tưởng tượng một người Trang Liệt có thể ngờ ngác một chút, có thể bần thần một chút nhưng anh ta hùng dũng bước vào thư viện làng với những giá sách ngất ngưỡng, những cuốn sách chen chúc, nối đuôi nhau như đang cựa quậy bởi chúng chứa đựng những khối kiến thức đồ sộ. Vị khách ấy chưa ra khỏi ngôi nhà. Anh ta chìm trong sách, vùng vẫy trong sách. Mỗi chiều, anh mới bước ra với dáng vẻ đàng hoàng, tự tin cùng cặp mắt sáng trong, điềm đạm. Anh đã bỏ lại đầu đó về

ngơ ngác, bần thần. Những cuốn sách thần kì đã thấm vào anh, biến anh thành con người đang đổi mới.

Mỗi lần đến ngôi nhà sách, tôi đều trong tâm thế chờ đợi. Tôi chiếm lấy sách hay sách chiếm đoạt tôi? Phải. Một cuốn sách đồ sộ đang vùng vẫy. Lát sau đã thấy mình chơi vơi trên Phú Quốc, một thành phố đảo rực rỡ, bạt ngàn nắng, bạt ngàn gió, thổi thông thốc vào những dãy nhà đồ sộ, mới mẻ. Một hòn ngọc phía Nam tổ quốc. Lát sau, lại thấy mình giữa Cát Bà. Vẫn là đảo nhưng hình như là một hòn đảo giập dối đất liền, đã vùng vằng bứt ra biển. Rồi lại lồi tuột, rơi tòm xuống Trường Sa, để được nghe gió thổi chơi cũng cuộn cuộn như bão, để được thấy những con sóng hung hăng tung bọt sáng lóe như thủy tinh. Tôi cứ lang thang, thơ thẩn trên trang sách thì giật mình đứng trước mấy ông Tây đồ sộ, râu tóc xum xuê như cụ Sô-lô-khốp, Lép-tôn-x.tôi, rồi Puxkin, rồi tác giả của Ai-Van-hô, tác giả **“Tiếng chim hót trong bụi mận gai”**... Đầu óc tôi căng ra, trào dâng lòng thán phục và biết ơn những nhà văn lớn. Tôi lại đứng trước mấy cụ gầy gò, râu tóc tua tủa. Thì ra cụ Kim Lân với **“Vợ nhặt”**, cụ Nam Cao với **“Chí Phèo”**, rồi cụ Ma Văn Kháng, cụ Nguyễn Huy Thiệp đều là những tảng núi lớn của văn học nước nhà.

Tôi gặp chị Phạm Thị Luyện, một thủ thư tuổi còn trẻ, duyên dáng đang trông coi, quản lí những cuốn sách còn già hơn chị nhiều. Những **“Sông Đông êm đềm”**, **“Chiến tranh và hòa bình”**, **“Ai-van-hô”**, **“Tiếng chim hót trong bụi mận gai”** đã làm nên vẻ đẹp và tầm vóc của nhà sách. Điều tôi ghi nhận ở chị là sự ân cần,

chu đáo, nhiệt tình với độc giả. Người đọc luôn hài lòng trước thái độ nhã nhặn, lịch thiệp của con người nắm trong tay hơn chục nghìn đầu sách. Chị cho biết đều có lịch tiếp đón từng lứa tuổi, riêng biệt, rành rẽ. Kể cả lứa tuổi thiếu niên, ở ngoài hiên thì có vẻ nghịch ngợm, thậm chí còn văng những từ ngữ sượng sùng. Nhưng vào phòng sách, đối diện với những tác giả in trên bìa, râu tóc sùm sụp, với nét mặt xương xẩu, gân guốc đã lấy hết vẻ nhí nhảnh của các cháu, khiến mỗi cháu vào phòng đọc như già đi, nom như người lớn. Chị Luyện kể thư viện đã đem về hai tấm Huân chương Lao động hạng Ba của nhà nước cùng rất nhiều Bằng khen của Trung ương và cấp tỉnh, cấp huyện. Sáu mươi năm, Trang Liệt đã nuôi một con người từ trẻ đến già bằng bao nhiêu tiền, bao nhiêu gạo. Để Con Người đó không sinh lợi cho Trang Liệt, trái lại mỗi ngày, mỗi giờ nhả ra hàng vạn câu chữ. Phải. Con người T.V đó (thư viện) chỉ có thể nhả ra chữ, nuôi sống và góp phần tạo nên nhiều thế hệ Tiên sĩ, Thạc sĩ như gia đình ông Phan Tổng Sơn, Phan Tổng Lân có đến hàng chục Tiến sĩ. Trang Liệt, trong đó có cả khu phố mới với 50 vị Tiến sĩ, 5 Giáo sư, Phó Giáo sư.

Đến thư viện Trang Liệt, ta có cảm giác được những chuyến du lịch quý báu, đến hết nơi này sang nơi khác; gặp hết cảnh này đến cảnh khác, gặp gỡ những bậc có tiếng tăm, thậm chí cả Vua, Chúa. Thư viện Trang Liệt đã đi qua chặng đường dài nhưng ngày một phong phú và phát triển, để lại niềm yêu mến, kính trọng cho tất cả chúng ta./.

BIẢ ĐÁ TẠI ĐỀN THỜ TRẠNG NGUYÊN

Nguyễn Xuân Chính

NGUYỄN VĂN AN

Dòng họ Nguyễn Xuân hiện nay định cư tại khu phố Roi Sóc, phường Phù Chẩn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Vào thời Lê Trung Hưng dòng họ nổi tiếng với truyền thống hiếu học, khoa bảng nhiều đời liên tiếp thi đỗ trung khoa, đại khoa. Trong đó tiêu biểu nhất gia tộc là hai ông cháu Trang nguyên Nguyễn Xuân Chính và Tiến sĩ Nguyễn Xuân Đĩnh đều đỗ khoa vào thế kỷ XVII thuộc đời thứ 7 và thứ 9 của dòng họ.

Trang nguyên Nguyễn Xuân Chính sinh năm Mậu Tý (1588), dân gian còn gọi ông là “Trang Cháy”. Sinh thời Trang có thiên tư cao rộng, tính hạnh thuần hòa làm việc dễ dãi thao lược, không chuộng châu ngọc, dạy người nhu mì, chẳng oán thù ai, bản thể giản dị đậm bạc, khi vào việc thì rất phong thịnh, bề ngoài vô tư nhưng trong có chủ, phân sách đã đọc xong am thông hết lẽ chẳng sót điều gì mà đọc không ít, đến hàng trăm cuốn. Đọc, viết đều khảo đi,

sát lại ba bốn lần. Gặp người nghèo khó thì cho không tiếc, rất hiếu với mẹ, nhưng khi ai nói đến thì không bao giờ nhỏ lệ, cực yêu các con. Tuy công việc bận nhiều mà chưa bao giờ gặt gồng, phàm khách văn chương chí khí thì tự trong lòng đã yêu mến nên dễ thành thân thiết, gặp kẻ hung đồ ngoài mặt vẫn tiếp nhưng trong sẽ tránh, sự việc yêu rồi vẫn hỏi lại mọi người như sợ mình chưa đủ. Đó là thiên tính. Nhưng ngược lại, khi xử với bọn người sần nhân xiển xúc thì có ý tự đắc cự tuyệt đến giận dữ, có khi chẳng còn thân tình gì nữa, về sau mới lại gặp nói cho chúng biết.

Năm 50 tuổi Nguyễn Xuân Chính đỗ Hội nguyên, Đình nguyên, Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh (Trang nguyên) khoa Đinh Sửu niên hiệu Dương Hòa 3 (1637) đời Vua Lê Thần Tông, liên tục đỗ đầu 3 kỳ thi, là người tinh binh thư, tường sách lược. Ông làm quan đến chức Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Bồi tụng



Lễ bộ tả Thị lang, trải Binh bộ tả Thị lang, nhập thị kinh diên, tước Thọ ngạn Hầu. Gia tặng Tán trị công thần, Công bộ Thượng thư. Ông tạ thế năm Đinh Hợi (1647), thọ 60 tuổi.

Di văn của ông còn **“Văn tế tổng Phù Chấn”** bằng chữ Hán hiện lưu giữ ở đình Keo, phường Phù Chấn, văn bia **“Trần Quốc tự bi ký”** khắc năm Dương Hòa 5 (1639) dựng ở chùa Trần Quốc (Hà Nội), bia **“Bái giang kiều bi”** dựng tại đình Văn Lãng, làng Đại Bái, xã Đại Bái, huyện Gia Bình khắc vào năm Phúc Thái 2 (1644).

Tiến sĩ Nguyễn Xuân Đình sinh năm Kỷ Sửu (1649), năm 15 tuổi đỗ Hương cống, đến năm 28 tuổi đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Bính Thìn niên hiệu Vĩnh Trị 1 (1676) đời Vua Lê Hy Tông. Ông làm quan đến chức Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Giám sát ngự sử Hải Dương sau thăng Hiến sứ ty xứ Sơn Tây, triều bảo triều Phủ doãn phủ Phụng Thiên, ông tạ thế năm Tân Mão (1711) thọ 63 tuổi.

Hiện nay tại đền thờ Trạng nguyên Nguyễn Xuân Chính còn bảo lưu được nhiều di vật cổ giá trị gồm: gia phả, ngai thờ, bình hương, hoành phi, câu đối, hương án... trong đó đặc biệt giá trị hơn cả là 3 tấm bia đá dựng khắc dưới thời Lê - Nguyễn, nội dung các văn bia đều ghi chép về thế thứ, lai lịch và công trạng các đời của dòng họ Nguyễn Xuân kể từ cụ thủy tổ cho đến các thế hệ sau. Nội dung cụ thể 3 tấm bia đá như sau:

* Tấm bia **“Nguyễn Xuân tộc gia phả ký”** kích thước cao 120cm, các cạnh diềm bia soi gờ chỉ rộng 41,5cm, đế bia hình vuông, giạt 3 cấp thu nhỏ dần, rộng 59cm, dày 16cm. Bia kiểu tứ diện được tạc bằng chất liệu đá xanh nguyên khối, phần phía trên tạo dáng mái long đình đỉnh đặt búp sen, thân bia chia làm 2 phần: trán bia bên trên chạm nổi 1 con rồng uốn khúc hình sin với đầy đủ bộ phận, xung quanh trang trí vân mây đao mác, bên dưới chạm nổi dòng chữ Hán tên bia kiểu chân phương còn khá rõ nét, lòng bia chữ khắc ở hai mặt, hai mặt còn lại để trơn. Hiện tại nhiều chữ Hán đã bị mờ theo thời gian, tuy nhiên căn cứ vào tên bia và một phần chữ còn lại cho biết nội dung văn bia ghi chép về gia phả của dòng họ Nguyễn Xuân kể từ cụ ty tổ tự Vô Vi đến đời thứ 8 của gia tộc. Nội dung văn bia do Tiến sĩ Nguyễn Xuân Đình - cháu đích tôn của quan Trạng phụng soạn. Bia được tạo tác vào năm Chính Hòa 7 (1686).

* Hai tấm bia “**Xuân tộc thạch bi ký**” kích thước như nhau đều cao 81,5cm, rộng 48cm, dày 8,5cm. Bia được tạc bằng đá gan gà nguyên khối, trán bia hình chóp nón trang trí khắc chìm đôi rồng lá châu mặt trời, diềm bia để trơn không trang trí. Lòng bia khắc chữ Hán kiểu chân phương, nét chữ mảnh và nhỏ, ghi chép về gia phả dòng họ Nguyễn Xuân đến đời thứ 13 và số lượng ruộng đất của từ đường tính đến năm Bảo Đại 14 (1939).

Bia đá ở đền thờ Trạng nguyên Nguyễn Xuân Chính chứa đựng nhiều giá trị to lớn về mặt lịch sử, văn hóa và nghiên cứu khoa học. Nội dung văn bia đã liệt kê cụ thể chính xác thế thứ, tên thụy hiệu, học vị, quan tước... các đời của dòng họ kể từ cụ thủy tổ đến đời thứ 13. Đặc biệt đến đời thứ 8 dòng họ Nguyễn Xuân phân làm 2 chi (bắt đầu từ các vị con trai của Trạng nguyên Nguyễn Xuân Chính). Trải 13 đời dòng họ Nguyễn Xuân có 12 vị đỗ đạt, gồm: 1 vị đỗ Trạng nguyên, 1 vị đỗ Tiến sĩ, 3 vị đỗ Hương cống, 1 vị đỗ Giải nguyên, 2 vị Nho sinh trúng thức, 3 vị Sinh đồ, 1 vị đỗ tam trường. Qua số lượng người đỗ đạt kể trên cho thấy dòng họ Nguyễn Xuân là một gia tộc nổi tiếng về truyền thống hiếu học khoa bảng của vùng đất Đông Ngàn xưa.

Phần cuối văn bia “**Xuân tộc thạch bi ký**” liệt kê chính xác rõ ràng từng loại ruộng của gia tộc, gồm 3 loại: ruộng hương hỏa, ruộng sóc vọng, ruộng hậu điền.

Ruộng đất dành cho việc thờ tự đóng vai trò rất quan trọng đối với việc duy trì tế tự của dòng họ, gia tộc Nguyễn Xuân biên chép rõ ràng, cụ thể diện tích từng ô thửa tại các xứ đồng, cách thức sử dụng, mục đích sử dụng... sẽ tránh được những mâu thuẫn nảy sinh liên quan đến quyền lợi của các cá nhân trong dòng tộc. Dòng họ có quy định rất rõ ràng số lượng ruộng đất và công năng sử dụng của từng loại ruộng cụ thể ở đây là ruộng dùng cho việc hương hỏa thường xuyên tại đền thờ, ruộng cúng ngày rằm, mùng 1 hàng tháng, ruộng cúng các vị gửi hậu dòng họ. Qua đây tạo tiền đề cơ sở để đời sau mở rộng quy mô, phát triển hơn nữa sản nghiệp của tổ tiên để lại nhằm khơi dậy truyền thống “uống nước nhớ nguồn” con cháu đời sau trông vào việc này mà biết ơn tổ tiên của mình.

Thông qua nội dung văn bia còn cho biết chính xác lai lịch, thân thế, sự nghiệp, quan tước, năm sinh, năm mất của hai ông cháu Trạng nguyên Nguyễn Xuân Chính và Tiến sĩ Nguyễn Xuân Đình đều thi đỗ đại khoa dưới thời Lê Trung Hưng (thế kỷ XVII). Qua đó góp phần nghiên cứu, tìm hiểu về truyền thống hiếu học, khoa bảng của dòng họ Nguyễn Xuân. Ngoài ra những ghi chép trên văn bia còn phục vụ việc nghiên cứu, tìm hiểu về nét đẹp văn hóa của các làng quê có truyền thống hiếu học, khoa bảng tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh văn hiến./.

DI SẢN VĂN HÓA LÀNG GUỘT

PHAN THỊ AN NGỌC

Guột (xưa có tên là Khê, xã Dũng Quyết, tổng Vũ Dương, huyện Quế Dương, phủ Từ Sơn) vốn là một làng Việt cổ nằm giữa ngã ba của hai dòng chảy Tào Khê và Đàm Cũ, nay thuộc xã Việt Hùng, huyện Quế Võ. Người làng Guột từ bao đời nay vẫn luôn tự hào về bề dày lịch sử văn hiến và truyền thống yêu nước cách mạng của quê hương mình.

Thôn Guột hiện có tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 200 ha, dân số trên 2.700 khẩu với 510 hộ. Phía Bắc giáp Đàm Cũ (bên kia đầm là xã Phù Lương, Quế Võ); Phía Nam giáp quốc lộ 18; Phía Đông giáp xã Cách Bi và Phía Tây giáp thôn Lừa (cùng xã). Sinh cơ lập nghiệp ở Guột là các dòng họ: Nguyễn Quý, Nguyễn Hữu, Nguyễn Văn, Nguyễn Đức, 2 họ Nguyễn Quang, họ Tạ, Trương Công, Họ Kim, họ Đỗ và họ Duy với nghề chính là trồng lúa và rau màu (xưa có thêm nghề dệt vải và đánh bắt cá). Trải trường kỳ lịch sử, cho đến ngày nay Guột vẫn là một làng quê cổ kính và văn hiến, vẫn còn đó những xứ đồng, gò

đồng cổ như: đồng Đô, đồng Huý, đồng Nàng, Rộc Biếc, chuôm Hang, Đồng Ròm, đồng Guột, rộc Guột, Kẽ Nghè, Đồng Hội, Đồng Trâu, đồng Chải, đồng Rừng, Đồng Quan, Mả Cả, Cổ Hạc, cửa Đình... Mỗi xứ đồng là một địa danh mang những đặc điểm riêng mà từ lâu đã gắn bó, ăn sâu vào tiềm thức của mỗi người dân nơi đây. Làng Guột hiện có 7 xóm: xóm Đông, xóm Ba, xóm Bà, xóm Nhác, xóm Chùa, xóm Đồn và xóm Trại nằm quần tụ bên nhau thành một cụm dân cư đông đúc.

Một trong những nét văn hiến tiêu biểu của làng Guột là truyền thống thượng võ. Theo các cụ cao tuổi ở địa phương cho biết, truyền thống võ vật ở Guột vốn có từ lâu đời, đến thời Lê Trung Hưng (thế kỷ XVII) đã nổi tiếng trong cả nước với tên tuổi của 6 vị võ quan họ Nguyễn Đức đó là Hùng Quận công, Cẩm Quận Công, Ân Quận công, Quế Quận công, Nhậm Quận Công và Giao Quận Công. Với những đóng góp to lớn đối với đất nước, 6 vị quận công họ Nguyễn Đức đã được triều đình



Lê - Trịnh cho lập miếu đường muôn đời thờ phụng tại quê hương.

Bên cạnh những võ quan làm việc cho triều đình, còn có những đô vật làng Guột sinh sống tại địa phương, từng làm nức tiếng trong dân gian như: Voi Non (đô vật họ Tạ), Chóp Bắc (đô vật họ Nguyễn Hữu), Mây Leo (đô vật họ Nguyễn Quý); sau này có Nguyễn Quý Đại, Nguyễn Văn Sửu, Nguyễn Văn Lâm; các kiện tướng quốc gia và quốc tế như: Nguyễn Văn Luận, Nguyễn Hữu Cương, Nguyễn Đức Trừ, Nguyễn Quý Tinh... Và truyền thống thượng võ, quả cảm ấy lại được tiếp nối và toả sáng trong hai cuộc kháng chiến

chống Pháp và chống Mỹ với những chiến công hiển hách của những người con làng Guột. Đó là chiến công của người anh hùng Nguyễn Quang Ca, đã chiến đấu kiên cường oanh liệt, là người đã dùng mình cho nổ tung cầu Dừng Quyết để cản bước tiến của giặc Pháp vào năm 1952, làm nức lòng quân dân trong tỉnh. Anh đã hy sinh anh dũng và được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Đó còn là chiến công của đội nữ dân quân thôn Guột với hai khẩu đại liên 12 ly đã bắn rơi chiếc máy bay do thám không người lái của giặc Mỹ vào năm 1968. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp

và chồng Mỹ, làng Guột đã có hơn 400 lượt người tham gia chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, trong đó có 59 người đã hy sinh anh dũng, 2 người được phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng và 1 người được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Những thế hệ người con làng Guột đã nối tiếp truyền thống của cha ông làm rạng danh cho quê hương, gia tộc và đất nước.

Nét văn hiến của làng Guột không những được thể ở truyền thống võ vật mà còn được thể hiện ở truyền thống ham học, hay chữ. Truyền thống này được phản ánh đậm nét ở việc làng cho xây dựng văn chỉ để tôn thờ các vị tổ của đạo nho và các vị tiên hiền của làng xã.

Lễ hội làng Guột không quy định vào ngày nào cố định mà được lựa chọn tùy theo từng năm cho phù hợp. Cũng có năm hội làng được mở vào ngày thánh Đản; có năm lại mở vào dịp hoàn thành việc tu bổ đình, chùa hay các sự kiện văn hoá khác của làng. Đây cũng là một nét độc đáo thể hiện sự mềm dẻo, linh động không cứng nhắc trong đời sống văn hoá của người dân làng Guột. Tuy nhiên thường hội đình Guột được mở vào các dịp xuân, thu khi mùa màng đã xong, năm nào được mùa phong đăng hoà cốc thì hội được mở lớn kéo dài nhiều ngày với các nghi lễ tế rước trọng thể. Đoàn rước bắt đầu xuất phát từ đình ra nghè, qua Văn Chỉ, Miếu Đại Trung với ý nghĩa mời các vị thần; các vị tiên hiền cùng về đình dự hội, rồi đoàn rước trở lại đình để tiến hành các nghi thức tế lễ rất trọng thể linh thiêng.

Song song với các nghi thức tế lễ tại đình là các trò chơi dân gian như cờ người, chọi gà, hát chèo, ả đào, bắt vịt, đập niêu, đấu vật, đánh lệu (đánh lóc), nấu cơm thi... để dân làng thưởng thức mua vui sau những ngày lao động vất vả. Trong những tục trò này, cùng với môn đấu vật truyền thống được nhân dân và các đô vật trong vùng tham gia đông đảo nhiệt tình còn có trò chơi “Chạy Ró” rất độc đáo, đây là nét đặc sắc riêng biệt trong lễ hội làng Guột. Các cụ cao tuổi trong làng cho biết, trò chơi chạy Ró ở làng Guột vốn có từ lâu đời, mỗi khi làng vào hội, trò chơi này lại được tổ chức và đã thu hút được đông đảo nhân dân địa phương tham dự.

Để tổ chức trò chơi “chạy Ró”, trước đó ban tổ chức lễ hội đã phải bầu ra ban trọng tài và chuẩn bị dụng cụ là các trang phục và “Ró” để phục vụ trò chơi. Ró là một bị được đan bằng cối dùng để đựng thóc, lúa, ngô, khoai của nông dân (mỗi Ró đựng được khoảng 30kg thóc), đến ngày lễ hội, Ró dùng làm đạo cụ để mang lại niềm vui cho dân làng sau những ngày lao động vất vả. Tùy vào tính chất, quy mô và từng giai đoạn lịch sử, Ban tổ chức sẽ lựa chọn các loại trang phục vừa mang tính giáo dục vừa tạo được sự hài hước, hóm hỉnh lại phù hợp với phong tục tập quán của địa phương. Mỗi bộ trang phục được cất vào một Ró, số lượng Ró bằng số lượng người tham dự trong mỗi vòng thi và trang phục đựng trong Ró được giữ bí mật đối với người chơi.

Dựa vào bản đăng ký, Ban tổ chức cuộc thi sẽ sắp xếp thứ tự và số lượng người

chơi ở mỗi vòng sao cho cân bằng, hợp lý về độ tuổi và sức khỏe. Mỗi vòng thi diễn ra khoảng 10 phút gồm 5 - 10 người (hoặc nhiều hơn) cùng chơi trên một khoảng đất rộng. Bắt đầu thi, ban tổ chức gọi tên người chơi xếp thành hàng ngang, cách chỗ đặt Ró khoảng 5 - 7 mét (khoảng cách từ chỗ người chơi đến chỗ đặt Ró bằng với đường kính của vòng tròn do những chơi tạo thành). Từ lúc này người chơi sẽ phải nghe hiệu lệnh trống của trọng tài để thực hiện. Sau khi trống tài đánh trống ra hiệu lệnh xuất phát, người dự thi chạy đến chỗ đặt Ró, chọn một chiếc cho mình rồi trở lại vị trí cũ. Nghe hiệu lệnh trống, người chơi chạy thành vòng tròn rồi vừa chạy vừa lấy trang phục trong Ró để mặc, trong khi đó vẫn phải mang theo Ró (có thể dùng tay hoặc răng để giữ Ró). Giữa không khí tung bừng của ngày hội, từng hồi trống thúc vang ròn, giục giã hoà với tiếng hò reo, cổ vũ của người xem vô cùng náo nhiệt. Khi có hiệu lệnh dừng thì người chơi mới được quyền đặt Ró xuống đất và kết thúc trò chơi. Ban trọng tài sẽ thống nhất chọn người nào không phạm quy, mặc trang phục nhanh, hoàn chỉnh, đẹp và phù hợp nhất để trao giải. Dù phải kết hợp nhiều động tác cùng lúc, cần sự tập trung cao để không phạm quy nhưng trên nét mặt của người chơi ai cũng tươi cười, phấn khởi, vui nhất là khi những thanh niên chọn phải chiếc Ró có trang phục của bà già, phụ nữ, hay những cô gái lại chọn được trang phục của các cụ ông với ao the, khăn xếp, râu quai nón thì dân làng lại được phen cười vỡ bụng.

Chạy Ró là trò chơi mang tính cộng đồng, đem đến những giây phút thư giãn, sảng khoái cho người xem, đồng thời giúp người chơi rèn luyện sức nhanh, sức bền, độ khéo léo, linh hoạt. Bao năm qua, người dân làng Guột luôn tự hào vì vẫn gìn giữ, duy trì và phát triển trò chơi dân gian chạy Ró độc đáo, hiếm có của quê hương mình, góp thêm phần sôi nổi trong những ngày lễ hội.

Về thăm làng Guột, chúng ta như được về với miền di sản bởi nơi đây còn lưu giữ nhiều di tích lịch sử văn hóa, tiêu biểu như ngôi đình làng được xây dựng từ thời Lê (thế kỷ XVIII) tôn thờ đức Thành hoàng làng là nhị vị thánh Tam Giang Khước Dịch Đại Vương (Trương Hồng), Uy Dịch đại vương (Trương Hát) và Ân quận công Nguyễn Đức Nhuận; Chùa Guột (Diên Quang tự) với quy mô rất rộng lớn, các công trình kiến trúc nguy nga thu hút hàng nghìn phật tử; Miếu Đại Trung thờ 6 vị quận công dòng họ Nguyễn Đức, một gia tộc lớn ở huyện Quế Võ; Nhà thờ họ Nguyễn Quý thờ các vị tổ tiên của gia tộc, trong đó có 3 vị từng làm quan và dạy học tại trường Quốc Tử Giám là Quốc Tử Giám giám sinh Bác văn đường Nguyễn Quý Công; Quốc Tử Giám giám sinh Tu nghiệp đường Nguyễn Quý Công và Quốc Tử Giám giám sinh Ước lễ đường Nguyễn Quý Công; Văn chỉ làng Guột; Nghè làng Guột... Những di sản văn hóa này sẽ mãi trường tồn và là niềm tự hào to lớn của người dân nơi đây./.

NGUYỄN ĐÌNH TỰ

Chiều quê

Bóng ngả trời mây ửng sắc hồng
 Hồng loang mặt nước tỏa mom sông
 Sông êm đêm chảy chan hòa nắng
 Nắng ngẩn ngơ buông óng ả đồng
 Đồng dưới rập rờn cò sải cánh
 Cánh trên dào dạt lúa khoe bông
 Bông vàng trĩu hạt tay em gặt
 Gặt cả niềm vui rộn rã lòng./.

TRẦN CÔNG SẢN

Giếng đình

Cùng soi chung nước giếng đình
 Nụ cười em lỡ vô tình đánh rơi
 Bắt đền người đấy, người ơi!
 Nghiêng gầu anh múc cả trời đầy sao.

Nụ cười nào thấy đâu nào
 Ô kia ! Sao đã trốn vào... má em
 Lúm đồng tiền vẫn tươi nguyên
 Có cho hay để làm duyên một mình.

Rêu phong năm tháng, giếng đình
 Tôi về tìm lại chút tình ngày xa
 Em giờ làm vợ người ta
 Đồng tiền má lúm giờ là của ai?

PHẠM VĂN NAM

Gửi tặng Trần Thế Long

Đi dọc "Chiều hoa văn"
 Anh miệt mài gieo gặt
 Nở bùng bao hương sắc
 Giữa mệnh mông đồng đời.

Thơ nổi nênh kiếp người
 Tháng ngày trôi nghiệt ngã
 Dẫu đi về trăm ngã
 Ta vẫn tìm ra nhau.

Từ niềm vui nổi đau
 Rung rung miền gió bụi
 Từ mạch nguồn đá núi
 Gửi sóng về xa khơi.

Trót đa mang nợ đời
 Vẫy vùng trong số kiếp
 Biết bao nhiêu giấc điệp
 Vẫn dở chừng... cơn mơ.

Anh gửi vào trang thơ
 Những nỗi chìm khao khát
 Gửi xôn xang mầm hạt
 Vào đam mê mùa màng.

Hẹn ghé "Bến thời gian"
 Cùng thơ nương gió đợi
 Giữa đất trời vơi vợi
 Ta căng buồm rong chơi!...

* P/s : chữ trong "..." là tên các tập thơ chép tay của Trần Thế Long.

NGUYỄN XUÂN HUY

Viếng mộ nhà văn

Nguyên Hồng

Hôm nay có dịp thăm người
 Ấp Cầu Đen giữa đất trời Tân Yên
 Lâu rồi Người đã ngủ yên
 Tựa lưng đồi dốc chân miền suối reo
 Bạn đời nằm cạnh xa đâu
 Âm, dương ngọt - đắng cùng nhau chung lòng
 Từ Nam Định đến Hải Phòng
 Bôn ba, trụ lại đất vùng Cầu Đen
 Thăm người con chẳng dám quên
 Vạn ngàn trang viết sáng tên Nguyên Hồng
 Cảm thương “*Bỉ vờ*” khổ cùng
 Những trang “*Ngọn lửa*”, “*Sóng gầm*”

âm vang

“*Ngày thơ ấu*”, “*Cửu Long giang*”...
 Văn nhân mà văn xuềnh xoàng lão nông
 Một đời nỗ lực, sáng trong
 Giải thưởng cao quý* ghi công cuộc đời
 Nén nhang thấp trước mộ Người
 Rung rung con khấn những lời biết ơn.

 * P/s : chữ trong “...” là tên các tác phẩm
 của nhà văn Nguyên Hồng.

* Nguyên Hồng qua đời ngày 2/5/1982 tại
 Tân Yên, Bắc Giang. Ông được Nhà nước
 truy tặng **Giải thưởng Hồ Chí Minh** về
 VHNT năm 1996.

VŨ HẰNG

Sang đông

Sang đông lòng dạ vẫn vương
 Sang đông in dấu dặm trường nắng mưa
 Sang đông những kỷ niệm xưa
 Sang đông thôn thức tình chưa bén tình./.

VŨ QUANG VIỆT

Đồng vàng

Bao nhiêu đời...
 Cánh đồng manh mún
 Bấy nhiêu đời...
 Đói khổ kiếp người ơi!

Vai gánh bộ...
 Đầu Bương Đầu Cộc
 Mùa thất bát
 Ơi ruộng mật bờ xôi.

Kiếp người ấy
 Ông cha ngày xưa ấy
 Đã về đâu?
 Theo dòng đời xuôi chảy.

Cánh đồng ơi!
 Xanh như đã từng
 Nay nhập vào thành Ô Thừa Lớn
 Ngắm mùa vàng
 Lòng vui chọn rộn.

Thương kiếp người!
 Thấp thoáng
 Phía sau lưng./.

MÙA ĐÔNG ĐÂY *yêu thương*

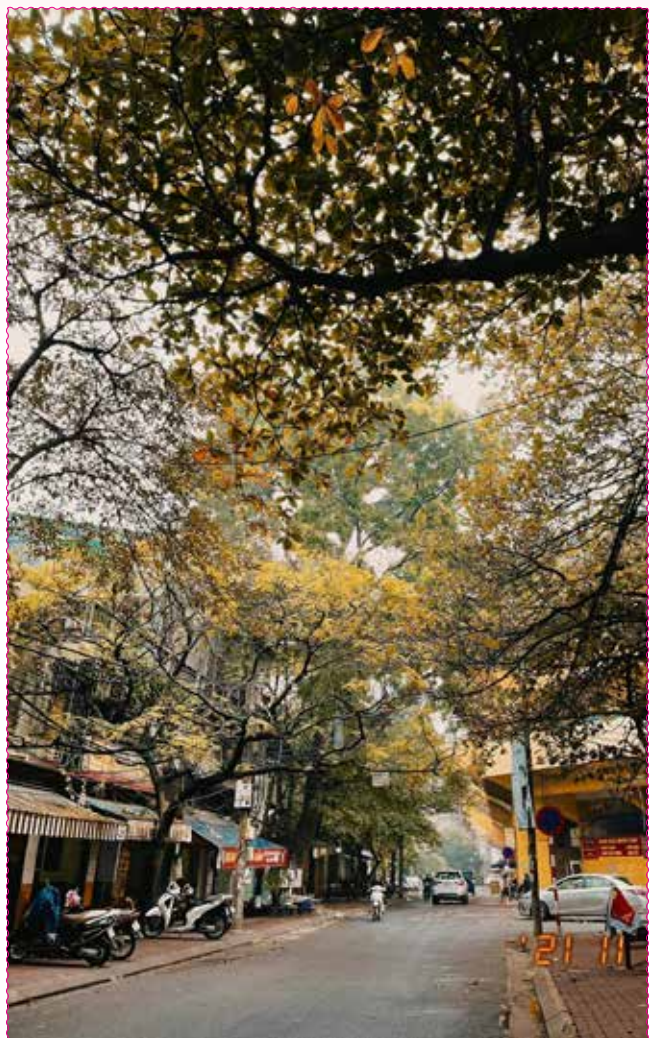
LƯƠNG THÌN

Trong bốn mùa tuần tự của đất trời đến rồi đi, có lẽ mùa đông là mùa không nhiều người đón đợi. Bởi đông về gió mùa hun hút thổi, lạnh tái tê. Người ta ngại ra đường, nhất là những buổi tối mùa đông lất phất mưa phùn.

Riêng tôi lại thích mùa đông. Mùa đông cứ thấm vào hồn tôi tự nhiên như giấc ngủ khép đôi mi mỗi tối, như lời bài hát nghe vô tình đâu đó rồi lẩn nhảm thuộc tự lúc nào. Chỉ biết mình yêu mùa đông.

Mùa đông kéo những đám mây xám vất ngang trời. Dắt gió Đông Bắc tràn về làm rụng nốt những chiếc lá cuối cùng để hàng cây chỉ còn trơ trụi. Trên những khung cửa sổ bằng bạc, vài cánh lơ dềnh khép hờ... Trời chiều sương giăng bằng lảng, đây đó bay lên một làn khói mỏng lãnh đăng trong tiết đông se sắt...

Mẹ tôi bảo mùa đông bắt đầu từ tháng Mười ta, kéo dài đến hết tháng Chạp. Nhưng mùa đông rơi rớt cái lạnh đến tận hết rét nằng Bân. Mùa đông năm nào mẹ cũng đan cho anh em tôi những chiếc áo len. Bàn tay ram ráp vốn chỉ quen việc đồng đất, cây hái của mẹ cần mẫn nổi, đan những đoạn len đủ màu xanh



đỏ vàng thành những chiếc áo. Chiếc áo len nhỏ cổ lọ của tôi sắc sỡ như một con bướm. Tôi thích nhất chiếc áo ấy lúc nào cũng đòi mặc ngay cả khi còn chưa khô, hãnh diện mang khoe với đám bạn bè cùng trang lứa. Bây giờ, mỗi mùa đông, tôi có đến cả chục chiếc áo len với đủ kiểu dáng, sắc màu mua người ta bán sẵn trong các cửa hàng, nhưng vẫn không có được cái cảm giác ấm lòng như khi mặc chiếc áo pha màu của mẹ.

Những buổi chiều đông với tôi là nỗi thắc thỏm đợi mẹ về. Mẹ tôi bán sắn luộc ở chợ. Đầu chiều, mẹ đi với đôi quang gánh nặng trĩu trên vai. Dáng mẹ tất tả, cái nón đã sờn, cái áo bạc phéch bước thập thững vào chiều đông. Đứa trẻ năm tuổi cứ ngồi ngoài hiên ngóng cho đến tận lúc mẹ về, thích mê những chiếc kẹo gừng quen thuộc mà mẹ mua để ngâm cho ấm người.

Những buổi chiều đông tôi thương nhất đôi bàn tay cha khi theo cha đi đào sắn. Đôi bàn tay gầy, gân guốc bói đất từng hốc, từng hốc để những củ sắn được lạnh lặn, cho các con không bị đói qua mùa đông. Mười đầu ngón tay cha tôi rớm máu, nứt ra trong tiết đông hanh hao. Tôi chỉ biết nhẹ nhàng nhặt những củ sắn bỏ vào sọt. Nhìn dáng cặm cùi, cần mẫn, tự nhiên thấy trong lòng nổi thương cha dâng lên nghèn nghẹn.

Tôi thích mùa đông vì đó là mùa người ta cần ngồi sát nhau hơn cho khỏi lạnh. Mùa người ta quây quần bên nhau trong những bữa cơm nóng hổi bên bàn ăn. Ngồi trên vỉa hè con phố nào đó một chiều nhảm nháp li cà phê nóng mà đón gió mùa xao xạc thổi. Tí tách hạt ngô nếp nướng cạnh một quán đồ lửa ven đường buổi tối

mùa đông, kéo cổ áo khoác lên thật cao để gió khỏi lùa, để thấy lòng ấm lại trong cái rét ngọt ngào. Một người bạn tôi xa quê về phương Nam công tác, mỗi lần điện thoại ra lại than nhớ về phương Bắc với từng đợt gió heo may thổi cuốn những chiếc lá khô rơi xào xạc, những cánh hoa đào chẳng xa gì cái rét mà nở sớm từ giữa tiết mưa phùn. Và nhớ xiết bao một vòng tay bạn bè lúc nào cũng níu mình trở lại ngày đông xưa yêu dấu.

Mấy năm nay cha tôi tóc thêm nhiều sợi bạc, sức khỏe mẹ tôi yếu hơn. Cha tôi không còn trồng sắn, mẹ không còn đi chợ bán, anh em tôi cũng đã trưởng thành, ai cũng đều có gia đình nhỏ ấm áp của riêng mình. Mỗi chớm đông, anh em tôi lại mua biếu cha mẹ tôi những chiếc áo len, chiếc khăn choàng, đôi tất, chăn đệm ủ ấm trong mùa đông. Gửi tất cả vào đó nỗi lòng yêu thương lo lắng của những đứa con dành cho cha mẹ. Bây giờ mỗi khi gió mùa về tôi cũng mua cho con mình những chiếc áo len xinh xắn như mẹ đan cho tôi ngày xưa. Nhìn những chiếc áo len mà thấy băng khuâng dường như mùa đông năm nay đến sớm.

Mùa đông này nếu ai thấy lòng mình còn tái tê trong giá lạnh, hãy nghĩ về những người thân yêu để bớt cô đơn, cười với nhau để nụ cười làm tan đi rét mướt. Hãy đến bên cạnh người thân, chia sẻ yêu thương để lòng mình thêm ấm áp lúc đông về. Mùa đông sẽ vẫn có mặt trong cuộc sống của mỗi người nhưng để mùa đông trong ta trở thành mùa đông đầy yêu thương...

NƠI ƯỚM MÀM CẢM XÚC

ĐÌNH VĂN Y

Mỗi khi nghe đến địa danh Tam Đảo tôi thường băng khuâng tự hỏi: Tại sao dải núi mờ xa có ba ngọn núi cao nhô lên trời thế kia lại có cái tên là Tam Đảo; lẽ nào trên ấy có hồ, có sông hay biển nên mới có tới ba hòn đảo chẳng. Tôi tự nhủ với lòng mình sẽ có ngày lên đó xem thực hư ra sao, rồi mừng tượng thêm khi mỗi lần nghe được những người đã đến Tam Đảo kể lại thì ý tưởng chinh phục ba ngọn núi kia thường trực trong tôi ngày càng trở lên da diết. Niềm ao ước muốn lên được đó để chiêm ngưỡng cảnh đẹp nơi đây không chỉ của người chưa từng đặt chân đến Tam Đảo như tôi mà cho cả những người đã lên đó nhiều lần vẫn không hề vơi cạn. Mơ

ước của tôi có ngày được đứng trên đỉnh ngọn núi cao kia để phóng tầm mắt về bốn phương, tám hướng, thả hồn mình vào không gian rộng lớn, giang tay ôm vào mình những đám mây trắng nõn nà đang bay lơ lửng trên tầng không kia. Tôi sẽ để bàn chân trần mà bước để cảm nhận mạch nguồn từ từng thớ đất của xứ sở thiêng liêng, kỳ thú này thấm vào từ lòng bàn chân. Bàn tay tôi sẽ được nâng niu từng nhành hoa, chùm quả, gờ từng sợi mây, giọt nắng, hứng lấy từng tiếng chim. Vây quanh tôi là bầu không gian chứa đựng tất cả những gì tinh túy nhất của núi rừng được kết tinh ngàn năm trên lưng chừng trời kia luôn mới mẻ, tinh khôi, trong trẻo thấm vào theo từng nhịp thở, giọt máu, nhịp tim, đến từng neuron thần kinh rồi lan tỏa đến từng tế bào trong cơ thể, khiến cho đôi mắt được trong sáng hơn, đầu óc thông thái, năng động hơn và tâm hồn thanh thản hơn, sẽ có niềm tin yêu cuộc sống này hơn. Dẫu biết vậy nhưng mấy ai đã tự chuẩn bị cho mình một chuyến đi vượt hàng trăm, có khi cả nghìn cây số đối với những người ở xa để leo độ cao hơn một nghìn mét mới vào được chốn bồng lai tiên cảnh này. Có phải vì vậy mà ước mơ và thực tại khách quan đâu phải lúc nào cũng là bạn đồng hành cho mấy ai thực hiện được ý tưởng

lãng mạn này. Với tôi chỉ cách nơi này có tám mươi cây số cũng phải đợi mỗi lần Hội Văn học Nghệ thuật Bắc Ninh tổ chức trại viết tại Nhà sáng tác Tam Đảo mới được có mặt trên đỉnh cao này.

Đoàn chúng tôi gồm có hai mươi bảy nhà văn, nhà thơ đều là hội viên Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Bắc Ninh do nhà báo Ngô Hồng Giang làm trưởng đoàn. Họ là những cây bút đang tham dự thi đợt hai về đề chủ đề: *"Bắc Ninh trong hành trình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương"*. Chọn Tam Đảo là nơi cần đến để nạp thêm năng lượng bằng nguyên khí thiên nhiên ở lưng chừng trời, để tiếp thêm nhiệt huyết mỗi cho mỗi trại viên khi cuộc đua trong khi chỉ còn hơn một tháng nữa là về tới đích là ý tưởng lớn gặp nhau của các cây bút, nên ai cũng cảm nhận được chuyến đi này vô cùng cần thiết.

Tám giờ sáng ngày 23/9/2022 chuyển xe 30 chỗ từ cơ quan Hội bắt đầu chuyển bánh. Xe bon bon trên đường cao tốc; những cánh đồng, tòa nhà, phố phường hai bên chạy vùn vút về phía sau. Tiếng nói tiếng cười hỏi han nhau sau bao ngày xa cách đang hạ nhiệt dần nhường chỗ cho tâm trạng háo hức hồi hộp khi phía trước chúng tôi dãy núi mờ xanh có ba ngọn cao vút lên đã hiện ra mỗi lúc rõ hơn ngỡ như có một sợi dây kéo hai phía lại mỗi lúc một gần hơn. Cho đến khi chiếc xe chui vào vạt rừng thông hai bên đường; những hàng thông đại thụ vươn cành như những cánh tay giang rộng đón chào du khách. Những con đường nhựa bóng bẩy trải ra khi lượn lên cao, khi nhào xuống thấp uốn lượn quanh co như những con rồng đang trình

diễn làm cho chiếc xe chở đoàn chúng tôi càng tỏ ra hăng hái bò lên sườn leo lên phía đỉnh núi mỗi lúc càng lên cao hơn. Cho đến khi chiếc xe dừng lại trước cửa ngôi nhà có đắp nổi dòng chữ: Nhà sáng tác Tam Đảo, niềm mong đợi trong mỗi người mới được vỡ òa ra. Cho đến lúc này mọi người mới thực sự được mắt thấy, tai nghe, tay chạm vào Tam Đảo. Những chiếc điện thoại thông minh được mọi người mang ra chụp ảnh cho nhau rồi chia thành từng nhóm vừa đi thăm thú trên mọi nẻo đường vừa thay nhau chụp ảnh, quay phim, vừa ngắm cảnh thiên nhiên kỳ thú ở nơi này được ví như “Đà Lạt của miền Bắc” hay “Sa Pa thu nhỏ”. Tam Đảo là nơi có khí hậu quanh năm mát mẻ. Nhiều du khách, trong và ngoài nước đến với Tam Đảo không chỉ một lần mà rất nhiều lần bởi cảnh quan nơi đây quá đẹp và lạ lẫm. Những ngôi biệt thự với nhiều kiểu dáng kiến trúc Châu Âu, Châu Á độc đáo, đứng trầm mặc trong màn sương giăng, trong niềm kiêu hãnh đơn phương. Cảm nhận đầu tiên khi đặt chân đến Tam Đảo là nơi đây giống như một hệ thống “máy lạnh” thiên nhiên khổng lồ đang lặng lẽ điều hoà, đem đến cho thị trấn nhỏ một bầu không khí hài hoà, trong lành. Thiên nhiên đã ban tặng cho Tam Đảo một khung cảnh tuyệt vời; vừa thơ mộng, u tịch, vừa hùng vĩ, huyền ảo trong nắng, mây, gió. Ta dễ dàng bắt gặp cảnh sương khói vờn trên đỉnh núi rồi sà xuống những thảm cỏ xanh, muôn hoa đua thắm bên những ngôi nhà ven sườn núi. Khu du lịch Tam Đảo được bao bọc bởi những cánh rừng nguyên sinh nên có khí hậu mát mẻ, đem lại cho du khách nhiều cung bậc cảm xúc.



Mấy người chúng tôi leo tít lên một ngọn đồi để ngắm thung lũng từ xa, vừa uống cà phê vừa nghe tiếng thông reo trong gió. Với tôi, một khóm hoa dại mọc bờ vơ bên bìa rừng hay giò phong lan buông mình trên những con phố trầm tư, đều cho tâm hồn mình rung rung cảm xúc. Nắng cũng đã trải dài trên những ngã đường, những hàng bằng lăng tím ngắt, những lối đi uốn lượn quanh co trong trung tâm thị trấn Tam Đảo dẫn chúng tôi về hội trường Nhà sáng tác. Những câu thơ, trang văn vừa mới viết ra chứa chan cảm xúc vẫn còn gồ ghề thô mộc được đem ra đọc cho nhau nghe, cùng nhau chau chuốt. Đêm thơ có thể ví như một cuộc bùng nổ cảm xúc tự nhiên của các cây bút đã qua một ngày dập dùi, lang thang đu với gió, mơ theo mây và phơi mình với nắng, mưa Tam Đảo. Nhà giáo, nhà văn, nhà thơ Lương Thìn tình nguyện

làm người dẫn chương trình với một chất giọng nữ trung dịu dàng, ấm áp đã mang đến cho mọi người một đêm thơ sang trọng và thánh thiện.

Chia tay Tam Đảo trong niềm đam mê luyến tiếc khi những đám mây, tia nắng, làn gió và tiếng chim rừng như chưa hề biết có cuộc chia li vẫn hồn nhiên vẩn vít đan xen như cùng giỡn đùa xung quanh chúng tôi. Chúng tôi lên xe để lại sau lưng những ngọn núi, cánh rừng ngán ngơ dõi theo chiếc xe lăn bánh hay chính lòng mình cảm thấy băng khuâng, bồi hồi tiếc nuối vì thời gian chuyển đi đã cạn? Với tôi những câu chuyện, bài thơ dự thi đang trăn trở trên bản nháp ở quê, thể mà sau hai ngày lên đây đã lên trang bản thảo. Tôi nhìn sang mọi người chột nhận ra nụ cười, ánh mắt lấp lánh trên gương mặt họ./.

Một bài thơ hay thời chống Pháp

NGUYỄN ANH THUẦN

Trong số các nhà văn trưởng thành từ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Nguyễn Đình Thi là một cây bút tiêu biểu. Ông là nhà văn hóa lớn, nhà tiểu thuyết, nhà thơ, nhạc sỹ và kịch tác gia. Thơ của Nguyễn Đình Thi không nhiều nhưng đều xuất sắc, lắng đọng và có sức ám ảnh tâm trí bạn đọc. Sau đây là một bài thơ nhỏ ông viết năm 1948 trên đường tham gia kháng chiến tại Nha Nam. Một bài thơ nhỏ, ngôn ngữ giản dị và kiệm lời. Nhưng sức ám ảnh của nó thật lớn, dù ba phần tư thế kỷ đã trôi qua...

Không nói

*Dừng chân trong mưa bay
Liếp nhà ai ánh lửa...*

*Em, em nhìn đi đâu
Em, sao em không nói?*

*Mưa rơi ướt mái đầu
Mỗi đứa một khăn gói
Bao giờ, lần gặp sau?
Đoàn thể gọi...*

Chiều mờ

Gió hút...

Nào đồng chí

bắt tay...

Em

bóng nhỏ

đường lầy...

(Nguyễn Đình Thi - 1948)

Nhân vật trữ tình trong bài thơ này là hai người yêu nhau, họ đang trên đường tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Không gian và thời gian của bài thơ là một buổi chiều tà cô quạnh, có mưa rơi, với ánh lửa le lói bên đường. Trong một khung cảnh buồn đến se lòng như vậy, chia tay nhau đâu có dễ dàng, nhất là đang thời buổi loạn ly, không dễ gì có ngày gặp lại:

Mưa rơi ướt mái đầu

Mỗi đứa một khăn gói

Bao giờ lần gặp sau?

Đoàn thể gọi...

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp vào thời điểm năm 1948 (giai đoạn cầm cự) đang vô cùng gian khổ và khó khăn. Đôi trai gái trong bài thơ này đã biết gác tình riêng, nén lại lòng mình, đi theo tiếng gọi của đoàn thể, của cách mạng. Cái tuyệt vời nhất của buổi chia tay này nằm trong sự lặng im... "*không nói*" của họ. Cô gái đã tránh không nhìn chàng trai. Cô cần phải kìm nén lòng mình để có đủ nghị lực chịu đựng cuộc chia ly này. Một cuộc chia ly trong chiến tranh, rất ít có cơ hội được gặp lại. Không gian cô quạnh và se buồn với mưa bay, chiều mờ, gió hút. Thời gian thật khắc nghiệt với chạng vạng hoàng hôn, ảm đạm đến se thắt lòng người. Một nỗi thương cảm dâng đầy đôi lứa đang yêu nhau. Nhưng Tổ quốc đang cần họ. Và cái hào khí của anh bộ đội Vệ Quốc đoàn thời chống Pháp đã chiến thắng cái đa cảm, cái si mê của chàng trai trẻ:

Nào đồng chí

bắt tay!

Em

bóng nhỏ

đường lầy ...

Bài thơ tình này giống như một trang nhật ký thơ của chàng trai Vệ Quốc quân trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Một trường đoạn phim không có tiếng người mà vẫn âm vang nhịp đập của hai trái tim đang yêu, lặng im và dữ dội. Một tiếng nói nội tâm vô cùng sâu lắng và kìm nén. Một bức thi họa tuyệt vời của tuổi trẻ Việt Nam trong chiến tranh, gác tình riêng vì nghĩa lớn. Hiện thực và vô cùng lãng mạn. Cao cả và tràn đầy yêu thương. Ngôn ngữ giản dị và dồn nén. Một tình yêu không lời mà trên bảy mươi năm qua vẫn vỗ sóng khôn nguôi trong lòng bạn đọc. Thi phẩm này xứng đáng là bài thơ tình hàng đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam thời kỳ chống Pháp./.

Còn mãi những tên đất, tên làng đang trở thành huyền thoại

[NHÂN ĐỌC KÝ LỊCH SỬ "MIỀN QUÊ YÊU DẤU" CỦA NGHIÊM ĐÌNH THƯỜNG]

CAO VĂN HÀ

Trước đây, tôi luôn nghĩ mình hiểu biết nhiều về Yên Phong, nơi tôi được sinh ra và lớn lên. Mới đây, đọc cuốn sách "**Miền quê yêu dấu**" của nhà giáo Nghiêm Đình Thường, tôi không dám nghĩ như vậy nữa, thậm chí tự chỉ trích là "biết quá ít về mảnh đất có bề dày lịch sử - văn hoá" đặc sắc trong Bắc Ninh - Kinh Bắc.

Tôi quen biết nhà giáo Nghiêm Đình Thường chưa lâu, chỉ từ khi được nghỉ hưu, tham gia công tác khuyến học tại quê nhà (xã Đông Tiến). Tôi kính trọng, cảm phục ông với tư cách là Phó Chủ tịch Thường trực Hội Khuyến học Yên Phong suốt nhiều nhiệm kỳ, và hơn thế, là người truyền cảm hứng học tập, cảm hứng khuyến học với bầu nhiệt huyết luôn ấm nóng và trí tuệ uyên bác! Tôi cũng được ông coi là "Người truyền cảm hứng khuyến học", nhưng ngay từ đầu tôi ngả mũ trước ông và chính ông đã là nguồn cảm hứng tiếp thêm cho tôi động lực dần thân vào lĩnh vực đầy



khó khăn phức tạp khi ở tuổi xế chiều. Dần dần, tôi càng bị ông cuốn hút bởi sự chân thành, phong thái bình dị, khiêm tốn đến lạ thường.

Đặc biệt, mỗi khi trò chuyện, tôi luôn ngạc nhiên bởi những kiến thức sâu rộng của ông về giáo dục, lịch sử, văn hoá, nhất là về mảnh đất "Miền gió lạnh". Không chỉ làm việc, gặp gỡ, trò chuyện, tôi còn được tìm hiểu, thưởng thức, khai thác những tác phẩm của ông như **"Địa chí Yên Phong"** (đồng tác giả); **"Văn hoá làng xã Yên Phong"** (đồng tác giả); nhiều tập **"Toả sáng tấm gương thầy"** (chủ biên) và một số tác phẩm văn, thơ khác với nhiều giải thưởng văn học và báo chí của tỉnh. Chính cuốn **"Văn hoá làng xã Yên Phong"** đã là nguồn tư liệu quý cho tôi khi viết cuốn **"Chuyện làng tôi"**. Cứ thế, tôi được ông coi là "bạn vong niên" từ bao giờ để khi viết về ông, về cuốn **"Miền quê yêu dấu"** tôi phải tự làm chủ cảm xúc để chia sẻ với bạn đọc một cách thật khách quan về tác phẩm có nhiều giá trị mà theo tôi nghĩ, ai là người Yên Phong, người Bắc Ninh không đọc nó thì thật đáng tiếc!

Tập truyện - ký cuốn hút tôi ngay từ những trang đầu tiên, những câu chuyện đầu tiên. Và rồi, sức hấp dẫn của nó khiến tôi đọc liền một mạch trong hai ngày, sau đó còn đọc đi đọc lại nhiều đoạn, nhiều bài để hiểu sâu và ghi nhớ những tình tiết, những sự kiện, tên đất, tên người nhằm bổ sung cho vốn tư liệu về miền quê yêu dấu. Tôi vô cùng thích thú với những hiểu biết mới lạ về những nét văn hoá đặc sắc của nhiều làng xã mà tôi tưởng như đã quá quen thuộc. Làng Đông Yên (xã Đông Phong), trước đây tôi chỉ biết là nơi huyện lỵ Yên Phong thời nhà Nguyễn, làng làm nón, có ngôi

đình đẹp nhất xứ Kinh Bắc với câu ca *"Thứ nhất là đình Đông Khang/ thứ nhì Đình Bảng, về vang Đình Diềm"*. Hoá ra, Đông Yên còn gọi là "Làng Cười" với phong tục "Hội Cười" hàng năm. Đó là hội thi nói khoác, một trong những hội quý hiếm của nước ta đã bị mai một. Câu ca *"Đất Đông Khang cả làng nói khoác"* hay *"Đất Đông Khang dựng cầu nói khoác"* phản ánh nét văn hoá độc đáo của ngôi làng cổ này. Qua truyện, tác giả cho thấy con người Đông Yên chất phác mà hóm hỉnh, giàu trí tưởng tượng với những khát vọng giải phóng con người vô cùng mạnh mẽ. Hội Cười Đông Yên nói lên đời sống tinh thần phong phú của người dân làng Cười nói riêng, người dân Yên Phong nói chung. Nếu như hội thi nói khoác ở làng Cười phản ánh khát vọng giải phóng con người thì hội thả chim bồ câu bay thể hiện khát vọng tự do một cách rõ ràng hơn. Dưới ngòi bút của tác giả, nghề chơi chim mới công phu, tinh tế làm sao, và luật lệ các cuộc thi cũng hết sức tỉ mỉ và nghiêm ngặt, thể hiện trí tuệ trong cách chơi. Chơi chim khó ở chỗ, người chơi phải tinh tường từ khi chọn chim để được chim khôn, rồi huấn luyện phải tài để chim bay đẹp. Người khôn, chim khôn là thế! Có câu *"Chim khôn khôn cả cái lông/ Khôn cả cái lông, người gánh cũng khôn"*. Theo tác giả, "Những người tham gia hội chim thường tự hào và luôn biết tôn trọng giữ gìn về nét đẹp văn hoá hội chim. Ấy là đến hội bao giờ quần áo cũng chỉnh tề, nói năng nghiêm cẩn, chẳng phải công an với bảo vệ nhưng chẳng bao giờ xảy ra xô xát

to tiếng với nhau". Thế mới biết, hội chim cũng là nét văn hoá lễ hội quý hiếm, phản ánh đời sống vật chất và tinh thần phong phú, thanh cao của người dân Bắc Ninh - Kinh Bắc mà Yên Phong có những đóng góp đáng kể. Được biết tác giả từng là người chơi chim, chả thế mà bài viết thấm đẫm tâm hồn của một người chơi đam mê kỳ thú. Tập truyện - ký còn đưa ta đến với những nét đẹp văn hoá đến ngõ ngách của làng nghề cày bừa Đông Xuất, làng tơ tằm Vọng Nguyệt, làng hát ví giao duyên Diên Lộc, thơm thảo bánh tẻ làng Chờ, nơi "đất tốt cò đậu" làng Đông Xuyên; làng Trần Xá với danh nhân khoa bảng Tiến sĩ Phạm Quý Thích; làng Ngô Nội với bức phù điêu có một không hai nơi đình làng; xa nhất mạn phía Tây của huyện, làng Đồng Nhân cùng mảnh đất "Tứ Yên" (thuộc xã Yên Phụ và xã Hoà Tiến) với những dấu tích lịch sử - văn hoá còn hiển hiện sinh động từ cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Tống do Lý Thường Kiệt chỉ huy. Ta lại càng ngỡ ngàng hơn với ngôi làng của tác giả, làng Nghiêm Xá, thị trấn Chờ, không chỉ với những hiểu biết mới lạ về những di sản văn hoá gắn với tên tuổi danh nhân khoa bảng Đình Nguyên Tiến sỹ Nguyễn Đình Tuân (cụ Nghè Sỏ) mà còn khiến ta trầm ngâm cảm phục nhân dân nơi đây về những việc làm chưa quá xa từ ngôi đình làng cũ và mới. Truyện kể: "Đình làng Nghiêm Xá được dựng vào năm 1832 (Minh Mạng thứ 12). Đình thờ Đức Thánh Tam Giang. Năm 1947 làng dỡ hai dãy dài vũ và tiền tế để xây dựng "Làng chiến đấu". Năm 1966, để

đắp đường 295, làng dỡ nốt toà đại đình chỉ để thờ điện thờ cúng. Năm 1997, nhân dân kiến tạo lại đình làng và dịch chuyển về phía Đông. Năm 2003, đình được xếp hạng di tích lịch sử văn hoá cấp tỉnh". Rồi, nhiều người có lẽ chỉ biết làng Quan Độ với rượu ngon, gái đảm chứ mấy ai tìm hiểu 1000 năm họ Nghiêm với cụ Tổ họ là thầy dạy học của Vua Lý Thái Tông (1028 - 1054) và rất nhiều danh quan, danh tướng, danh sĩ khoa bảng khác trong các triều đại Phong Kiến.

Về mảng lịch sử, tác phẩm cũng cho chúng ta nhiều hiểu biết về mảnh đất và con người Yên Phong với những dấu xưa, tích cũ. Lốp lốp thời gian đã qua hàng nghìn năm mà dưới ngòi bút của tác giả vẫn vẹn nguyên, tươi mới. Đó là khi ta đọc bài "**Về Yên Phụ tìm lại dấu xưa, tích cũ**". Ngay cái tên Yên Phụ giờ ta mới hay là được vua Lý cho đổi từ "Yên Khang" sau chiến thắng Như Nguyệt vì nhân dân nơi đây đã góp nhiều công sức cho cuộc kháng chiến thần thánh. Tác giả dẫn ta đi qua "bảy ngọn núi thấp như chuỗi ngọc giữa vùng đồng bằng, người xưa gọi là Thất Diệu Sơn, ứng với bảy vị tinh tú trên bầu trời"... để rồi ta băng khuâng bao nhiêu cảm xúc cùng với ông: "Thời gian của cuộc kháng chiến chống Tống đã ngót ngàn năm rồi. Bụi thời gian tưởng như xoá nhoà hết cả, nhưng dấu xưa, tích cũ còn truyền từ đời này qua đời khác. Nhiều khi sự tích ấy lại được huyền thoại hoá với nhiều chi tiết kì ảo, để con cháu ghi nhớ mà ám ảnh. Đó cũng là cách mà người đời để lại những giá trị tinh thần

cho các thế hệ mai sau". Có chuyện nghìn năm, nhưng cũng có chuyện chưa mấy xưa cũ mà chắc đâu ta đã được tỏ tường. Đó là những mẩu chuyện mà với nhiều người vẫn cảm thấy mới lạ về nữ Bí thư Chi bộ Đảng đầu tiên của Yên Phong - Nguyễn Thị Minh; về đồng chí Văn Tiến Dũng với cao trào Tổng khởi nghĩa ở Yên Phong; về Thụy Hoà - "Thủ đô" kháng chiến chống Pháp của huyện; về **"Chợ Chờ... ngày ấy"**;... Cả những câu chuyện rất dí dỏm, hấp dẫn khiến trí tò mò của bất kì ai cũng không bỏ qua khi đọc các bài **"Một trận đòn búa ở chùa Tiêu"**, **"Về Ngô Nội - nhớ đồng chí Ông"** và **"Người được thưởng 3 Huân chương chiến công"**. Đó là những chiến sĩ Cách mạng kiên trung, mưu trí mà việc làm, chiến công hay thành tích của họ nghe bình dị mà vô cùng ấn tượng. Có câu chuyện khiến ta không thể không lùi ngùi tiếc nuối như trường hợp đồng chí Ông, một người ngoài Đảng một lòng theo Cách mạng, nuôi giấu cán bộ, có lúc đón cả đại đội bộ đội về nuôi quân chuẩn bị cho trận đánh mới. Vậy mà sau này, chỉ vì thành phần gia đình hào phú mà hình ảnh đồng chí Ông cứ trôi trượt dần, mất hút theo thời gian. Tôi cảm thấy rung rung khi đọc bài này, thầm cảm ơn tác giả đã gọi lại hình ảnh đẹp đẽ của một con người bình dị. Thiết nghĩ, rất cần những bài viết nhân văn sâu sắc như thế để lưu gương sáng đến muôn đời. Bên cạnh đó, có những câu chuyện mới qua hơn 50 năm mà đã thành lịch sử. Đó là sự kiện Hợp tác xã Mãng non Phú Mẫn (thị trấn Chờ) đón thư khen của

Bác Hồ. Nhiều nhân chứng sống vẫn còn đó chắc đọc truyện sẽ rung rung bởi những dòng văn hết sức chân thực mà cảm xúc. Qua nhiều bài viết, gợi cho nhiều lứa tuổi những kí ức trong hai cuộc kháng chiến, những kí ức thời bao cấp, thời đổi mới, những đổi thay trong giai đoạn vừa qua và cả những khát vọng vươn tới những bến bờ hạnh phúc của ngày mai.

Từng câu chuyện, từng trang viết cứ lôi cuốn ta theo dòng thời gian, theo từng tên đất, tên làng thân thuộc. Phải là người có vốn sống phong phú, đi nhiều, biết nhiều, hiểu lắm và yêu thương nhiều lắm mảnh đất quê hương mới có thể viết được như thế. Là nhà giáo, tác giả luôn chú ý đến tính thẩm mỹ và tính giáo dục trong sử dụng ngôn ngữ và truyền tải nội dung, hướng đến đại chúng. Văn phong vô cùng giản dị như đời sống của ông mà vẫn mượt mà thoa lên tâm hồn người đọc khiến ta cảm giác như được nhâm nhi thưởng thức hương vị quê hương. Sau mỗi câu chuyện, tác giả có những nhận xét, bình luận sâu sắc hay những gợi ý để người đọc suy ngẫm hoặc hướng mọi người đến những ước mơ, khát vọng tươi sáng. Điều đó thể hiện giá trị tri thức và nhân văn rất đáng trân trọng của một nhà giáo, nhà văn, nhà báo, và với tôi, ông còn là người viết sử Yên Phong bằng văn, bằng tình yêu quê hương ngọt ngào, da diết.

Cuốn sách gấp lại mà trong tôi còn ngân vang mãi những tên đất, tên làng. Tôi thấy yêu và tự hào hơn về quê hương mình, một miền quê yêu dấu./.

TRUNG DU

Đứng gác giữa trời đông

Con đang đứng gác giữa trời Đông
Tổ quốc thiêng liêng đất Lạc Hồng
Biển đảo hiền hòa vang khúc nhạc
Giữ yên từng ngọn núi, dòng sông.

Cho các em thơ tuổi đến trường
Tâm hồn trong trắng sáng như gương
Trau dồi kiến thức thầy cô dạy
Học tập bình yên chốn giảng đường.

Cho bao nhà máy bước vào ca
Sáng kiến thêm yêu nước, lợi nhà
Sản phẩm ra nhiều cho xã hội
Nụ cười công xưởng đẹp như hoa.

Cho “Nông thôn mới” khắp làng quê
Gạo Việt Nam đang khẳng định “nghề”
Xuất khẩu vươn tầm qua bốn biển
Nâng cao thương hiệu chốn đi về.

Chắc súng trong tay giữ đất trời
Rừng vàng biển bạc của ta ơi
Thiên nhiên tác đất hồn sông núi
Tổ quốc vinh quang mãi rạng ngời./.

ĐOÀN HUY CẢNH

Màu quân phục

Ngỡ tôi vừa về lại tuổi 20
Khi khoác lên mình bộ đồ xanh sắc lá
Sắc quân phục sao bỗng thân thương quá!
Quân hiệu, quân hàm... một thuở cùng tôi!

Ngỡ mình vừa ngược dòng tháng năm trôi
Để về lại thời gian của thương của nhớ
Thời gian của những mối tình dang dở
Lời hẹn đành buông theo đạn rít, bom gầm!

Thời anh ướp hình em trong nỗi nhớ thầm
Cái hôn đầu tiên là dành cho đồng đội
Súng đạn, ba lô... đường hành quân vùi vùi
Tim yêu thương, còn có cả căm hờn!

Sắc quân phục xanh màu cây lá Trường Sơn
Nơi còn những đồng đội tôi nằm lại
Sự quên lãng bỏ lan như cây dại
Trùm kín vết máu anh
xưa phun đỏ chiến hào!

Khi trên mũ mình ngời sáng một ngôi sao
Là Tổ quốc linh thiêng vẫy gọi
Chỉ một sắc xanh thôi mà hơn ngàn lời nói
Nay người lính trong tôi tỉnh thức... một ngày./.

Trở chuyện ở RUỘNG BẮP

VŨ THẾ THUỘC

Đêm qua gió Bắc về, giạt từng cơn như cuồng phong. Nằm trong nhà chị Nhàn nghe rõ tiếng cành cây ngoài vườn vụn rãng rắc theo từng đợt gió, mấy cái lon nước uống bữa tối để trên hiên giờ chạy đi chạy lại long cong trên sân như đám trẻ chơi đùa, cành mít nhà chú Vân quẹt đi quẹt lại trên mái ngói nghe thật sột ruột. Sột ruột hơn là ruộng ngô chuẩn bị bán trước Tết có khi gãy gục hết. Ý nghĩ bị cắt đoạn khi chồng chị choàng tay ghi chặt, anh bảo rét rồi mình ơi. Chị Nhàn tận hưởng giây phút thăng hoa và ngủ ngon.

Sáng sớm chị phi xe đạp điện ra ruộng. Buổi sáng đầu đông, trừ mấy người đi giao hàng vội vã và các cháu đến trường ra chả ai ra đường chạy nhảy như mọi hôm nữa, tất cả các con đường đều sạch như bong, bầu trời xám xịt ai cũng khăn mũ lù xù.

Chị Nhàn là người đảm đang, chân thực, vào Đảng từ khi hai mươi tuổi nay đã ba mươi một năm tuổi đảng vẫn kiên cường làm tổ trưởng phụ nữ xóm là thủ quỹ thôn... người ta bảo nếu chị khéo léo một chút thì cái ghế Chủ tịch Hội Phụ nữ

xã chắc chắn là của chị nhưng đường đời lắm lồi... chị vẫn sáng rực nhưng chỉ rực ở xóm, ở thôn, nay đã sang tuổi năm mươi một hết cửa phần đầu vẫn tự tin vui vẻ. Người ta bảo người có chí tiến thủ chịu khó chả giàu cũng không thể nghèo, gia đình chị luôn đầm ấm, cuộc sống vật chất luôn sung túc.

Chị thích làm màu thì gấp thăm lại không được chân ruộng màu, phải các đồi lầy hai sào ruộng gần nhà để canh tác. Làm màu ngày nào cũng có mặt ở ruộng nhưng có làm có ăn, chị vận động cả vật làm theo thật nhộn nhịp và vui vẻ. Gần đây bùng phát nghề phụ, may quần áo, may khẩu trang, khâu nón lá... ngồi mát thu cao ai đại mà nắng gió ngoài đồng. Chị Nhàn có tuổi rồi chấp nhận phần đại. Chị bảo ngồi đếm mũi kim ăn tiền không đơn giản, phải đầu tư máy may, phải ngồi cầm cúi vào mũi chỉ đường kim, ngày làm từ 10 đến 12 giờ mới thu khoảng hai trăm ngàn, mắt sẽ mau kém, xương cốt nhanh thoái hóa, chợ búa bếp núc cũng hạn chế, còn nhiều cái mất mát khác không thể tính, làm màu vất vả khi lúc làm đất và thu hoạch còn chơi không vẫn thu

bằng 6,7 lần trồng lúa là chị ham, làm thấy vui, lao động hiệu quả là hạnh phúc, làm may là công việc của tuổi trẻ, bốn mươi trở lên chỉ có đi gấp quần áo, cắt chỉ, đóng hộp cũng gò bó lắm, miệt mài suốt ngày cũng chỉ trăm ngàn, mặc mọi người bỏ cuộc, chị một mình một chiếu vẫn vô tư. Hôm nay ra thăm ruộng chị giật mình, tức phát khóc vì chuột. Ngô năm nay tốt, giống ngô nếp mới cây cao, bắp đều thích lắm bán buôn mười lăm ngàn một ký cộng bán rau mùi chị cầm chắc đôi chục triệu ăn Tết. Vậy mà chuột phá sạch, bắp to ăn trước bắp nhỏ ăn sau, ăn hôm nay bỏ đấy mai ăn tiếp loạt bắp mới, cả hai sào ruộng không một bắp lành lặn, coi như trắng tay. Mảnh ruộng này, đầu năm chị Nhân gieo rau muống ké ra ngo, hủy muống gieo ngay rau cải xanh, tiếp đến vụ rau cần ké rau dăm tiếp là vụ ngô, dưới ngô là rau mùi, chỉ hai sào ruộng ấy thôi không cần làm việc khác chị cũng thu gọn 50-70 triệu một năm, có năm rét kéo dài dân ăn lẩu mạnh giá rau cần lên tới 30 ngàn, 40 ngàn đồng một ký mà cung không đủ cầu. Rau cần nhà chị là rau cần cặn, rắn chắc ngon giòn không xộp xộp vô vị như rau cần nước của người ta. Chị có bí quyết chống sương nên có năm mưa nhiều rau mất mùa nhưng rau nhà chị vẫn tốt, đợt này chị mắc bận mấy ngày sang cát cho mẹ chồng lại đúng lịch đưa nước về xóa ải, nước về trắng đồng chuột chạy hết về chỗ cao mà ruộng ngô nhà chị là điểm hẹn lý tưởng của họ nhà chị. Năm nay cũng dở, HTX hủy hợp đồng đánh chuột với ông Đường Kỷ. Đến lúc dân kêu quá mới vội mua thuốc cử mấy ông bà vừa lười vừa ngu ra đồng vừa tốn kém lại không hiệu quả. Cái giống chuột chỉ làm hai việc ăn

và đẻ, bốn mươi ngày một lứa, mỗi lứa từ 5 đến 12 con sau bốn mươi ngày là con đẻ mẹ đẻ đầy đàn đầy đống, chúng có nghề gia truyền là ăn cắp, phá hoại và chơi đùa phá từ khi gieo hạt đến khi thu hoạch. Nhìn ruộng khoai tây chuột đào khoét từ lúc củ còn non mà xột. Có lần anh Hoài chuẩn bị cưới vợ tích góp may bộ quần áo cưới, chuẩn bị cưới mới hơn hờ mở hòm thì ôi thôi chuột cắn nát còn để một đồng con đồ hỏn bên trong. Nhà tôi hôm Tết, đang đêm thấy quả táo từ bàn thờ rơi bộp xuống đất, sáng ra khoanh giò, phong bánh quả chuối bị chuột xơi, buồn cười cô Thơ nằm ngủ bị chuột cắn rách bên lỗ mũi phải đi bệnh viện điều trị... trong vùng có ông Trương Kỷ, vua đánh bắt chuột, ông Trương Kỷ có thể gọi cả bầy chuột vào lưới ngon lành, mỗi ngày ông xuất từ hai mươi cân đến cả tạ thịt chuột cho thành phố lại còn ký hợp đồng đánh chuột cho cả xã, 18 kg thóc một sào quy ra tiền là mười bốn ngàn đồng một sào một năm, theo hợp đồng, HTX phải thanh toán theo diện tích cho ông ngược lại nhà nào bị chuột phá từ mười khóm lúa trở lên ông đền bù hết. Công việc suôn sẻ được dăm năm, ông Trương Kỷ đã mua xe sang, xây nhà hơn năm tỷ cả vùng ai cũng nể. Vậy mà vẫn có ý nghĩ hẹp hòi bảo không cần hợp đồng bảo vệ ông ấy vẫn bắt vì nghề của ông ấy rồi. Sinh ra cái Ban Chủ nhiệm dịch vụ HTX nông nghiệp để lo làm đất, tưới tiêu, gặt hái, bảo vệ đồng điền cho xã viên là hợp lý nhưng ai biết mà ăn cỗ thế nào, mọi hợp đồng đều có sân sau nếu không lấy có phá bình nên nhà chị mất mùa oan.

Đang bức bối thì anh Sâm nguyên Trưởng phòng Nông nghiệp đi thể dục buổi

sáng đến. Anh Sâm hơn chị Nhàn một giáp nhưng quen biết thân tình, anh Sâm bước xuống ruộng đến bên chị Nhàn chia sẻ:

- Chơi với "ông Tý" này mỗi lần chẳng phải đầu cũng phải tai. Làm màu, trồng sen mà không biết cách diệt chuột là làm để nuôi chuột. Nó sinh ra để hưởng thụ mà, cứ đầu có chén là hấn đến, đang đói kém mà được loại ngô nếp thơm ngon thế này thì thôi rồi, một con mỗi ngày gặm ba đến năm bắp, gặm rồi bỏ lần sau gặm đến cái mới. Đánh bầy hay đánh mỗi hay đào tổ cũng chỉ hiệu quả lần đầu lần sau chúng sẽ có cách tránh ngay. Đánh chuột phải có nhiều bí quyết, bí quyết là bí truyền, ở Hà Tây cha con ông Mùi lập công ty đánh chuột, phục vụ khắp miền Bắc giàu lắm, thịt chuột đồng nhiều đậm, rất tốt cho phái mạnh, Vua, Chúa nuôi chuột ăn gạo nếp uống nước sâm để làm món tăng cường sinh lực, ở Đình Bảng quê hương của Vua Lý cũng có phong tục cổ không thịt chuột không to, nhiều đậm nên nó chết thối lắm. Các cụ xưa chả có câu thành ngữ "Ăn nhiều thịt thối" là gì.

Anh Sâm nói hay, chị Nhàn chăm chú nghe anh Sâm càng khoái chí nói tiếp: "Nó là con vật kỳ quái nhất trong 12 con giáp, ăn toàn hàng chất, khi thì chui hang ở lỗ, lúc chễm chệ lên ban thờ, leo lên cây, bơi cũng được, gặp dịp thì ô tô máy bay tàu thủy đi tất. Hôm qua tôi thăm ruộng hoa đơn nhà chị Bàn mà xót, hoa vừa độ cho Tết mà nó cắn nát gốc gãy rạp cả ruộng trông thật tiêu điều, không chỉ ăn hại mà còn phá hại, cái giống này cũng lạ, phá đầu phá bằng hết mà xung quanh lại không, nó cắn vì ngứa răng, ngứa khi mọc răng mới, khi mang thai, khi ngứa nó gặm cả tường

nhà, gỗ và tre lý do nó cắn nát vườn hoa nhà chị Bàn là như vậy chứ không phải như mấy người ác khẩu bảo chuột là "thử thần" nó biết phá hoại nhà ai còn nhà ai không phá là không đúng. Thôi tương kế tự kế, anh bày cho em cách này biến thua thành thắng. Ngô tươi non mà xào bơ, tỏi thì đặc sản rồi, em cho thu hoạch ngay về gieo lấy hạt rang bán hoặc bán tươi để người mua về chế biến, hạt ngô non để tủ lạnh cả tuần vẫn an toàn, anh xin đăng ký 5 kg, ngô xào cúng ông Công ông Táo là đúng tư cách, năm nay rét muộn gọi cánh nuôi trâu bò bán cây vừa không phải dọn còn gờ thêm một tý nữa năng nhặt chặt bị mà. ...

Nghe anh Sâm nói chị Nhàn như đang khát được uống nước mát tinh cả người, giọng phấn khởi:

- Ông anh tư vấn hay, em sẽ làm ngay nhưng em vẫn trách ông anh đấy, học vị cao, tài thật làm Trưởng phòng xuất sắc vẫn chưa xây được phong trào gieo trồng cứ lệt đệt gieo mạ nhỏ mạ cấy, công cấy quá nhiều khô vất vả, nhỏ được mạ thì công cấy 300 ngàn một sào, khoán gọn thì 400, biết làm ruộng bây giờ rất cực mà không có lãi nhưng chưa ai dám bỏ ruộng, bỏ ruộng mà bị thu hồi thì mất trắng kiểu gì nông dân cũng cực.

- Em có nghe câu hát: "*Một ngày bằng mấy trăm năm đời người*" không? Anh mới nghỉ có ba năm mà nông dân đã sáng chế máy bay phun thuốc trừ sâu diệt cỏ và xạ lúa, tới đây tự nó sẽ sinh ra một lớp ông chủ mới thâm tóm toàn bộ đất đai làm ăn cực lớn, sẽ có nguồn nhân lực cao cấp cho sản xuất nông nghiệp, hàng loạt kỹ sư ra trường hút vào các dự án này, anh cũng sẵn sàng tham gia cổ đông nếu có dự

án về, nông dân cho thuê đất là có tiền, đất đai là thổ địa, mọi thứ có thể hiện ra rồi biến mất nhưng đất đai thì không bao giờ. Mỹ đang là quốc gia phát triển mạnh nhất về nông nghiệp, Việt Nam sẽ là quốc gia có hạng chỉ cần chính sách phù hợp là bùng phát.

Nổi máu tranh luận, chị Nhàn bảo: “Dân ta còn phong kiến, thấy em ham ra ruộng ai cũng bảo sao em phải khổ, được ăn chơi là lượt mà không chịu? Chồng em bảo “giờ nhiều người giàu, càng nhiều nhà giàu thì người nghèo càng khổ, người giàu muốn gì, cần gì họ lấy tiền tiền tiêu cực cho nhanh khiến người nghèo phải tiêu cực theo, ở huyện bên đang mời gọi công nghiệp. Công nghiệp về nông nghiệp phải nhường đất. Nhường 360 mét vuông đất ruộng được gần một trăm sáu mươi triệu, mua lại của Công ty một lô đất ở 100 mét vuông giá hai tỷ số tiền bồi thường 360 mét giờ chỉ mua được bảy mét. Đi làm cho công ty tháng năm đến bảy triệu thì bao giờ có tiền mua nổi một lô đất ở? Đại tá về hưu như nhà em gói cả năm mới mua được hai mét vuông chung cư hạng khu trung bình ở thành phố. Đất thế mà cánh nhà giàu vẫn thổi giá thành cơn lốc sốt ảo khiến nhiều người phải lao theo nợ nần chồng chất thật quá đáng”.

Anh Sâm im lặng nghe, sau cái thờ dài đồng cảm anh ấy an ủi: “Em nghĩ kỹ quá đấy, các cụ bảo rồi “đời cua cua máy đời cáy cáy đào” kiểu gì thì ta vẫn sống, trước nhà tranh vách đất vẫn có nhà ở, giờ tốt hơn nhiều rồi đâu sẽ vào đấy cả thôi, cuộc sống nhiều khi khó lý giải, khó lý giải cả những cái ở ngay trước mắt. Bây giờ có nhiều việc làm, trẻ tuổi đi làm công ty hết tháng lĩnh lương chả đưa nào chịu làm

ruộng cả, chỉ có thể hệ ông mấy bà cả đời gắn liền với đất, mất mạng vì đất, ăn mày ăn xin ở đợ vì không có đất, bị khinh miệt là thành phần thành trung nông địa chủ vì có tý đất, sinh tử vì tý đất... bọn trẻ bây giờ không tha thiết với ruộng đồng, nhưng khát khao có tý đất làm nhà? Tôn nhau bằng cơ ngơi hơn là phẩm giá, đúng là thời đại kim tiền... đúng là thế gian biến cải, trước đây 30 năm, chọn vị trưởng phòng nông nghiệp khó lắm, lúc ấy nông nghiệp là tư lệnh chính, là vai quan trọng trong Ban chấp hành, có chân trong thường vụ, ở xã cán bộ giao thông thủy lợi phải là đảng ủy viên. Giờ xuất hiện nhiều tư lệnh mới: Kế hoạch đầu tư, Giao thông Xây dựng, Tài nguyên Môi trường, Ban quản lý dự án đẩy các phòng truyền thống ra vành ngoài, anh đã xây dựng kịch bản gieo thẳng từ lâu nhưng trình hội nghị Ban chấp hành, ông Chủ tịch huyện Trần Đình Thu bảo: “Gieo thẳng là nuôi chuột. Làm theo ý của anh thì UBND huyện chuẩn bị phòng tiếp dân.” Anh hiểu ý nên trình bày luôn phương án diệt chuột, lão gạt phất và kết luận: “Ông tham mưu thế thì đưa cả BCH vào chòng kỹ luật”! Cả BCH nháo nhác nhìn anh như một kẻ u muội đáng ghét. Nhiệm kỳ ấy anh không được Thường vụ giới thiệu tham gia BCH. Nhưng tất cả đảng ủy xã phường vẫn giới thiệu buộc phải bổ xung danh sách ứng cử, tuy trúng xít xao nhưng anh rất tự hào. Anh về nghỉ hưu vui vẻ, không tiếc nuối, không ai thù oán, không ai coi thường không ai bị coi là chiếm ghế, về hưu mà gặp bè bạn cùng công tác ai cũng vui vẻ chứ khối người về chả ai chào hỏi nữa rõ chán.

Chị Nhàn thấy vui vui, liền chia sẻ tiếp:

- Nghe nói bây giờ đa số các quan đến tuổi nhưng còn muốn được phục vụ thêm. Khi nghỉ lấy số nhà đất đang sở hữu là thước đo tài năng công hiến, nghe người ta nói chuyện mà kinh.

Anh Sâm lại cười, lão có điệu cười đặc ý, lão bảo anh xã nhà em hưu quân đội lương cao còn được phân nhà công vụ ở thành phố, không ở cho thuê cũng đầy tiền, anh thì tiền vàng chả có, mua được vài mảnh ở các xã chứ không có đất thị trấn hay thành phố, giao vợ cho thuê mặt bằng coi đây là lương hưu cho vợ bỏ công bao năm cơm rượu tiếp khách cho chồng. Lấy vợ làm ruộng cũng nhiều điều hay...

Chị Nhàn đỏ mặt vì chả biết anh ấy nói thật hay nói kháy nhưng vẫn hài lòng, em nói thật với anh, em vào Đảng từ khi hai mươi tuổi, Đảng giao em làm đội trưởng đội kỹ thuật bèo hoa dâu kiêm thủ quỹ cho làng. Mỗi tháng làng cấp cho bốn ông tuần tra bốn đôi pin, tháng ấy ông Thiện nằm viện, ông tổ trưởng vẫn kê đủ nhưng không phát cho ông Thiện, ông Thiện là đảng viên không giao làm tổ trưởng lại giao cho ông chưa là đảng viên nên bề ngoài ông ấy tỏ vẻ chấp hành nhưng âm thầm phản đối, ra viện ông ấy đến hỏi em, em thật thà có sao nói vậy, thế là ông ta la toáng lên, khổ cho ông Tổ trưởng sắp kết nạp Đảng phải cho nghỉ, em bị loại khỏi danh sách bầu BCH Đảng bộ vì thiếu kiểm tra gây thất thoát! Bố em chỉ có năm sào ruộng bị quy thành thần trung nông nên bố chỉ cho em chỉ học hết cấp 1 là nghỉ, từ thiếu niên em đã là Tổng Liên đội toàn xã, lên thanh niên lập thành tích đầy mình vậy mà vì cái tội thành phần xuất thân mà cảm tình tới ba năm mới được kết nạp vào Đảng... bây giờ người ta

ôm cả chục ha đất, tiêu sài vô tư, giàu ứ ứ vẫn trong sáng, suốt đời công hiến, nghỉ hưu rồi vẫn thường xuyên có mặt ở các sự kiện quan trọng, thật quá bất công...

- Thế thời thời nó thế mà em - anh Sâm nói - thôi mọi việc cứ để gió cuốn đi, học cách buông bỏ để đổi lấy chữ an cho thanh thản, thần thánh cũng không xoay chuyển được cả hệ thống này, chính trị thì không có vĩnh cửu, nó thiên biến bất ngờ, chỉ cần một quyết định của người đứng đầu là đoàn tàu chuyển hướng chúng ta không chờ mong nhưng có khi nó cứ đến.

Chị Nhàn bảo: “Em cũng cho rằng tốt hay xấu là ở người đứng đầu, con trai em làm ở ngân hàng, nó bảo sắp mới về làm cơ quan nó vang dội hẳn lên. Sếp cũ cặp kè với bà phó sếp, phòng khách hàng là phòng quan trọng đang thiếu cả trưởng lẫn phó mà mấy năm vẫn không cất nhắc ai lại giao bà Phó Giám đốc kiêm tuốt nên hết sức tri tri. Giờ cơ quan mới tuyển thêm hai cán bộ cho đủ biên chế, không cho bà kia kiêm nữa, công việc trôi chảy hẳn, doanh thu dương luôn không âm âm như trước, nó phàn nàn với bố mẹ thế này: “Tài thật, cứ về hưu là cán bộ lại kêu ca chế độ.” Bố nó bảo: “Con cứ công tác tốt đi, thật tốt vào khi nào về hưu con sẽ hiểu.”

Anh Sâm thì thảo về quan trọng:

- Trời phải cho khỏe mạnh cơ, trời vật cho phát thì tiền còn có ý nghĩa gì mà bao nhiêu cho đủ, ông Chủ tịch Thu được trên điều chuyển, ông cự lại không đi chấp nhận về hưu trước tuổi, ông ấy về rồi mới rộ tin lắm đất, cứ chỗ nào có dự án là ông ấy có xuất, cái tanh tươi của ông ấy là mọi xuất đất đều lấy tên ai đó là người nhà ông ấy hay vợ ông ấy mà ông ấy nghĩ

sẽ là khách hàng tiềm năng, họ là cán bộ, công an, quân đội, trong huyện sau lại gạ bán cho chính chủ luôn. Hiện ông bà đang sống trong căn nhà bảy tầng ở Quảng Bá thủ đô Hà Nội, họ ăn nhiều thứ bổ dưỡng quá giờ ông bà chỉ ăn đậu vối lạt, uống cả vốc thuốc, nào tiểu đường, mỡ máu, gút thể là trời đầy còn gì. Sống mà phải uống thuốc thay cơm là khổ. Anh giờ cũng hãi dính nan y nên tự trồng nấm, trồng rau nuôi thỏ, nuôi gà, trồng chuối mía chanh bưởi tự cung tự cấp, anh nhìn chị Nhàn chọc giận: “Em bán rau em có dám ăn rau nhà trồng hay lại có góc xâu xấu để nhà ăn?” Chị Nhàn bảo: “Lương tâm con người, không vì lợi nhuận mà làm trái, nhà em vẫn dùng phân hóa học, thuốc kích thích ra rễ nhưng dùng theo hướng dẫn, không làm theo hướng dẫn làm gì có tăng trưởng năng suất? Thậm chí chất lượng kém. Chẳng biết thế nào nhưng riêng cái khoản uống nước râu ngô chúng em cũng thấy tuyệt vời, nhà em cao huyết áp chẳng cần uống thuốc, cứ chuối tiêu ăn rau cần là ổn. Chị Nhàn nhìn sang anh Sâm về khoái chí: “Mấy chị cứ khoe chi cả chục triệu mua đông trùng hạ thảo, thuốc Pháp thuốc Mỹ bồi bổ cho chồng, em khác, nuôi gà ta để lấy trứng, trứng gà ngâm muối diệt khuẩn sạch sẽ sau ngâm rượu nếp cái cẩm chôn xuống đất hai năm đào lên vừa chất vừa bổ rẻ mà khỏe bền. Chị Nhàn nhìn sang Sâm khích lệ: “Anh nhớ về làm để chị em còn nhờ.” Anh Sâm như bị mê hoặc, anh ghé tai chị Nhàn thì thảo trong làn gió bắc đang rít gào: “Hôm nào giầu lão cho anh một pi nhè nghe mà thích điên lên rồi.” Nhàn khúc khích bằng lòng: “OK đảm bảo hùng hục như trâu luôn.” Rồi chị Nhàn chia sẻ: “Thực tình, thực phẩm bây

giờ rất có vấn đề, có lẽ chúng ta miễn dịch nên ổn chứ thẳng nước ngoài mới sang mà ăn uống như bữa cơm hàng đám chắc tảo tồng hết, nhưng khi quen là nghiện, như nhà em có ông con rể người Đức, nó nghiện cơm rang, rau muống xào tỏi, canh cà chua nấu trứng với hành, nghiện húp nước mắm chanh đường tỏi, nghiện mắm tôm chanh ớt chấm đậu rán, nghiện lăm ý, nó còn bảo món ăn Việt Nam ngon nhất thế giới, con người Việt Nam thiện cảm nhất thế giới, phụ nữ Việt Nam mặc áo dài đẹp nhất thế giới, nhất tuốt luôn mới hay chứ. Họ không biết rằng người Việt coi gia vị nước mắm mì chính hành tươi, chanh ớt đường chính là linh hồn của vị mà nước họ chỉ lấy thịt với muối làm đầu thì món ăn mà sao thăng hoa cho được.

Hai người trò chuyện vui quá, nói chuyện với người hợp cạ thích thật, chuyện chẳng có gì mà cứ nở như nở bông mãi không chán.

Một cơn gió xoáy làm cả ruộng ngô rung lên, những chiếc lá mới hôm qua còn mơn mớn hôm nay đã tơi tóp héo khô, gió Bắc kinh khủng thật. Làm nông, trồng hoa màu, chăn nuôi không quan tâm đến thời tiết bệnh dịch có khi loáng cái công toi.

Họ giục nhau về nhà, anh Sâm chỉ xuống rạch đất chi chút về chân chuột:

- Chuột đi thành lối thế này chắc đông lắm, nó đi từ nương lên, chắc trú ở các hang hốc đâu đây, quân phá hoại, đáng ghét.

Chị Nhàn đã bình tĩnh hơn, chị hỏi:

- Liệu có đáng sợ bằng lũ chuột đầu đen không anh?

Họ nhìn nhau cười, một cái nhìn thật thiện cảm./.

NGUYỄN ĐÌNH ỨNG

Về quê anh

Em hãy về Kinh Bắc quê anh
Chỉ một lần rồi em nhớ mãi
Nơi con sông Cầu uốn cong mềm mại
Luôn hiền hoà đưa em lại tuổi thơ.

Câu Quan họ có tự bao giờ
Mà nhẹ nhàng trên bờ môi say đắm
Người Quan họ dịu dàng đắm thắm
Đã gặp rồi khó lắm chẳng rời tay.

Miếng trâu vàng, chi cầm đã ngà say
Đêm hội làng kéo bình minh thức dậy
Về quê anh rồi em sẽ thấy
Tiếng chuông chùa trầm bổng chón bông lai.

Về quê anh được thăm núi Thiên Thai
Chín ngọn mơ màng
trải dài bên sông Đuống
Vi vút thông reo những chiều
sương buông xuống
Hiện lên rồng cỏ tích muốn giải oan.

Về đi em kia ngã sáu rốn ràng
Như chiếc nón toả đi trăm ngã
Thành phố vườn mình tung bùng rốn rã
Hoà cùng câu hát bay lên.

Về đi em! Em nhé đừng quên./.

PHẠM HỒNG VÂN

Buồn đông

Thương cây đào nhỏ khảnh khiu
Âm thầm đứng giữa vườn chiều cuối đông
Xuân về chúng bạn khoe bông
Chạnh lòng đào nhỏ vẫn không có gì...

NGUYỄN XUÂN THÔNG

Đón bạn thơ

Cuối năm bận rộn riêng chung
Vẫn vui đón bạn ấm nồng tình thơ
Chén trà thơm nổi đợi chờ
Vần thơ đàm đạo ngẩn ngơ nổi đời...

Nhật xưa cũ đã vương rơi
Gom về đôi lầy nụ cười thi nhân
Người thơ thán thán tuần tuần
Thấp lên ngọn lửa nghĩa nhân ở đời!



CAO VINH

Ngõ chiều

Một chờ, hai đợi ba mong
 Chuông reo vui đã thấy lòng xốn xang
 Tay nâng điện thoại ngõ ngang
 Buồn vui nhưng nhớ bề bàng, chiều qua.

Vẫn tin lời nói mặn mà
 Có thương dẫu đến trắng tà vẫn thương
 Đùng như hoa dại bên đường
 Một cơn gió thoảng đã hương phai dần!

Hương cau ai rắc đầy sân
 Thơ thơ vương chấp mấy vầng ngu ngơ.
 Một chờ ba bốn... vẫn chờ
 Chiều xa chuông vọng! Bơ vơ ngõ chiều./.



NGUYỄN NGỌC HƯNG

Hoa giữa mùa đông

Rực vàng
 Thắm đỏ
 Những đóa hồng rạng rỡ
 Nhẹ nhàng nâng
 Thạch thảo lênh loang
 Lên đỉnh tím
 Dịu dàng...

Không chỉ dấu lưu kỷ niệm
 Đây là sông động yêu thương
 Một bình hoa rất đổi bình thường
 Trao đúng lúc
 Đặt đúng nơi
 Hóa niềm vui đặc biệt.

Giữa mưa gió mùa đông khắc nghiệt
 Vụt hiện lên tia nắng nhiệm màu
 Đỏ tím vàng
 Ngát thơm
 Tinh khiết
 Ấm hơi người
 Tha thiết tựa vào nhau.
 Thể xác vui một chút đau
 Tinh thần lên thêm một chút
 Người rồi rít cảm ơn
 Hoa lặng lẽ mỉm cười
 Muôn mặt bừng tươi
 Không gian ngập tràn hương hạnh phúc!

Mùa cỏ lau

THU NGÀ

Sáng chớm đông, anh bạn nhắn tin rủ thu xếp việc về chỗ anh chụp ảnh, cỏ lau nở nhiều, đẹp lắm rồi đấy, đừng trễ hên mà bỏ lỡ một mùa hoa lau. Lấn bản công việc và những giỗ chạp, đám xá, sau mấy tuần nhẩn nhu theo lời hên tôi cũng về Tân Lăng để chiêm ngưỡng bông lau nở đúng mùa đúng cỡ. Cứ nghĩ chắc cũng bình thường thôi như thi thoảng vẫn gặp vài ngọn lau dọc triền đê sông Đuống độ đông về, nào ngờ đến nơi lại bị hớp hồn, níu giữ bởi cả khoảng không gian hoang sơ bạt ngàn cỏ lau trắng muốt thi thoảng đan xen vài cây sậy. Có lẽ chẳng cần phải lặn lội xa xôi tới tận vùng biên cương của tổ quốc mới được chiêm ngưỡng cảnh sắc hoa lau nở trắng phau tựa một bức tranh kì ảo đầy thu hút, thứ hoa đại von thường mọc ở những nơi khô cằn sỏi đá và heo hút gió lùa: *“Đó là loài hoa nở vào cuối năm/ Đó là loài hoa mọc nơi cuối đất”*.

Gió đưa những cánh hoa đã nở bung bay lơ đãng trên không trung, xòe bàn tay với bông hoa nghịch ngợm bay trong gió

tôi ước giá như thời gian có thể dừng lại ở khoảnh khắc ấy cũng giống như khi chúng ta muốn níu lại những khoảnh khắc tươi đẹp nhất của cuộc đời. Một khung cảnh bình yên, thơ mộng giữa lá xanh và những bông lau trắng ngần cao ngất nghé đầu người hay những bụi cao chót vót tưởng như ngang tầm trời. Ngược mắt nhìn lên cao, trên những ngọn bông lau trắng muốt là bầu trời xanh vời vợi; mây trắng, trời xanh và cỏ lau, cả hai dường như trở nên hòa làm một, không phân chia biên giới vẻ đẹp tinh khiết và hoang đại vươn tới cả tầng trời. Tiếng bấm máy liên tục khi ánh nắng cuối ngày đang chiếu xuống những thảm cỏ lau trắng mượt... Hoàng hôn phủ lên những ngọn cỏ lau rắng đỏ thật diệu kỳ. Ai đang tìm kiếm nơi nào không chứa muộn phiền chắc chẳng phải lòng vòng đi thật xa để trở về mà chỉ cần thả hồn vào không gian của thiên nhiên, của những triền sông lững lờ nước chảy nở đầy hoa lau trắng dập chớm đông. Thời gian sẽ lặng lẽ đi qua, mọi muộn phiền thả xuống dòng sông sẽ cuốn đi theo dòng nước về với

mênh mông biển cả, theo những ngọn cỏ lau bay trong gió về trời. Băn khoăn tự hỏi sao giữa những bãi đất đồng chiêm bằng phẳng hay những khu đất mới nhà cửa phố xá mọc san sát lại có những bãi lau sậy rậm rạp um tùm đến vậy. Phải chăng những cánh hoa lau nhẹ như sợi bông từ miền ngược nhẹ bay trong gió rồi đáp xuống những cánh đồng xa xôi nơi phù sa đồng bãi hay hạt giống hoa lau nơi nắng gió biên thùy từ những cơn mưa lũ chảy ào ào qua suối qua sông hòa vào nước thượng nguồn xuôi về miền chiêm trũng bám chặt vào lớp đất đỏ phù sa ở bờ bãi ven sông. Theo tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa, đất bồi ven sông

được chở đi khắp các vùng miền lấp đầy những khoảng đồng trống và rồi sức sống mạnh mẽ của bông cỏ lau tưởng như mềm dẻo nhẹ tựa không khí ấy lại vươn mình mạnh mẽ thành từng bãi từng lùm, mọc um tùm giữa phố phường sầm uất.

Mới ngày nào vẫn còn là những vòm xanh mơn mớn bỗng chốc gió heo may về mang theo xào xạc nhớ nhung và bông lau bung nở nương trong ngọn gió đầu đông se sắt. Giữa bãi lau ngút ngàn bỗng nhớ đến những ngọn cỏ lau nép dọc triền sông, vùng bờ bãi vùng Trần Xá xưa có phải cũng từng rậm rịt hoang sơ phủ đầy lau trắng trong buổi hội nghị Bình Than với những



quyết sách quan trọng của vua tôi nhà Trần ở ngày đông xa xưa hào hùng ấy của lịch sử dựng nước và giữ nước mà dân tộc đã ngợi ca. Tận dụng sự um tùm của những bãi lau sậy làm lợi thế, thứ lá cây sắc bén tựa trăm nghìn lưỡi kiếm giăng thành hào thành lũy, là lớp áo ngự trang che mắt quân thù, cản bước kẻ xâm lăng. Lại nhớ về những trai tài luyện võ, người anh hùng nhỏ tuổi bóp nát quả cam, các cô gái đảm đang chịu thương chịu khó vùng Kinh Bắc se tơ dệt vải dọc triền đê sông Như Nguyệt, sông Đuống đầy huyền tích đã dùng tinh thần đoàn kết, ý chí kiên cường bất khuất mượn sức của thiên nhiên để chống kẻ xâm lăng bờ cõi của những người con đất Việt... Những bãi lau sậy hoang tàn năm nào đã vượt qua những mùa hạ nắng cháy, qua mùa sương giá rét và loài cây tưởng chừng như mỏng manh yếu đuối mà đùm bọc nhau mọc từng khóm từng vạt lại trở bông trắng xóa, mọc mọc đầy giản dị vào mùa lạnh khắc nghiệt nhất trong năm như biểu tượng của sự đoàn kết - kết đoàn và sức sống mãnh liệt, dẻo dai.

Đầu Chạp, lúc thu đã cận ngày và ngả sang đông, cơn gió lạnh đầu đông khiến mọi thứ như tê tái thì lau sậy lại chín và nở bông rậm rì nhất. Thứ bông nhẹ bằng phơ phất trong nắng chiều ven sông hiu hắt. Giữa phố xá nhộn nhịp sầm uất vẫn còn đây những bãi lau rậm rịt, lau mọc đầy cạnh bãi đất trống gần khu công nghiệp, quanh doanh trại quân đội, chàng lính trẻ đi tuần ngắt vôi bông lau phất phơ trong vạt nắng cuối chiều, khoe môi ánh lên niềm vui

của nỗi nhớ xa nhà sắp được đoàn viên. Ô kìa! Ai đang đi về phía cỏ lau? Hình bóng người thương hiện lên trong tiếng cười giòn tan ở mùa lau ký ức. Cảm giác bông bênh, chênh choáng như lạc giữa những đám mây vờn quanh của khóm bông lau cao hơn đầu người khiến người ta vẩn vút cứ muốn đi mãi, đi mãi như lạc vào cõi thần tiên. Màu lau cứ trắng cước bông bênh như mái tóc bạc trắng và nụ cười hiền của ông bụt, bà tiên ở cổ tích xa xăm; cứ dập dìu đung đưa trong ngọn gió đông trên nền cỏ xanh mơn mướt, thân cây cao mảnh và những tàu lá sắc như lưỡi dao cứa vào thịt da chảy máu cũng chẳng ngăn được người ta tìm đến chiêm ngưỡng, vờn quanh, lưu lại màu sắc của kỉ niệm, của ước muốn về cuộc sống giản đơn mà bền bỉ như loài hoa ấy mỗi dịp đông về. Thả hồn theo những ngọn bông lau dài nương trong chiều đầy gió và xao xuyến, băng khuâng, tâm hồn mỗi người dường như được gột rửa thanh tịnh, còn thời gian thì lắng đọng vô ưu.

Cứ thế, giữa nhá nhò đồng bãi, giữa dập dìu tàu thuyền tấp nập trên sông, giữa những bãi bồi um tùm cây cối và sầm uất phố phường cỏ lau đến mùa vẫn lặng thầm nở trắng phau phau; loài hoa giản đơn, nhát nhòa, bàng bạc trong chiều dẹt nắng đan cài những màu sắc tình yêu và huyền sử, để người ta lại miên man nhớ đến mỗi độ đông về....

Ngày trở về

THƯỢNG LUYẾN

NHÂN VẬT

- | | |
|--------------------|------------------------|
| 1. NGUYỄN TRỌNG: | Thương binh |
| 2. NGUYỄN MẠNH: | Anh trai ông Trọng |
| 3. NGUYỄN QUÝ: | Em trai ông Trọng |
| 4. NGUYỄN THỊ HUỆ: | Vợ ông Mạnh |
| 5. NGUYỄN THỊ HOA: | Con gái ông Trọng |
| 6. TRẦN VĂN: | Hàng xóm của ông Trọng |
- Cùng một số nhân vật quần chúng
Gia đình nông thôn miền Quan họ. Một sớm ngày xuân.*

MỞ MÀN

(Ông Nguyễn Mạnh trông đợi, sốt ruột)

Nguyễn Mạnh: Lạ thật! Ông ấy hẹn 10 giờ sáng nay, mà sao hơn 11 giờ vẫn chưa tới. Không hiểu đường sá xa xôi, tàu xe khó khăn, hay xảy điều bất trắc, thì quả là ân hận. Bởi vì em mình, vì sự đoàn tụ gia đình mình mà ông ấy phải gánh chịu... Ôi! Mong sao mọi sự tốt lành, không xảy điều ngang trái.

Nguyễn Quý: (Ra) Hẳn bác cả đang âu lo trông đợi khách quý tới nhà?

Nguyễn Mạnh: Vì em mình, gia đình mình, người ta phải vất vả, thì chú bảo không âu lo sao được. Nói đại, nếu không may đi đường ông ấy gặp chuyện không may, thì tôi biết ăn nói thế nào với gia đình ông ấy, biết ứng xử sao cho phải với việc làm nghĩa cử của ông ấy với gia đình mình?

Nguyễn Quý: Đã đành là như vậy. Em chỉ e bác nhẹ dạ cả tin. Cũng may không bị mất thứ gì.

Nguyễn Mạnh: Ô hay, người ta vất vả mang điều tốt lành cho gia đình mình, mà chú cũng hoài nghi thì chú còn tin ai nữa?

Nguyễn Quý: Bây giờ bọn lừa đảo tinh quái lắm, nó điều tra biết được nguyện vọng gia đình, nó đánh trúng tâm lý, rồi tìm cách tiếp xúc tạo tình cảm thân mật, quan sát kết bạc, chờ sơ hở, nó dùng thuốc mê, chiếm đoạt tài sản tẩu thoát. Nếu không may bị lộ, nó có thể thủ tiêu mình để phi tang.

Nguyễn Mạnh: Chú nói lừa đảo, trộm cướp như thế có mà loạn.

Nguyễn Quý: Thì vợ chồng nhà Thiện bán thịt lợn ở đầu ngõ chứ đâu xa. Nó vào nói ngon ngọt, bán cho hai lọ gì chẳng biết, với giá hai triệu tám. Tự nhiên u mê đếm trả nó những hai mươi tám triệu đồng. Khi nó đi từ tám hoành, mới biết bị lừa mất tiền thì kêu ai.

Nguyễn Mạnh: Nghe nói, nó vào tán tỉnh làm kinh tế, cứ tưởng bỏ, tin tưởng, nó cuồnmacht. Chung quy xuất phát từ lòng tham, chứ mình có gì mà người ta lừa. Chẳng nhẽ lừa liệt sỹ sống lại à?

Nguyễn Quý: Bọn trộm cướp, lừa đảo thì chúng từ thứ gì. Bác không nhớ vụ lưu manh đi tìm hài cốt liệt sỹ ở Yên Phong, để chiếm đoạt tài sản công dân, bị phơi lên mặt báo à?

Nguyễn Mạnh: Biết rồi. Đây là bọn táng tận lương tâm, dùng xương thú, đem chôn ở vùng chiến sự, rồi dẫn thân nhân liệt sỹ đến thu gom để kiếm lời. Còn đây, ông ấy là người hàng xóm của ruột thịt mình, đã lặn lội đường xá xa xôi, không quản gian nan vất vả, để đưa người nhà mình mất trí nhớ về đoàn tụ gia đình, mà lại nghi ngờ người ta thì là điều không phải, chú ạ.

Nguyễn Quý: Thì em cũng nhẹ miệng tham gia với bác như vậy, chứ em có gặp người ta đâu mà biết hư thực. Tùy bác, em về.

Nguyễn Mạnh: Ô kìa! Tôi đã cho làm mâm cơm thấp hương mời các cụ. Chú ở đây khách về cùng ăn uống vui vẻ chứ sao lại thế?

Nguyễn Quý: Em về có chút việc. Khi nào khách tới em lại sang, chào bác! (Vào)

Nguyễn Mạnh: Tùy chú! Việc có thể mà anh em cũng chẳng đồng thuận, cứ kẻ ngược người xuôi. Người ngoài biết, người ta sẽ cười cho là anh em bất hòa.

Nguyễn Thị Huệ: (Ra) Hết một tuần hương rồi. Ông không cho hạ mâm, mời chú Quý cùng con cháu ăn cơm, mà đến bữa lại để chú ấy về là nhẽ làm sao?

Nguyễn Mạnh: Tôi mời rồi. Chú ấy về có việc, khi nào khách tới chú ấy lại sang.

Nguyễn Thị Huệ: Đào ơi! Khách với chả khứa.

Nguyễn Mạnh: Ô hay, sao bà nói vậy?

Nguyễn Thị Huệ: Còn giảng với sao gì nữa. Không biết ông hò hẹn với khách thế

nào, mà giờ vẫn chưa thấy. Ông vào tạ lễ, cho con cháu bung mâm ăn uống. Khách về ăn sau chẳng sao.

Nguyễn Mạnh: Kìa bà...

Nguyễn Thị Huệ: Ông khẩn chú Trọng đôi câu, chú ấy linh thiêng chở che cho khách đi đến nơi về đến chốn.

Nguyễn Mạnh: Chú Trọng bị mất trí nhớ. Hôm nay anh em người ta đưa chú ấy về với gia đình mình, mà bà lại bảo khẩn chú ấy là nhẽ làm sao?

Nguyễn Thị Huệ: Giảng với chẳng sao. Đây là ông nghe người ta nói, chứ cái Bảng Tổ quốc ghi công liệt sỹ Nguyễn Trọng, mới là thật mực sớ thị. Chú ấy chết trẻ linh thiêng lắm, ông cứ kêu cầu chú ấy phù hộ cho, đi ông! *(Đẩy ông Mạnh vào)*

Nguyễn Mạnh: Để tôi đi tự nhiên. Làm gì cứ phải đùn đẩy, bọn trẻ trông thấy nó cười cho. *(Vào)*

Nguyễn Thị Huệ: Đào ơi! Cười hớ mười cái răng. *(Tiến lên tiền đài)* Con Nam mô A Di Đà Phật! Nam mô A Di Đà Phật! Nam mô A Di Đà Phật! Con lạy chín phương trời, lạy mười phương đất. Thổ công, thổ thần, ngũ phương long mạch, phù hộ độ trì, anh linh Nguyễn Trọng sống khôn, chết thiêng run rủi cho khách về với gia đình hanh thông vạn sự. A di đà Phật! *(Tiếng hậu trường vọng lại)*

Trần Văn: Các ông bà cho tôi hỏi. Nhà ông Nguyễn Mạnh, ở Xuân Đài, Đình Bảng, đi lối này phải không ạ?

Khán giả: Phải rồi. Đến ngã ba, rẽ trái ba nhà nữa tới nhà ông Mạnh đó.

Trần Văn: Cảm ơn các ông bà nhiều ạ!

Nguyễn Thị Huệ: Khách về rồi, khách về rồi! Đúng là có thờ có thiêng. Khách về rồi ra đón khách ông Mạnh ơi!

Trần Văn: *(cùng ông Trọng và cháu Hoa, ra)* Chào bà! Ông cháu có nhà không ạ?

Nguyễn Thị Huệ: Chào các ông! Hẳn các ông ở phương Nam ra, ông cháu vẫn chờ đấy. Để tôi gọi ông ấy.

Nguyễn Mạnh: Khỏi cần. Tôi ra đây rồi. Chào tất cả mọi người! Hôm trước, tôi và ông đều sơ ý, không cho nhau số điện thoại, thành thử hôm nay ông về muộn, chẳng biết đâu mà lần, cứ chạy ra, chạy vào, bấn gắt lẫn nhau.

Trần Văn: Vâng. Chúng tôi về Nam Định nghỉ ngơi vài ngày. Hôm nay đi xe buýt, lên xuống chuyển tuyến nhiều lần, chậm thời gian đã hẹn, mong ông bà thông cảm. Nhưng cái gì đến vẫn cứ đến, tôi đưa bố con ông Trọng, về với ông bà, với gia đình đây ạ

Nguyễn Thị Hoa: Cháu chào ông bà ạ!

Nguyễn Mạnh: Ta là anh ruột bố cháu, gọi bằng bác thôi, cháu nhé.

Nguyễn Thị Hoa: Cháu cảm ơn bác. Vâng ạ!

Nguyễn Mạnh: Chú Trọng em tôi đây ư? Sau lại gầy gò, tàn tạ nhường này. Không, không thể?

Trần Văn: Mấy chục năm anh em mới gặp nhau, phần vì tuổi tác, phần vì cuộc sống vất vả, diện mạo con người đổi khác. Ông ngắm kỹ xem có gì hao hao với ông Trọng, em ruột mình khi xưa không?

Nguyễn Mạnh: Năm 1967, chú Trọng nhập ngũ ở tuổi 20, béo mập, trắng trẻo, sinh trai, hiền lành ít nói... Cũng phải thôi, 46 năm qua, phần vì quãng thời gian bào mòn thân thể, phần vì chiến tranh cướp đi một phần xương máu, khiến chú ấy trở thành thương tật, tàn tạ. Để tôi xem... *(Đến bên, nâng cánh tay trái của Trọng lên quan sát, bỗng thốt lên)*. Đúng rồi, chú Trọng đây rồi! Thuở nhỏ đi chăn trâu, khi con trâu lồng chú đuổi theo bị ngã, để lại vết sẹo bắp tay trái vẫn còn đây. *(Ôm Trọng)* Em ơi! Anh Mạnh đây, em nhận ra anh không?

Nguyễn Trọng: *(Lắc đầu. Cười ngây dại)*

Nguyễn Mạnh: Trời ơi! Bom đạn Mỹ đã cướp đi trí nhớ của em tôi, khiến em không nhận được anh ư? Độc ác quá! *(khóc)*

Nguyễn Thị Huệ: Chú Trọng ơi! Chị Huệ là chị dâu của chú đây. Ngày chú nhập ngũ, mẹ sai chị nấu xôi, thịt gà làm lễ gia tiên cầu các cụ phù hộ cho chú chân cứng đá mềm, hanh thông vạn sự; rồi gói xôi, tẻ gà để chú mang đi ăn đường. Chú có nhận ra chị Huệ không?

Nguyễn Trọng: *(Lắc đầu. Cười ngây dại. Vừa lúc ấy, ông Quý ra)*.

Nguyễn Quý: Anh Trọng đâu rồi? Trời ơi sao anh lại gầy guộc thế này. Em là Quý đây. Cái thằng Quý học dốt, ham chơi, anh cứ phải bẹo tai bắt em học. Anh có nhận ra em không?

Nguyễn Trọng: *(Lắc đầu. Cười ngây dại)*.

Nguyễn Thị Huệ: Khổ thân em tôi! *(khóc tức tưởi)* Ối trời ơi là trời!... Năm 1984, gia đình nhận giấy báo tử và Bằng Tổ quốc ghi công Liệt sỹ Nguyễn Trọng, mới nhận thông tin chú hy sinh năm 1975. Trước khi tạ thế, mẹ căn dặn các anh chị, bằng mọi giá phải đi tìm, mang hài cốt em về quê. Nhờ phúc ảm tổ tiên, tránh được hòn tên mũi đạn, nay em còn sống trở về với gia đình, nhưng chiến tranh cướp đi trí nhớ, khiến em không nhận được người thân trong gia đình, thì ác độc nhường nào. Ối em ơi! Ối em ơi là em ơi!...

Nguyễn Quý: Sao bác cứ gào khóc thế? Chẳng ra thể thống gì cả! *(Vào)*

Nguyễn Thị Hoa: Các bác ơi! Cháu biết các bác thương ba cháu, nhưng tất cả đều do chiến tranh gây ra, biết làm sao được. Cháu được má cháu kể rằng, ba cháu ở Tiểu đoàn 8, Trung đoàn 3, Sư đoàn 9, trực tiếp chiến đấu ở chiến trường Tây Ninh. Năm 1969, đơn vị chuyển về Cần Thơ, An Giang và Cà Mau. Trong trận chiến đấu giải phóng

Vĩnh Chung, ba cháu bị thương, sau chuyển đến công tác hậu cần của Tiểu đoàn. Năm 1975, ba cháu kết hôn với má cháu là Lê Thị Hòa vốn là du kích Ấp 15, xã Biển Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, thương binh 4/4. Ngay trong thời gian đó, vết thương tái phát, ba cháu bị mất trí nhớ. Năm 1976, ba má sinh ra cháu, năm 1979 và 1982, ba má cháu sinh tiếp hai em, một trai, một gái. Gia đình có hai công thổ đất nông nghiệp, cấy lúa, nuôi tôm, cuộc sống gia đình ổn định. Má cháu bị bệnh tai biến đã 16 năm nay. Đột nhiên năm 2020, ba cháu lại nhớ ra quê ở làng Đình Bảng, không nhớ thuộc xã, huyện, tỉnh nào. Cũng may, chú Trần Văn quê Xuân Thủy, Nam Định, hiện là bà con lối xóm gia đình, đã tận tâm giúp đỡ, tìm giúp quê hương bản quán, đưa ba con cháu về quê cha đất tổ, thăm gia đình dòng tộc. Xin các bác tỉnh tâm, ba cháu lúc nhớ, lúc quên, rồi sẽ nhận ra các bác. Máu chảy đến đâu ruồi bầu đến đấy ạ.

Nguyễn Thị Huệ: Biết vậy nhưng bác thương ba cháu hiền lành tốt nết, mà phải chịu điều bất hạnh. Ồi em ơi! Khổ thân quá, em ơi!

Nguyễn Mạnh: Kìa bà! Cháu nó cũng đã nói rồi. Thương để bụng, chứ khóc lóc ầm ỹ chỉ thêm rối.

Nguyễn Quý: *(Cầm Bằng Tổ quốc ghi công có ảnh ông Trọng, ra)*

Đây rồi. Bằng Tổ quốc ghi công liệt sỹ Nguyễn Trọng, có cả ảnh chân dung anh hồi nhập ngũ đây. Anh nhận ra không?

Nguyễn Trọng: *(Nhìn Bằng Tổ quốc ghi công và chân dung lúc trẻ, tiến lên tiền đài. Ngưng lặng ngắm. Bỗng òa khóc tức tưởi):* Mẹ tôi đâu, mẹ tôi đâu! Mẹ ơi con chưa đáp đền công sinh thành dưỡng dục, nay con về thì mẹ đã đi xa. Mẹ! Các anh chị, em, mọi người trong gia đình ơi! Xin hãy bỏ quá cho em lúc nhớ lúc quên, vì chiến tranh gây nên điều ác mà em phải gánh chịu! Anh Trần Văn ơi! Anh là người hàng xóm tốt bụng, đã không quản gian nan, vượt hàng ngàn cây số, đưa ba, con tôi về đoàn tụ gia đình. Những điều mà tôi không thể hy vọng. Cảm ơn anh, ngàn lần cảm ơn anh, bái tạ anh đã mang lại sự khát khao sum họp của gia đình tôi! *(Quỳ trước mặt Văn)*

Trần Văn: Anh không nên làm thế. *(Nâng ông Trọng đứng dậy)* Có chi mà ân với huệ hả anh? Tôi cũng như mọi người dân, những mong được làm việc nghĩa cử đẹp để đối với các anh, để góp phần đền ơn đáp nghĩa các anh hùng liệt sỹ, anh chị em thương bệnh binh, đã hy sinh một phần xương máu, cho Tổ quốc ta nở hoa độc lập, kết trái tự do! Tôi xin chúc mừng sự đoàn tụ sum họp của gia đình ta! *(Bà con dân làng đến chia vui).*

Cụ Ông: Ông Trọng vừa về hả. Khỏe không? Liệt sỹ “sống lại”. Chuyện thật như cổ tích, có một không hai. Chúng tôi xin chúc mừng sự đoàn tụ của gia đình ta!

(Mọi người hứng khởi, vỗ tay reo vui trong tiếng nhạc hào hùng)

MÀN

THƯƠNG TIẾC NHẠC SĨ HỒNG TRẠCH

TRỌNG TĨNH

Nhạc sĩ Hồng Trạch tên đầy đủ là Nguyễn Hồng Trạch, sinh năm 1943 tại thôn Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Thời kỳ đầu khi tham gia công tác ông từng là giáo viên nhiều năm giảng dạy tại huyện Yên Phong, vốn có năng khiếu về âm nhạc, ông được lãnh đạo huyện chuyển sang làm công tác văn hóa và giữ chức Phó Phòng VH-TT - TDTT huyện Yên Phong từ năm 1982 đến năm 2001. Ông cũng là một trong những hội viên đầu tiên góp phần xây dựng Hội Văn học Nghệ thuật Hà Bắc từ năm 1980 thuộc thể kỉ trước. Ngoài việc góp sức trong xây dựng và tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ của huyện Yên Phong, ông cũng là một tác giả có nhiều đóng góp trong sự nghiệp âm nhạc. Để có thêm những ca khúc hay về quê hương Yên Phong, ông thường xuyên tổ chức, chỉ đạo các hội thi, liên hoan văn nghệ quần chúng thuộc huyện và các cuộc tham gia liên hoan, hội diễn cấp tỉnh, ông còn là người đề xuất với lãnh đạo huyện đồng thời là người chịu trách nhiệm mời một số nhạc sĩ tên tuổi của Hội Nhạc sĩ Việt Nam về thực tế và sáng tác ca khúc cho huyện Yên Phong nơi ông công tác. Để từ đó đã có hơn chục ca khúc

viết về Yên Phong nổi tiếng của các nhạc sĩ Trung ương như: **“Chợ Chờ em vẫn chờ ai”** sáng tác của nhạc sĩ Huy Du, lời thơ Phạm Tiến Duật; **“Hát trên đồng đất Yên Phong”** của Thái Cơ; **“Tình ca bên sông Cầu”** của Văn Ký; **“Đến Yên Phong người ở đừng về”** của Huy Thục; **“Không nỡ hát một lời già bạn”** của Hồng Đăng... Đây là những nhạc sĩ hàng đầu của Việt Nam đã về với mảnh đất Yên Phong và để lại những ca khúc mà người Bắc Ninh và cả nước quen thuộc, như bài **“Chợ Chờ em vẫn chờ ai”**.

Với góc độ một nhà quản lý trong lĩnh vực Văn hóa, nhạc sĩ Hồng Trạch đã có công lớn khi ông đề xuất với lãnh đạo huyện mời được đoàn nhạc sỹ nổi tiếng của Hội Nhạc sĩ Việt Nam về thâm nhập thực tế và đã để lại nhiều ca khúc hay mang dấu ấn miền quê Yên Phong. Riêng ông cũng đã trưởng thành và lớn lên trong những dịp đưa đoàn Nhạc sĩ về với Yên Phong. Giai đoạn này Hồng Trạch đã sáng tác ca khúc **“Đệt thắm ước mơ”** viết về nghề trồng dâu nuôi tằm chính tại quê hương ông. Ca khúc đã đoạt giải thưởng trong Hội diễn Văn nghệ quần chúng của huyện và sau đó đoạt giải trong Hội diễn cấp tỉnh. Thành

công này khiến ông chuyên tâm sáng tác âm nhạc nhiều hơn. Một loạt ca khúc của ông ra đời ca ngợi chính mảnh đất nơi ông đang sống và làm việc như: **“Bà mẹ Yên Phong”, “Hát về Bệnh viện Yên Phong”, “Bên tượng đài liệt sĩ”, “Trầu cau Quan họ”**... Các ca khúc Hồng Trạch sáng tác mang theo những tâm tình của người nhạc sĩ từng nhiều năm đi thực tế ở cơ sở, lời ca dung dị, mộc mạc, âm nhạc tình cảm, như những lời tâm tình mời gọi khiến cho những ca khúc ông sáng tác đều được công chúng quê hương đón nhận và yêu thích.

Nhạc sĩ Hồng Trạch là một trong những nhạc sĩ cao tuổi ở chi hội Âm nhạc tỉnh Bắc Ninh, song sự cần cù, say đắm trong sáng tác âm nhạc khiến ông không quản ngại việc đi thâm nhập sáng tác khi Hội Văn học Nghệ thuật tổ chức. Có một lần, ông cùng đoàn đại biểu của huyện về thăm quê Bác... thế là ngay chuyến đi này ông đã sáng tác kịp thời để giới thiệu ca khúc **“Người Quan họ hành hương về quê Bác”** với lời ca thật đậm đà tình người: *Con đã về đây từ miền quê Quan họ/ Kính dâng lên Người khúc hát dân ca/ Người muốn nghe trước lúc người đi xa/ Làng Sen ời náo nức mùa hè sang/ Người từ muôn phương đổ về quê Bác/ Trời Nghệ An cao xanh bát ngát/ Nhớ ơn Người con cháu hành hương...* Sau khi trở về Bắc Ninh ông cũng viết tiếp ca khúc **“Gặp em cô gái Trường Sơn”**, được Nghệ sĩ Ưu tú Minh Hằng thể hiện và đoạt giải A trong Liên hoan Nghệ thuật quần chúng Toàn quốc. Với Yên Phong, Nhạc sĩ Hồng Trạch luôn đau đáu muốn làm sao sớm có được một album những ca khúc viết về quê hương Yên Phong của ông. Ông đã tham

muu cho Phòng Văn hóa - Thông tin huyện bước đầu cho ra đời được một tập ca khúc của các tác giả Trung ương và địa phương viết về Yên Phong, trong đó ông có hai bài **“Đệt thảm ước mơ”** và **“Chào quê hương vào mùa xuân mới”** (lời thơ của Đặng Đình Hưu)...

Nhạc sĩ Hồng Trạch không chỉ sáng tác nhạc, những năm gần đây ông chuyển sang sáng tác thơ và đã có nhiều bài thơ được in trên Tạp chí Người Kinh Bắc, một số báo và tạp chí các tỉnh... Ông từng chia sẻ với anh chị em văn nghệ sỹ đồng nghiệp là ngoài sáng tác nhạc, ông sẽ cho ra đời một tập thơ và có lẽ thơ ông cũng đã đủ chín và đủ để in thành một tập riêng mang tên ông. Tiếc rằng, tuổi cao, bệnh tật khiến ông không thể thực hiện tâm nguyện của mình... Song, những thế hệ văn nghệ sỹ Bắc Ninh luôn đồng hành Nhạc sĩ - nhà thơ và những bạn bè đồng nghiệp sẽ cùng với gia đình mong rằng sẽ sớm có ngày hoàn thành tâm nguyện của ông...

Với những đóng góp trong sự nghiệp Văn hóa Nghệ thuật, nhạc sĩ Hồng Trạch đó được tặng Huy chương và Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Văn học Nghệ thuật, Vì sự nghiệp Văn hóa quần chúng, cùng nhiều giải thưởng về thơ và âm nhạc. Nhà giáo - Nhạc sĩ Hồng Trạch đã đi vào cõi vĩnh hằng, ông để lại sự tiếc thương vô vàn của bạn bè, đồng nghiệp cùng trang lứa. Hội VHNT mất đi một hội viên mẫn cán trong sáng tác âm nhạc và thơ ca. Chúc ông yên giấc ngàn thu./

Một vùng đất dân ca

Nhịp vừa - Tình cảm

Nhạc và lời : Hồng Trạch

The musical score is written on ten staves in 2/4 time. It features a melody with various note values including eighth, sixteenth, and thirty-second notes, as well as rests. There are several triplet markings (indicated by a '3' over a group of notes) on staves 3, 4, 6, 8, and 9. The lyrics are written in Vietnamese below the notes.

Ngôi tựa mạn thuyền bến nước trắng soi Nghe dư âm lời ru của
mẹ Đưa anh đến một vùng quê Quan họ con sông Cầu nước chảy lo
thơ Sóng nước rì rào gió hát lao xao câu dân ca người ơi người
ở Tha thiết ngọt ngào xao xuyến lòng ai ở nơi
ấy từ ngàn năm trước Giai thoại Long Thành với Thất Diệu Sơn Cô gái làng
Diêm hái dâu cắt cỏ Tiếng sáo mục đồng theo gió lan xa ở nơi
ấy ngã ba sông dạy sóng Bài thơ thần thành bản tuyên ngôn
oi mảnh đất dân ca muôn vàn thân thiết Ai đã đến đây cũng mu
ở không về

Màu xanh biên cương

Vui khỏe - Tự tin

Nhạc và lời : Kim Oanh

Chập chùng núi chập chùng mây giữa mênh mang trời đất. Tùng dòng suối từng rừng
cây cất lên bao điệu hát. Về người lính thân thương bao tháng ngày không nghỉ
để từng dấu chân anh in khắp nẻo biên cương. Rừng ơi rừng ơi màu xanh yêu
thương, ngày đêm chờ đợi người lính biên phòng. Canh giữ biên cương không rời tay
súng. Cho quê hương mình mãi mãi xanh tươi. Người ơi người ơi, ngàn câu yêu
thương, để cho bình yên trên những môi cười. Sông núi quê hương bao đời gìn
giữ. Người lính Bắc Hồ giữ trọn niềm tin. Mãi mãi không phai tấm lòng son
sắt. Vì nước quên mình yêu Đảng yêu dân. Chập chùng
dân. Mãi mãi không phai tấm lòng son sắt. Vì nước quên
mình yêu Đảng yêu dân.

Rall...(Chậm lại để kết)

ĐÊM NHẠC NGUYỄN TRUNG - "tìm trong chiều hội Lim"

THANH LÂM

Tối 27/11, tại Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông thành phố Bắc Ninh diễn ra đêm nhạc Nguyễn Trung với chủ đề **"Tìm trong chiều hội Lim"** do Chi Hội Nhạc sĩ Việt Nam tỉnh Bắc Ninh tổ chức. Dự đêm nhạc có đồng chí Nguyễn Nhân Chiến, nguyên Ủy viên T.Ư Đảng, nguyên Bí thư Tỉnh ủy; Thiếu tướng, nhạc sĩ Đức Trịnh, Chủ tịch Hội Nhạc sĩ Việt Nam.

Là một người lính với 70 năm tuổi đời, trải qua thời binh lửa, từ bài ca đầu tiên viết trong hầm pháo trên đảo Ngọc Vũng năm 1972 đến nay, nhạc sĩ Nguyễn Trung đã có 50 năm sáng tác âm nhạc với hàng trăm ca khúc, trong đó nhiều ca khúc được phổ biến rộng rãi, được giải thưởng cấp Trung ương, khu vực và cấp tỉnh. Một số tác phẩm tiêu biểu như: *Giữ biển, Tìm trong chiều hội Lim, Thêm một, Hội làng mùa xuân, Nỗi nhớ khôn nguôi, Đảo nhỏ, Hội Diêm...* Nhạc sĩ Nguyễn Trung còn là một trong những người có đóng góp tích cực xây dựng, phát triển đội ngũ hoạt động âm



Lãnh đạo Hội VHNT Bắc Ninh và Tạp chí NKB chúc mừng Đêm nhạc.

nhạc ở Bắc Ninh. Hiện nay, ông là Chi hội trưởng Chi hội Âm nhạc tỉnh Bắc Ninh.

Đêm nhạc **"Tìm trong chiều hội Lim"** giới thiệu đến công chúng yêu nhạc 14 ca khúc của nhạc sĩ Nguyễn Trung ở nhiều mảng đề tài, gồm: *Một trong năm khúc gọi đò, Trăng trôi mùa hội, Chống chến, Hoang dại, Bắt chồng, Tìm trong chiều hội Lim, Bài ca Dabaco, Người con gái Bắc Ninh, Cây bồ đề trước sân nhà Đại tướng, Chủ biên phòng về bản, Xin mưa rào lên đỉnh E5, Hát mãi tên anh, Thắm đượm nghĩa tình, Hoạt cảnh hội Diêm...* Các tác phẩm được trình diễn bởi ca sỹ Văn Tuấn, Phương Anh, Trịnh Thắng, Hồng Nhung, Hồng Hạnh, Linh Phương, Trung Hiếu, Duy Thắng, Quang Hưng... cùng tập thể diễn viên Nhà hát Dân ca Quan họ Bắc Ninh.

Nhân dịp này, Nhạc sĩ Nguyễn Trung ra mắt Tuyển tập ca khúc Nguyễn Trung với tựa đề **"Tìm trong chiều hội Lim"** gồm 70 tác phẩm do Nhà xuất bản Quân đội nhân dân phát hành./.

Tuyển binh

Trong một phòng tuyển quân, viên sĩ quan phụ trách tuyển quân nói với một thanh niên xin vào binh chủng hải quân :

- Ngoài các tiêu chuẩn về văn hóa và sức khỏe, còn một điều kiện bắt buộc nữa là cậu phải biết bơi.

- Dạ bơi thì tôi không biết, thế nhưng hải quân sắm tàu ra để làm gì mà bắt lính phải bơi ?

- Thôi được, cậu ngồi đó chờ giải quyết sau, còn cậu kia muốn xin gia nhập vào binh chủng không quân hãy cho biết ý kiến riêng của mình ?

- Dạ tôi xin rút lại hồ sơ.

- Cho biết lý do?

- Dạ tôi xin rút lui là đúng lúc vì tôi đâu có biết bay.

- !!!

Bắn súng giỏi

Tại cuộc kiểm tra bắn súng ngắn K54 bài 1 của đơn vị, sĩ quan chỉ huy nói:

- Các đồng chí phải nắm vững yếu lĩnh, cố gắng bắn được như tôi, cả ba viên đều trúng vòng 10. Tôi bắn để các đồng chí xem nhé!

Sĩ quan chỉ huy vào vị trí bắn. Người hướng dẫn bắn nói với chiến sĩ báo bia: “Báo điểm từng viên một nhé!”

- Đoàn! - Viên đạn thứ nhất nổ.

Báo bia:

- 9!

- Đoàn! - Viên đạn thứ hai nổ.



Báo bia:

- 8!

- Đoàn! - Viên đạn thứ ba nổ.

Người hướng dẫn bắn nói to: - Thủ trưởng bắn đây!

Báo bia: - 13!

Mọi người cùng cười.

- Giỏi! Cộng cả ba viên vừa đúng 30 điểm!

- !!!

Thăng chức

Hai chiến sĩ lâu ngày gặp lại nhau. Một người hỏi:

- Cậu bây giờ ở đâu?

- Tớ ở cạnh phòng thủ trưởng.

- Tốt quá, thế công việc thế nào?

- Dưới tớ có 30 người.

- Trung đội trưởng rồi cơ à? Xin chúc mừng nhé!

- Không, tớ lên làm liên lạc cho thủ trưởng, mới chuyển lên tầng 3 cạnh phòng sếp cho tiện!

- !!!

Sưu tầm: **THU UYÊN**

SỔ TAY TẠP CHÍ

Trong số này, Tạp chí Người Kinh Bắc đã nhận được tác phẩm tham gia cộng tác của các tác giả:

*** Trong tỉnh:** Lương Thìn, Nguyễn Hà Hải, Nguyễn Cát Chuyển, Bùi Hồng Mận, Phạm Thuận Thành, Lê Viết Nga, Nguyễn Thị Hằng, Hà Nguyên Thảo, Nguyễn Khắc Bảo, Nguyễn Xuân Tường, Nhất Mạt Hương, Lê Khanh, Vũ Thế Thước, Nguyễn Thượng Luyến, Vũ Việt Tâm, Đỗ Hữu Bằng, Vũ Ngọc Hòa, Trần Thiết, Nguyễn Trọng Liễu, Nguyễn Đình Chế Phan Trự, Phạm Đình Thái, Nguyễn Cát Chuyển, Duy Đắc, Nguyễn Trung, Nguyễn Đức Quế, Nho Thuận, Mai Kháng, Vũ Thế Thước, Nguyễn Xuân Hùng, Nguyễn Tiến Lộc, Nguyễn Văn Hòi, Đặng Phương Linh, Nguyễn Thị Trang, Bùi Thị Hải Anh, Vũ Ngọc Hòa...

*** Ngoài tỉnh:** Ngô Trọng Nghĩa (Trà Vinh), Nguyễn Văn Trự (Thanh Hóa), Lê Hứa Huyền Trân (Bình Định), Ngô Văn Hiểu (Bắc Giang), Nguyễn Thanh Vũ (Tp. Hồ Chí Minh), Nguyễn Phú Ninh (Hải Dương), Nguyễn Văn Danh (Phú Yên), Nguyễn Văn Thanh (Quảng Trị), Nguyễn Bích Thuận (Lạng Sơn), Nguyễn Đình Thu (Bình Định), Nguyễn Văn Toàn (Huế), Trần Anh Thuận, Nguyễn Thị Thanh Duyên, Nguyễn Quỳnh Anh, Nguyễn Văn Viết (Ninh Bình), Phụng Tú, Hoàng Bích Hà, Khuê Việt Trường (Khánh Hòa), Lê Minh Hải, Bùi Quốc Bình (Phú Thọ), Nguyễn Văn Thanh (Quảng Trị), Trần Thái Học (Bến Tre), Đoàn Mạnh Tiến (Nghệ An), Đoàn Huy Cảnh (Bắc Giang), Lý Thị Minh Khiêm (Lâm Đồng), Đoàn Mạnh Tiến (Nghệ An), Huỳnh Thị Mộng Tuyền (Kiên Giang), Vũ Đăng Bút (Hà Giang)...

Tạp chí xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của quý tác giả và mong muốn thường xuyên nhận được những ý kiến đóng góp của hội viên, cộng tác viên, độc giả ở trong và ngoài tỉnh về chất lượng, nội dung, hình thức... của Tạp chí để từng bước nâng cao hơn nữa chất lượng Tạp chí văn nghệ tỉnh nhà.

Ban Biên tập Tạp chí Người Kinh Bắc trân trọng kính báo tới Hội viên Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, cộng tác viên trong và ngoài tỉnh chủ đề Tạp chí số 1 và số 2 năm 2023 chào năm mới Quý Mão: Mừng Đảng, mừng xuân, mừng quê hương đất nước đổi mới, phát triển; Học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Hướng tới chào mừng Đại hội Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, nhiệm kỳ (2023 - 2028)... Kính mong Hội viên, cộng tác viên và độc giả gửi tác phẩm về Tòa soạn Tạp chí Người Kinh Bắc trước ngày 10/12/2022.

Bài viết gửi về email: tapchinguoiKinhbac@gmail.com hoặc qua Bưu điện theo địa chỉ: Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh (Số 01, Lý Thái Tổ - TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh). Truy cập Website nguoiKinhbac.vn để xem nội dung của Tạp chí hàng tháng.

Trân trọng cảm ơn!

BBT